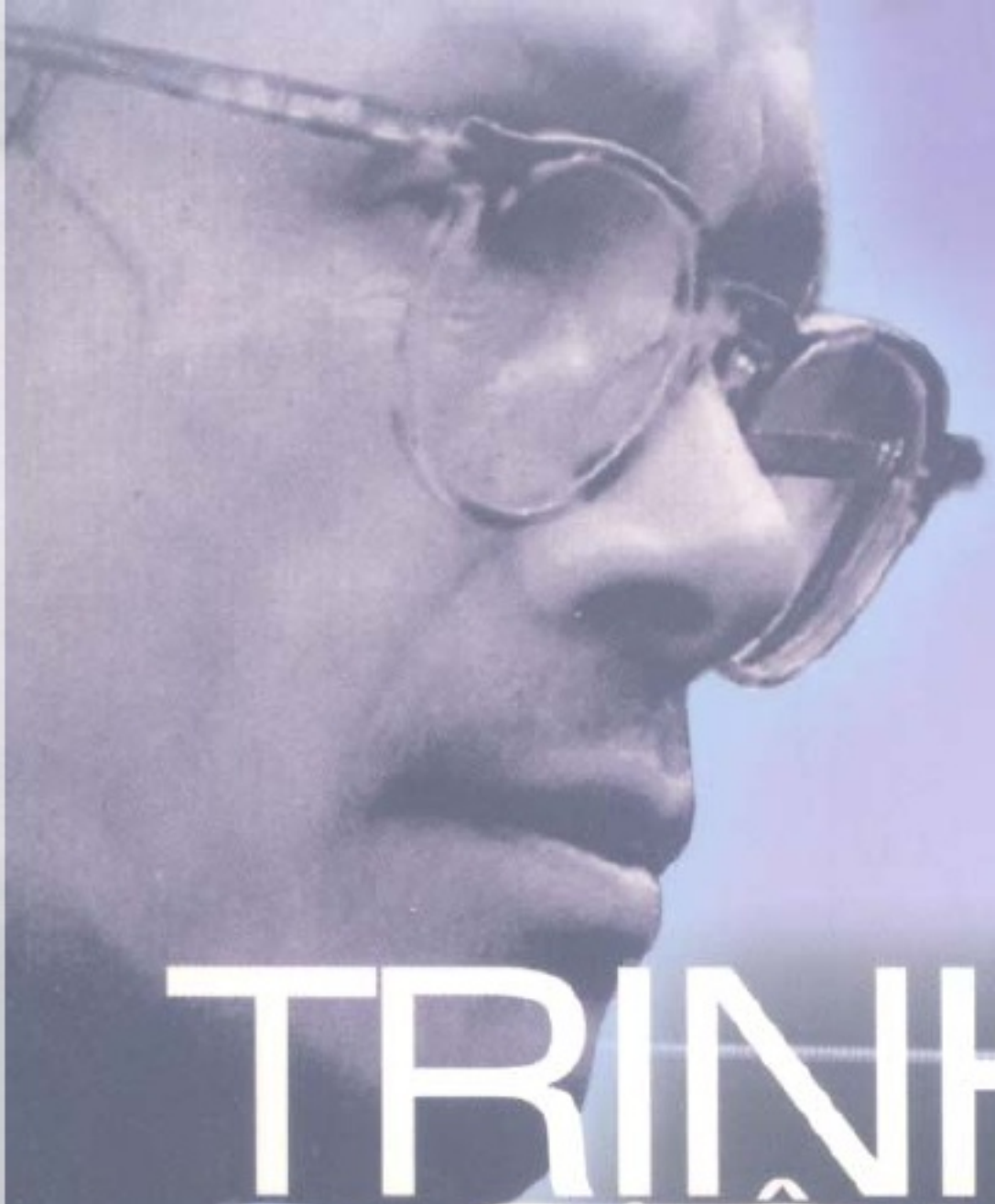

Nguyễn Đắc Xuân

TRỊNH CÔNG SƠN

có một thời như thế

vh
NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU QUỐC HỌC

NGUYỄN ĐẮC XUÂN

Trịnh Công Sơn
có một thời như thế

vh

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU
QUỐC HỌC

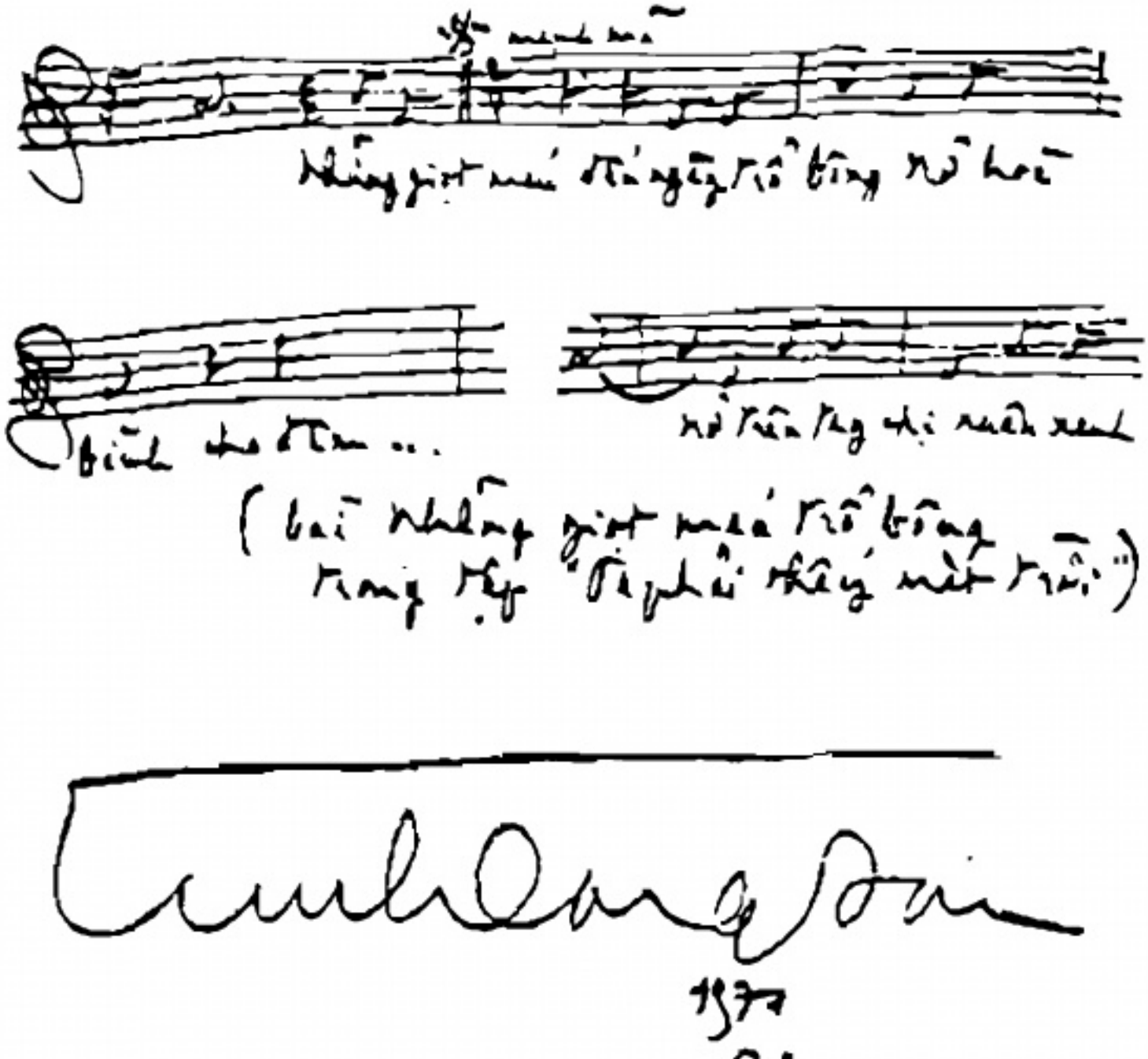

Thủ bút và chữ ký của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Tư liệu của TạTy.

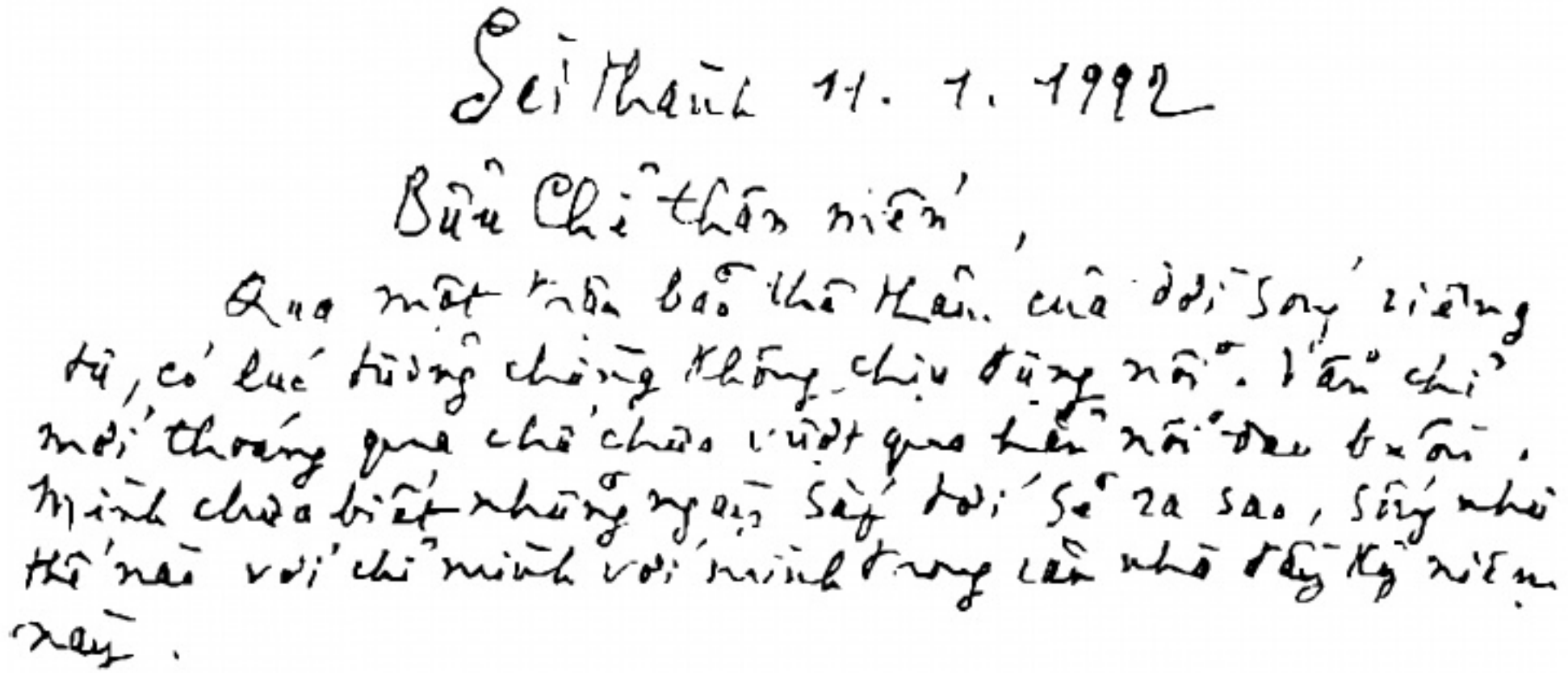
Sài thành 11. 1. 1992

Bửu Chỉ thân mến,

Qua một trận bão thê thảm của đời sống riêng tư, có lúc tưởng chừng không chịu đựng nổi. Vẫn chỉ mới thoáng qua chứ chưa vượt qua hẳn nỗi đau buồn. Mình chưa biết những ngày sắp tới sẽ ra sao, sống như thế nào với chỉ mình với mình trong căn nhà đầy kỷ niệm này.

Đoạn mở đầu lá thư đề ngày 11.1.1992 gởi cho hoa sĩ Bửu Chỉ, Trịnh Công Sơn thổ lộ nỗi đau buồn mất mẹ và nỗi cô đơn trong căn nhà đầy kỷ niệm.

Lời Nói Đầu

Trong tập nhạc "Ta Phải Thấy Mặt Trời" (1968) in 11 bài nhạc của Trịnh Công Sơn, trong đó có đến 3 bài với tiêu đề có chữ "Phải":

"Ta Quyết Phải Sống", "Ta Phải Thấy Mặt Trời", "Chính Chúng Ta Phải Nói".

Trịnh Công Sơn hô hào mọi người "phải sống, phải thấy, phải nói" và chính anh đã sống dâng hiến trọn đời mình cho tình tự quê hương, anh đã thấy được một đất nước bị ngoại thuộc chia cắt rồi vùng lên đấu tranh giành được độc lập thống nhất, anh đã nói lên được những buồn đau của chiến tranh và sự hân hoan khi được hưởng hạnh phúc hòa bình. Từ sau ngày Trịnh Công Sơn "Giã từ cõi tạm" (4.2001), những chữ "Phải" của anh bỗng sống dậy trong tôi và hơn một lần tôi tâm sự với bạn bè lứa tuổi tôi: "Chính chúng ta phải viết về anh". Đó là mệnh lệnh của trái tim tôi và có lẽ đó cũng là mệnh lệnh trái tim của tất cả chúng ta nên cả nước đã viết về anh.

Cho đến trước ngày giỗ đầu nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã có năm cuốn sách viết về anh [1] và hàng trăm bài viết

---

[1] 1. *Trịnh Công Sơn, Một Người Thơ Ca, Một Cõi Đi Về* (Nxb Âm nhạc và TT Văn Hóa - Ngôn Ngữ Đông Tây, HN. 5.2001); 2. *Trịnh Công Sơn Rơi Lệ Ru Người* (Nxb Phụ Nữ, HN. Quý II/2001); 3. *Trịnh Công Sơn Cát Bụi Lộng Lẫy* (Nxb Thuận Hóa, Huế 6.2001); 4. *Trịnh Công Sơn, Người Hát Rong Qua Nhiều Thế Hệ* (Nxb Trẻ, 7.2001) và 5. *Trịnh Công Sơn, Cuộc Đời, Âm Nhạc, Thơ, Hội Họa và Suy Tưởng* (Nxb Văn Nghệ TP.HCM, 11.2001).

khác dāng trên báo - tạp chí, trên các trang Web Internet, phát trên Truyền hình ở trong và ngoài nước. Nhiều tờ báo, tạp chí ra số đặc biệt chuyên đề Trịnh Công Sơn. Chưa có một nhà văn hóa Việt Nam nào mới qua đời chưa đầy một năm mà đã có đến chừng ấy sách báo và bài viết về họ giống như Trịnh Công Sơn. Tuy nhiên, gia đình anh, bạn bè anh cũng như bạn đọc trong và ngoài nước vẫn chưa thỏa mãn, họ cảm thấy người ta mới đề cập đến "hiện tượng" Trịnh Công Sơn chứ chưa nói lên được "bản chất" đích thực của anh. Năm cuốn sách đã ra đời có nhiều cuốn đồ sộ, đẹp chưa từng có, chứa đựng nhiều tư liệu quý về Trịnh Công Sơn nhưng cũng chỉ là những mảnh đời rời rạc chứ chưa có cuốn nào nghiên cứu trình bày có hệ thống về cuộc đời và sự nghiệp âm nhạc của anh cả.

Cuốn sách Cuộc đời và Sự nghiệp âm nhạc của Trịnh Công Sơn là một công trình lớn thuộc thẩm quyền của Hội Nhạc sĩ Việt Nam, cần phải có tài chính, thời gian và đặc biệt phải có đầy đủ tư liệu mới thực hiện được. Do đó cuốn sách mà mọi người đang chờ đợi còn lâu mới xuất hiện. Để góp phần cho công trình trong tương lai ấy, những người bạn của Trịnh Công Sơn ở quê anh đang âm thầm làm việc, cố nhớ lại những gì mình biết, ghi lại thành sách để cho người sau tham khảo. Cách làm việc của anh em là viết những gì chính mình biết hay những người chung quanh biết mà chưa hề được ghi lại và chưa hề công bố. Để có được thông tin phong phú, mỗi người viết cố gắng trung thực với trí nhớ của mình, trung thực với những gì mình đã biết, mình đang có trong tay, không vay mượn tham khảo ý kiến của người

viết khác. Còn việc đúng sai như thế nào, giá trị đến đâu, các nhà nghiên cứu biên soạn sách sau này có thể đối chiếu để tìm ra sự thật và thẩm định giá trị của nó.

Trịnh Công Sơn sinh ra và lớn lên trong một hoàn cảnh bi hùng và rất phức tạp của đất nước. Anh sống gắn bó với cuộc đời nên lịch sử đời anh cũng bi hùng và cũng rất phức tạp không kém. Không thể hiểu Trịnh Công Sơn bằng những ý niệm có sẵn, chung chung. Phải hiểu Trịnh Công Sơn trong từng hoàn cảnh mà anh đã sống qua với những sự việc cụ thể đã tác động đến tâm hồn anh. Phải như thế mới hiểu được hoàn cảnh từng tác phẩm của anh. Cả những việc anh "nói vậy mà không phải vậy". Anh đã bao giờ thổ lộ anh sáng tác tập ***Kinh Việt Nam*** *trong hoàn cảnh nào chưa? Có những việc anh muốn giấu nhưng bạn bè anh lại muốn nhắc đến. Bởi vì "giấu đi" thì sẽ không thể hiểu được cặn kẽ hoàn cảnh ra đời của những bài hát để đời của anh. Ví dụ như giai đoạn anh học Sư phạm ở Qui Nhơn và sáng tác bài* ***Biển Nhớ, Trường ca Tiếng Hát Dã Tràng.***

Nhìn Trịnh Công Sơn bao giờ cũng thấy anh nhàn nhã, thư thái, từ tốn, mang dáng dấp của người quí phái. Người ta đâu ngờ nhiều khi anh bị dồn vào sự nghiệt ngã mà nếu như không có niềm say mê âm nhạc thì có lẽ anh đã ngã gục trước cuộc đời rồi. Nói lên sự thực nghiệt ngã ấy phải chăng là nói xấu Trịnh Công Sơn? Hay nói lên để thấy nghị lực phi thường của anh và càng khâm phục anh? Nhiều bạn bè lứa tuổi anh, tài năng tầm thường mà được yêu, và họ chẳng thấy có gì hãnh diện cả, trong lúc đó thiên tài âm nhạc Trịnh Công Sơn lại hay nhắc đến chuyện mình không được

yêu. Phải chăng nói đến chuyện Trịnh Công Sơn "thất tình" là nói xấu anh? Nếu Trịnh Công Sơn "được tình" thì chưa chắc trong kho tàng tân nhạc Việt Nam có ***Diễm Xưa, Biển Nhớ, Nguyệt Ca...*** *và nhiều tình khúc khác sau này nữa! Và, như chúng ta đã biết có biết bao người đẹp yêu anh, nhưng có được mấy ai còn để lại dáng dấp của họ trong sáng tác của anh đâu?*

Từ sau ngày Trịnh Công Sơn qua đời, nhiều dư luận trong và ngoài nước có khuynh hướng "lôi anh về bên này", hoặc "đẩy anh về bên kia". Đối với Trịnh Công Sơn ai lôi anh thì cứ lôi, ai đẩy anh thì cứ đẩy, "kệ". Trịnh Công Sơn là Trịnh Công Sơn, ai muốn hiểu sao cứ hiểu. Tuy nhiên, cuộc đời nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã thuộc về lịch sử, mà đã là lịch sử thì "bên này" hay "bên kia" phải được chứng minh bằng tư liệu, tư liệu thành văn và tư liệu sống, nói có sách mách có chứng. Không thể phát ngôn về Trịnh Công Sơn theo cảm tính hay theo một định kiến nào. Cuộc đời và sự nghiệp Trịnh Công Sơn như trên đã nói đang ở trong thời kỳ thu thập tư liệu, ai có tư liệu gì xin cứ công bố, càng nhiều, càng cụ thể càng tốt.

Cuốn sách ***Trịnh Công Sơn có một thời như thế*** *đang nằm trên tay bạn được phát hành với tư cách là một nguồn tư liệu đầu tay. Giá trị khoa học của tập tư liệu này ra sao xin dành cho các nhà nghiên cứu biên soạn sách Cuộc đời và sự nghiệp âm nhạc của Trịnh Công Sơn sau này phát biểu.*

Một số bài trong cuốn sách này đã công bố trên tạp chí Kiến Thức Ngày Nay, báo Lao Động, báo Sài Gòn Tiếp

Thị hoặc được đưa vào một vài cuốn sách về Trịnh Công Sơn vừa xuất bản. Do bài viết trong những hoàn cảnh khác nhau nên nếu có những ý trùng lặp kính mong độc giả lượng thứ. Về tên họ và con số năm tháng liên quan đến các nhân vật trong các bài viết đăng trên báo, tạp chí trước đây, nay được bạn đọc góp ý đã hiệu đính chính xác hơn. Ngoài phần của người viết, cuốn sách còn có thêm phần Phụ Lục với một số bài viết và sáng tác ít được phổ biến hoặc nghĩ là đã thất lạc của Trịnh Công Sơn.

Để có được cuốn sách mang tính tư liệu này tôi đã được sự giúp đỡ, cung cấp tài liệu hình ảnh của nhà thờ Trịnh Nam Dường, chùa Phổ Quang ở dốc Bến Ngự, các bạn học cùng lớp, cùng trường Sư phạm Qui Nhơn với nhạc sĩ Trịnh Công Sơn (như Lê Thị Ngọc Trinh, Trương Văn Thanh, Nguyễn Hồ, Phan Văn Bình...), của những thầy giáo thời Trịnh Công Sơn dạy học ở B'lao (như cụ Phạm Trung Thành, cô giáo Lê Thị Ngọc Trinh), Hội quán Hội Ngộ làng Du lịch Bình Quới Thành phố Hồ Chí Minh và đặc biệt của nhà nhiếp ảnh Lê Văn Lợi, họa sĩ Dương Đình Vinh và thầy giáo dạy nhạc Nguyễn Đình Niêm ở Huế. Tôi xin chân thành cám ơn các vị và các bạn. Mặc dù tư liệu đã được ghi chép thành sách, nếu thấy còn có thể bổ sung thêm nữa hoặc sửa chữa cho tốt hơn nữa, kính mong quý vị và các bạn bỏ chút thì giờ quý báu giúp tôi thực hiện việc sửa chữa và bổ sung ấy.

Những tác phẩm của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đăng ở Phần Phụ Lục do tôi sưu tầm đã bổ sung vào danh sách tác phẩm của Trịnh Công Sơn. Sau khi sách được in ra những

tác phẩm ấy thuộc về gia đình của nhạc sĩ. Nếu ai muốn sử dụng lại vào mục đích kinh doanh thì phải được sự đồng ý của người thừa kế hợp pháp gia tài nghệ thuật của Trịnh Công Sơn.

Đối với những người bạn của Trịnh Công Sơn, những người đã từng làm rung động trái tim anh có tên và có hình ảnh trong tập sách này nếu có điều gì ngoài ý muốn cho tôi chắp tay xin hai chữ đại xá bởi vì nghề nghiệp nghiên cứu sử của tôi, tôi không thể bỏ qua những con người thực việc thực như thế được.

Tập sách nhỏ này được biên soạn trên cơ sở tư liệu đáng tin cậy nhưng chắc cũng không tránh khỏi được thiếu sót, phiến diện, kính mong các người thân trong gia đình nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, các bạn gần gũi với nhạc sĩ hơn tôi và các bậc thức giả gần xa bổ cứu cho những chỗ bất cập. Lời quê chép nhặt, nếu cuốn sách không có thêm được thông tin gì mới mẻ mà chữ lầm mất thì giờ bạn đọc, xin quí vị và các bạn đại xá cho vậy.

Huế, ngày tháng 6 năm 2002

NGUYỄN ĐẮC XUÂN

Phần thứ nhất

Hỏi chuyện, Nghiên cứu

Với Trịnh Công Sơn một buổi đầu xuân

Thân quen với nhạc sĩ Trịnh Công Sơn từ những năm sáu mươi, có nhiều gắn bó trong phong trào đấu tranh ở các đô thị miền Nam, nhưng từ sau ngày giải phóng 1975 tôi ít có dịp tâm sự với anh. Tuy nhiên tôi cũng như những bạn bè ở Huế luôn theo dõi sự nghiệp sáng tác âm nhạc của anh. Chúng tôi rất tự hào trong thế hệ của mình có một người tài năng như Trịnh Công Sơn. Ngày 5 Tết Mậu Dần vừa qua tôi đến thăm anh. Cũng như những năm anh còn ở gian hộ 11/3 Nguyễn Trường Tộ, Huế, anh tiếp tôi ngay trong phòng riêng. Hai người bạn cũ vừa xem tivi vừa tâm sự. Anh ngồi trong ghế bành đặt trước một cái tủ lớn, ngăn trên để đủ thứ rượu ngoại, ngăn dưới toàn thuốc tân dược.

Nguyễn Đắc Xuân (NĐX) *Vừa rồi được tin ông vượt qua được cơn bạo bệnh, bạn bè và người yêu nhạc rất mừng !*

Trịnh Công Sơn (TCS): Chuyện sống chết đều có số cả. Anh Xuân Hồng mạnh khoẻ đến thế mà chỉ chịu không nổi một cơn suyễn đã phải ra đi. Diệp Minh Tuyền vào bệnh viện thăm mình với tinh thần chuẩn bị cho mình theo anh Xuân Hồng, không ngờ sau đó hơn mười ngày mình phải khóc viết ai điếu Tuyền. Mình sống được và khoẻ được như

thế này phải nói là một phép lạ. Theo mình sống chết đều có số cả. Khi ông bà chưa gọi đến tên thì vui vẻ sống!

NĐX: *Ai cũng phải qua cái cầu ấy. Chỉ khác nhau ở chỗ cuộc ra đi có được chuẩn bị hay không! Một vài người bạn của bọn mình ở nước ngoài, khi sắp đến cái tuổi cổ lai hy thì họ đã viết xong hồi ký, thu CD toàn bộ tác phẩm, sưu tập xong các bài viết về mình và đưa cả vào Internet. Trường hợp của ông thì sao?*

TCS: Mình thì không chuẩn bị gì cả. Trước Tết Mậu Dần mình sang Singapore theo lời mời của Đại sứ quán VN tại Singapore, anh em mở Internet cho mình xem, thấy có một con số thông tin và một số bài hát của mình. Công trình này anh em họ làm vì mến mình, tuy chưa đầy đủ nhưng rất quý đối với mình!

NĐX: *Chưa đầy đủ thì rồi bổ sung cho đầy đủ. Ông có cảm giác gì trong những ngày ở Singapore cũng như những nước đã sống qua?*

TCS: Theo mình, Singapore cũng như những nước phát triển khác, rất văn minh, rất hiện đại, hoàn chỉnh đến mức không gây cho mình một cảm xúc nào nữa. Do đó nó xa lạ với mình. Mới qua Singapore hai ngày mình đã muốn về VN ngay, nhưng cận Tết không đổi vé được. Nằm một tuần ở Singapore mình nhớ nhà quá sức! Nhớ dáng vấp VN, da thịt VN, giọng nói VN...

NĐX: *Đó cũng là tâm trạng của nhiều người VN ở nước ngoài lâu nay. Do thiếu quê hương nên nhiều nghệ sĩ rất giỏi vẫn*

không có nhiều sáng tác hay. Ông nghĩ gì về quê hương trong những ngày này?

TCS: Mình vừa vượt qua được cơn bạo bệnh, mừng được thấy đất nước đổi mới từng ngày. Có sống qua những ngày gian khổ khó khăn giờ đây mới thấy được ý nghĩa của những gì có được. Một thế hệ mới đang được đào tạo cho thế kỷ XXI. Mình mong được làm người nghệ sĩ nối hai thế kỷ.

NĐX: *Ông có nhớ cái thuở bọn mình lớn lên trong chiến tranh?*

TCS: Nếu được đào tạo như bây giờ thì chắc chắn bọn mình không phải như bây giờ. Chính trong hoàn cảnh khó khăn của đất nước, mỗi con người trong chúng ta phải tự đi tìm cho mình một cách thế riêng, tự khẳng định mình.

NĐX: *Một thông tin từ Mỹ cho biết nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ đang bệnh nặng. Ông vừa nhờ luật sư công bố quyết định của ông yêu cầu tất cả mọi người không được sử dụng các nhạc phẩm của ông vào mục đích thương mại nếu không được sự thỏa thuận của ông. Tôi cũng được biết Tết Mậu Dần vừa qua, một hãng đĩa ở Mỹ vừa thực hiện một CD gồm mười bài nhạc của ông. Hãng đĩa ấy có xin phép và trả nhuận bút cho ông không?*

TCS: Đến một lúc nào đó các nhạc sĩ Việt Nam trong nước cũng phải có những quyết định như nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ. Còn chuyện một hãng đĩa nào đó làm CD gồm những bài hát mới của Trịnh Công Sơn thì mình chưa biết!

NĐX: *Người lớn tuổi thường nhớ về quê cũ, ông có cảm thấy như thế không?*

TCS: Mình cũng thế thôi. Quê mình ở Huế. Nơi ấy có nhà thờ họ Trịnh, có nấm mộ của ông thân sinh mình, có tuổi thơ học ở trường Nam Giao, trường Pellerin, trường Providence, có gian nhà 11/3 Nguyễn Trường Tộ - nơi mình đã viết nhiều bài hát quan trọng nhất của đời mình. Gian nhà ấy đã được phim ảnh trong và ngoài nước quay chụp nhiều lần, cũng là nơi gia đình ông đã ở qua với gia đình Hoàng Phủ Ngọc Tường. Có lần chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế hứa cho mình một miếng đất bên bờ sông Hương để mình làm *một cõi đi về*. Nếu được, sau ngày mình về với cát bụi, một cõi ấy sẽ là một lưu niệm của mình ở quê cũ.

NĐX: *Có thể thực hiện việc ấy nếu..., vì Thừa Thiên Huế đã thực hiện việc cấp nhà, cấp đất cho điêu khắc Việt kiều Điềm Phùng Thị và họa sĩ Lê Bá Đảng sắp tới. Trong những ngày này ông nghĩ gì về Thừa Thiên Huế ?*

- Thừa Thiên Huế? có Huế là Cố đô, một trung tâm văn hóa, một Di sản văn hóa của nhân loại, có một không hai trên nước VN. Nhưng rất tiếc Huế vươn lên còn chậm nhất là về phát triển kinh tế. Bây giờ mình chỉ mong tỉnh mình tạo ra được những cơ hội mới...

Đó cũng là mong mỏi của tất cả người Huế và người yêu Huế. Chúc ông khỏe để thực hiện những sáng tạo nghệ thuật và ước vọng của mình!

Trịnh Công Sơn
với "*quê quán tôi xưa*"

Trong gần năm sáu trăm ca khúc của Trịnh Công Sơn, họa hoằn lắm người ta mới bắt gặp được một vài địa danh của xứ Huế. Nhưng qua cung cách sống điềm đạm, qua tình cảm sâu lắng trong ca từ và qua những giai điệu mượt mà ảnh hưởng của giọng nói người Huế trong tác phẩm của anh, Trịnh Công Sơn đã chứng tỏ anh là một người con của núi Ngự sông Hương không lẫn với bất cứ một vùng quê nào khác. Do đó, từ sau ngày anh qua đời, nhiều người hát nhạc Trịnh Công Sơn:

"*Một lần chợt nghe quê quán tôi xưa*
Giọng người gọi tôi nghe tiếng rất nhu mì"

(Bên đời Hiu Quanh)

và họ muốn biết cụ thể về quê hương Huế có "*tiếng rất nhu mì*" của anh nhu thế nào. Trong lúc chờ đợi các công trình biên soạn chính thức về quê hương của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, tôi xin giới thiệu một đôi nét sơ lược về *Trịnh Công Sơn với "quê quán tôi xưa"* - những chuyện đời anh chỉ tâm sự riêng với những người hiểu anh.

1. Quê quán Minh Hương và họ Trịnh. Trịnh Công Sơn người gốc làng Minh Hương, xã Hương Vinh, huyện

Hương Trà. Cái tên Minh Hương đã nói lên nguồn gốc của ngôi làng này. Sau khi nhà Minh sụp đổ, một số người Minh chèo thuyền trốn chạy quân xâm lược Mãn Thanh qua xin làm thần dân nước Việt và được các chúa Nguyễn chấp nhận. Những người Minh này được thành lập làng ở vùng hạ lưu sông Hương, ở Hội An, và ở một số tỉnh ở Nam bộ để làm ăn buôn bán. Trải hơn ba thế kỷ qua, dân làng Minh Hương ở Huế xuất hiện nhiều người nổi tiếng trong lịch sử Huế. Người nổi tiếng nhất là Tiến sĩ Trần Tiễn Thành (1813-1883) một Phụ chính đại thần hồi cuối đời vua Tự Đức. Thời Nguyễn, làng Minh Hương có nhiều người đỗ đạt (Tú tài, Cử nhân, Tiến sĩ) nhất so với các làng khác trong toàn tỉnh Thừa Thiên. Đầu thế kỷ XX, nhà yêu nước Phan Bội Châu có nhiều đồng chí cách mạng gốc làng Minh Hương như các ông Trần Trinh Linh, Lâm Mậu. Nhiều đảng viên đảng Tân Việt gốc Minh Hương như cụ Lâm Mậu (thân sinh của bà Lâm Thị Tuyến - vợ chính của nhà văn Cộng sản Hải Triều), bà Trần Thị Như Mân (bà Đào Duy Anh), ông Trịnh Xuân An... Về sau phần lớn những đảng viên Tân Việt này chuyển qua Đảng Cộng sản Việt Nam. Họ Trịnh của Trịnh Công Sơn đã có mặt ở Minh Hương ít nhất trên mười bốn đời[1]. Tuy nhiên cho đến nay gia đình họ Trịnh ở Huế chỉ ghi chép được bảy đời. Kể từ đời thứ nhất là cụ Trịnh Xuân Tăng, đến thân sinh Trịnh Công Sơn là ông Trịnh Xuân Thanh thuộc đời thứ năm. Ông Thanh

---

(1) Trịnh Công Sơn là người cùng họ với Trịnh Hoài Đức. Tổ tiên họ Trịnh người Phúc Kiến (TQ). Ông Trịnh Nội (ông nội của Trịnh Hoài Đức) lúc đầu định cư ở Phú Xuân. Sau đó có một nhánh con cháu họ Trịnh vào Trấn Biên (Biên Hoà) sinh ra Trịnh Hoài Đức

có 4 người anh ruột là Trịnh Xuân Nhẫn (còn có tên là Đính), Trịnh Xuân Phong, Trịnh Xuân Vân và Trịnh Xuân Tích. Ông Tích sinh năm 1912, lớn hơn ông Thanh 3 tuổi. Hai anh em áp út và út này có nhiều quan hệ ảnh hưởng đến tình cảm của Trịnh Công Sơn nhất.

2. Cha mẹ và anh em: Thân sinh của Trịnh Công Sơn là ông Trịnh Xuân Thoa tức Thanh (sinh năm 1915) và thân mẫu là bà Lê Thị Quỳnh (cũng có tên là Hòe, sinh năm 1921). Năm 1936, hai ông bà Thanh - Quỳnh sinh người con trai đầu lòng đặt tên là Trịnh Xuân Dương, nhưng rất tiếc không nuôi được. Qua năm 1937, Trịnh Xuân Thanh chuyển gia đình lên Buôn-mê-thuột, mở một cơ sở may lấy tên là Kam Tik chuyên may Âu phục và quân phục. Kam Tik có thợ giỏi, mẫu mới hợp thời trang nên rất được khách hàng người Pháp và công chức tín nhiệm. Nhờ biết kinh doanh nên chỉ một thời gian ngắn ông chủ Kam Tik trở nên khá giả. Ngoài việc kinh doanh, Trịnh Xuân Thanh còn là một cầu thủ bóng đá xuất sắc của đất Cao nguyên. Năm 1939, Trịnh Công Sơn ra đời ở Ban-mê-thuột.

Năm Trịnh Công Sơn ra đời (1939) cũng là năm Thế giới nổ ra Đại chiến lần thứ hai (1939-1945). Nhiều tù chính trị ở ven biển miền Trung bị thực dân Pháp đưa lên giam giữ ở Cao nguyên. Tinh thần yêu nước của tù chính trị đã vượt ra khỏi các bức tường nhà lao làm xao động cả tâm hồn dân chúng, nhất là những người dân quê gốc ở miền Trung, trong đó có hai anh em ông Trịnh Xuân Tích và Trịnh Xuân Thanh. Hai anh em họ Trịnh này đã bí mật giúp đỡ cho nhiều cơ sở cách mạng nên đã bị Quản đạo các tỉnh Cao nguyên bắt bớ giam giữ nhiều lần và bị đe dọa sẽ bị trục xuất về lại miền

Trung. Thời gian ấy chính quyền thực dân Pháp thu vén của cải ở thuộc địa để cung cấp cho chính quốc chống Đức nên đời sống xã hội ở thuộc địa của Pháp, trong đó có vùng Cao nguyên, gặp không ít khó khăn. Nhận thấy không thể tiếp tục làm ăn ở Buôn-mê-thuột thêm được nữa, năm 1943, ông Thanh quyết định chuyển cả máy móc về ở trong ngôi nhà từ đường của gia đình họ Trịnh trên dốc Bến Ngự (nay là nhà 43B Phan Bội Châu, Huế). Trịnh Công Sơn về vùng núi Ngự sông Hương lúc anh mới bốn tuổi. Mấy năm sau anh cắp sách đi học trường Nam Giao (nay là trường Tiểu học Trường An). Trịnh Công Sơn học trường Nam Giao[2] cho đến năm đi thi Tiểu học (1950). Chung quanh nhà anh ở có nhiều danh lam cổ tự. Tiếng chuông chùa hôm sớm và các làn điệu tụng tán cầu kinh lễ Phật lặng lẽ thâm nhập vào tâm hồn bén nhạy của anh. Năm Ất mùi (1955), anh được gia đình đưa đi qui y với Pháp danh Nguyên Thọ tại chùa Phổ Quang- nơi cụ Phan Bội Châu đã từng sống qua trước khi dời lên nơi ở cuối cùng trên đỉnh dốc Bến Ngự [3].

Từ khi trở lại quê nhà, ông Trịnh Xuân Thanh nhận thấy việc làm ăn ở Huế cũng không hơn gì Buôn-mê-thuột. Ông bèn dẹp hết máy móc rồi thuê tàu ra Vinh mua gạo đưa vào bán ở các tỉnh Nam Trung bộ và ngược lại mua đường Quảng Ngãi đưa ra bán cho dân các tỉnh ngoài. Sau ngày Cách mạng

---

(2) Trường Nam Giao do thầy Lê Huy Huyến làm Hiệu trưởng. Cô Tôn Nữ Thị Hy dạy Trịnh Công Sơn năm lớp nhì (Theo Lê Gia Phàm - bạn học cùng lớp Nhì với Trịnh Công Sơn)

(3) Hiện nay chùa Phổ Quang cũng dành riêng một bát hương để đời đời thờ phụng Trịnh Công Sơn

thángTám/ 1945 thành công, vua Bảo Đại thoái vị, ông Thanh cũng nhu nhiều chủ doanh nghiệp khác ở nhà tham gia công tác đoàn thể. Đến ngày toàn quốc kháng chiến, ông được lệnh ở lại nội thành, vừa buôn bán vừa làm kinh tài cho đoàn thể. Cùng hoạt động hợp pháp lúc ấy có nhà báo Phạm Bá Nguyên, ông Nguyễn Ngọc Bang, bác sĩ Lê Khắc Quyến, bác sĩ Thân Trọng Phước, nhà sử học Tôn Thất Dương Kỵ...Trong thời gian chín năm kháng Pháp, ông bị bắt, bị giam nhiều lần. Có lần ở tù nhó con quá ông đem Trịnh Công Sơn vào ở tù với ông luôn. Mỗi lần ông bị bắt gia đình và bạn bè phải chạy chọt đút lót nhiều cửa rồi ông mới được thả ra. Thấy không thể làm ăn ở quê hương, ông báo cáo với cấp trên và được đồng ý cho ông dổi địa bàn vào Sài Gòn. Vào vùng đất từng mệnh danh là Hòn ngọc Viễn Đông, ông liên hệ với người Pháu xin làm đại lý bán buôn và bán lẻ phụ tùng xe đạp. Ông mổ tiệm cả trong Nam và cả ngoài Huế. Tiệm ở Huế mang tên **Thanh Tâm** tại 79B Gia Long (Vì thế từ đó bà thân mẫu Trịnh Công Sơn thuờng được gọi là bà Thanh Tâm) [4]. Tiệm trong Nam thu mua, đặt hàng, tiệm Thanh Tâm ở Huế phân hàng cho các đại lý. Chẳng bao lâu sau, việc kinh doanh của gia đình ông trở lại khấm khá. Các con ông đã lớn, ông chia các ổ hai nơi để giúp gia đình buôn bán. Trịnh Công Sơn có nhiều dịp vào Sài Gòn.

Đến tháng 6.1955, ông Trịnh Xuân Thanh đi đặt cơ sở công tác bí mật ở Quảng Trị, trên đường về đến La Vang thì

(4) Về sau số nhà 79B Gia Long bán cho ông Vĩnh Hòa, rồi ông Vĩnh Hòa bán cho lại cho ông Nguyễn Văn Duy, nay là hiệu Sài Gòn ở tại 79B Phan Đăng Lưu, Huế

bị "tai nạn" giao thông. Vụ "tai nạn" này ẩn chứa nhiều điều khó hiểu cho mãi đến nay vẫn chưa giải thích được. Hôm ấy ông Thanh đi Vespa chạy ngược chiều về phía Huế thì thấy trên đầu dốc có đoàn quân xa của chế độ Ngô Đình Diệm lao thẳng về phía ông. Ông Thanh vội vàng lách xe vào bên đường. Không may chiếc Vespa bị mất thăng bằng đổ nhào xuống mương thoát nước. Ông Thanh văng khỏi xe, đầu đập vào đá tảng làm chấn thương sọ não. Đoàn quân xa vẫn thản nhiên tiếp tục cuộc hành trình. Người đi đường thấy thế chạy đến cứu ông. Ông được đưa về Bệnh viện Huế nhưng vì bị chấn thương quá nặng nên sau mấy tiếng đồng hồ thì ông tắt thở vào ngày 17.6.1955. Mộ ông Thanh được táng ở Cồn đất gần con đường chạy trước núi Bân và núi Ngự Bình thuộc xã Thủy An. Sau này mỗi lần về thăm Huế, Trịnh Công Sơn không quên viếng mộ cha. Chính việc Trịnh Công Sơn hay "đi về " viếng mộ cha như thế mà anh đã soạn bài *Một cõi đi về*.

"Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi
Đi đâu loanh quanh cho đời mỏi mệt
Trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt
Rọi suốt trăm năm một cõi đi về"

Ông Thanh mất để lại cho bà Thanh Tâm 7 người con dại[5] và một người con còn nằm trong bụng mẹ. Sự ra đi đột ngột của người chồng, người cha ở tuổi bốn mươi thật quá kinh hoàng. Bà Thanh Tâm - thân mẫu của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn lập gia đình quá sớm (15 tuổi). Từ khi có chồng,

(5) Trịnh Công Sơn-1939, Trịnh Quang Hà 1941, Trịnh Xuân Tịnh-1944, Trịnh Vĩnh Thúy -1947, Trịnh Vĩnh Tâm 1950, Trịnh Vĩnh Ngân-1952, Trịnh Hồng Diệu -1953.

H1. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn và nhà nghiên cứu Huế Nguyễn Đắc Xuân uống rượu mừng vừa thực hiện xong phỏng vấn về "Quê quán tôi xưa", mừng Xuân Kỷ Mão (2.1999).

Ảnh tư liệu của NDX

H2. Trịnh Công Sơn học sinh trường Tiểu học Nam Giao.

Ảnh của nhà thờ NTD

H3. Trịnh Công Sơn (có dấu X) cùng thầy giáo và bạn thời Trung học ở Huế.

Ảnh tài liệu do Đinh Cường sưu tập

mọi việc làm ăn, sinh sống của gia đình đều cậy nhờ vào trí óc và bàn tay của người chồng lớn hơn bà 6 tuổi. Chồng chết đột ngột bà hết sức bi đát. Người có thể hiểu và chia xẻ bớt cái bi đát của gia đình với mẹ lúc ấy chính là người con cả Trịnh Công Sơn. Đây là cái biến cố lớn nhất đầu đời Trịnh Công Sơn và có ảnh hưởng sâu sắc trong sáng tác của anh sau này.

Chồng qua đời, bà Thanh Tâm mất phương hướng. Bà không thể chống đỡ được sự sụp đổ trong việc làm ăn nuôi dạy con cái. Nhớ thương cha, các con bà đều xao lãng việc học hành. Trịnh Công Sơn đang đi học cũng tạm nghỉ. Để khuây khỏa nỗi lòng, anh vùi đầu vào âm nhạc. Mãi đến năm 1957, anh mới hình tâm trở lại và xin vào học trường Thiên Hựu (Providence) để thi Tú Tài. Trong thời gian này anh bắt đầu sáng tác và đưa cho hai người bạn là Lục Hà (tức ca sĩ Hà Thanh) và Thanh Hải hát thử. Mối tình đầu của Trịnh Công Sơn nhen lên từ đây. Anh yêu một người em gái của Lục Hà. Anh yêu rất dữ dội nhưng mới chỉ một chiều. Đến năm 1958 anh soạn bài *Ướt Mi* - ca khúc mở đầu sự nghiệp âm nhạc của anh. Cuối năm 1958 anh rời Huế vào Sài Gòn ở trọ trong nhà một người bạn của thân sinh anh để đi học ban Triết trường Jean Jacques Rousseau. Học được một năm anh lại ra Huế. Lúc này anh kết bạn với nhiều người sau này trở thành những nghệ sĩ và trí thức nổi tiếng như nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường, họa sĩ Đinh Cường, dịch giả tiếng Pháp Bửu Ý, nhà thơ Ngô Kha, nhà thơ họa sĩ Thương Nguyệt, Trịnh Cung... Những người bạn này đã có nhiều ảnh hưởng qua lại với nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.

114. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn thắp hương cho tổ tiên tại nhà thờ Nam Trịnh Dương

Ảnh NDX

115. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn bên mộ cụ thân sinh ở Huế.

Ảnh NDX

Viết đến đây tôi tự thấy mình có lỗi với nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Bởi vì có những điều anh chỉ kể với riêng tôi thì giờ đây tôi đem viết lên báo để cho ai cũng có thể đọc được.Nhưng vì tôi quá quý anh, tự hào về anh và vì nghề nghiệp tôi không thể giấu những điều tôi nghĩ là phải nói ra để cho những người ái mộ anh đời này và đời sau hiểu anh hơn và quý trọng anh hơn. Sau này gặp lại nhau ở cõi vĩnh hằng nếu anh trách tôi thì tôi sẽ xá anh mấy xá để xin anh tha thứ cho cái lỗi lầm vì nghề nghiệp của tôi hôm nay. Anh vốn tính rộng lượng tôi tin là anh sẽ không giận tôi như anh đã tha thứ cho biết bao người đã làm khổ anh.

Vào một chiều cuối năm 1977, tôi đi trại sáng tác ở Quảng Bá (Hà Nội) về ghé thăm anh ở 11/3 Nguyễn Trường Tộ trước nhà thờ Phủ Cam. Trong câu chuyện nói về truyền thống gia đình của một nhà thơ trong cơ quan tôi, anh bảo tôi:" *Ba mình cũng là cơ sở cách mạng đó. Ông đã bị tai nạn và mất trong lúc đang đi công tác*". Tôi buột miệng nói:"*Sao anh không xin giấy xác nhận ?*" Không ngờ Sơn bảo tôi: "*Đó là chuyện của ba mình. Còn mình thì đã có âm nhạc xác nhận cho mình rồi.*" Tôi hơi tiếc cho anh nhưng không thể nói thêm gì khác ý anh. Một lần khác vào khoảng năm 1983, Trịnh Công Sơn đưa một đoàn nhạc sĩ ra thăm Huế và ca hát chơi. Tôi ghé đến nhà 11 Lý Thường Kiệt thăm anh và chuẩn bị đưa đoàn đi tham quan. Nhân nói về chuyện xã kinh tế mới Phú Xuân của Huế trên Dak Lak, Sơn bảo tôi :" *Toa có biết là moa sinh ở Dak Lak không ? Moa có ông bác ruột giỏi tiếng*

thượng lắm. Hồi xưa gia đình moa lên Buôn-mê-thuột ở với ông ấy. Lúc đi tập kết ông ấy đã là cán bộ đại đội rồi. Năm 1975 ông về lại Buôn-mê-thuột rất sớm và cùng làm Ban quân quản với ông Bùi San. Bác có mấy người con làm gì đó khá to mà rất dễ thương". Tôi lại buột miệng hỏi:"*Sao không thấy anh khai báo gì cả* !" Trịnh Công Sơn có vẻ ngạc nhiên đáp:" *Đó là chuyện của bác chứ đâu phải chuyện của moa* !". Thái độ của Trịnh Công Sơn làm cho tôi cảm thấy mình "quê" quá. Nhưng rồi chúng nào tật nấy, tôi lại vấp phải một chuyện "quê" khác nữa: Năm 1986, trong một buổi gặp mặt bạn cũ ở Huế, Trịnh Công Sơn hát bài *Về Thăm Mái Trường Xưa* có nội dung là trở về trường cũ. Bài hát rất hay. Trong không khí chuẩn bị kỷ niệm 90 năm thành lập trường Quốc Học, tôi hồ hởi phấn khởi:" *Ôi, bài hát trở về trường Quốc Học này hay quá ! Anh Sơn cho đưa vào Đặc san Quốc Học đi!*". Sơn nhìn tôi với vẻ thương hại:"*Rất tiếc moa không học trường Quốc Học, moa học Pellerin với Providence thôi!*" Tôi bị cụt hứng, không dám nói thêm điều gì nữa. Rõ ràng là cách nghĩ của Trịnh Công Sơn và cách nghĩ của tôi hồi đó không giống nhau. Nhưng dù sao, qua những lần chuyện trò ấy tôi cũng thu nhặt được nhiều thông tin chân thật có liên quan đến cuộc đời anh.

Bên dòng Thọ Lộc, 5.2001

Trịnh Công Sơn với phố biển Qui Nhơn

Do thói quen nghề nghiệp, trong mấy năm trở lại dây, mỗi lần gặp nhạc sĩ Trịnh Công Sơn tôi đều nhắc anh ghi chép cẩn thận tiểu sử biên niên của anh và sao chép toàn bộ những hình ảnh sách báo dư luận trong và ngoài nước viết về Trịnh Công Sơn để sau này cung cấp cho những người muốn biết cụ thể về đời anh. Trịnh Công Sơn cho tôi biết đã có một ai đó hứa giúp anh. Nghe đáp thế tôi rất yên tâm. Không ngờ sau khi anh nằm xuống, nhiều thông tin viết về anh không đúng nhưng không có một tư liệu nào chính thức để căn cứ vào đó mà hiệu đính. Ngay cả những người cùng gặp anh hằng ngày vẫn không nắm được cụ thể nhiều sự kiện quan trọng trong cuộc đời sáng tác nhạc của anh. Tôi nghĩ chắc đang có nhiều người dang thực hiện việc sưu tầm biên soạn sách về cuộc đời và sự nghiệp âm nhạc của Trịnh Công Sơn nhưng vì một lý do nào đó nên chưa công bố. Trong lúc chờ đợi những công trình lớn đó, tôi xin cung cấp những thông tin cần biết về anh trong những giai đoạn mà anh ít có dịp nhắc đến. Trong bài viết ngắn này tôi dành cho chủ đề nhạc sĩ Trịnh Công Sơn với phố biển Qui Nhơn.

1. Từ trường Thiên Hựu (Providence) Huế đến trường Sư phạm Qui Nhơn

Thời gian vừa qua nhiều tờ báo viết về thời gian Trịnh Công Sơn theo học tại trường Thiên Hựu không mấy chính xác. Theo thầy giáo Bửu Văn (anh ruột của họa sĩ Bửu Chỉ) bạn học cùng lớp với Trịnh Công Sơn tại trường Thiên Hựu cho biết: Trịnh Công Sơn chỉ học ở trường Thiên Hựu một niên khóa (1957-1958) mà thôi. Đến tháng 6.1958, Trịnh Công Sơn cùng Bửu Văn vào Đà Nẵng ở trọ tại nhà 91 đường Phan Châu Trinh (nhà của ông Bửu Dũng) để đi thi Tú tài tại Collège Français de Tourane (tức là trường Plaise Pascal). Qua kỳ thi ở Đà Nẵng, Trịnh Công Sơn đã đỗ Tú Tài. Mấy năm sau anh đến tuổi đi học sĩ quan Thủ Đức. Trong lúc đang "khủng hoảng" vì sợ bị bắt đi học sĩ quan anh được tin bộ Quốc gia Giáo dục Sài Gòn chiêu sinh để mở trường Sư phạm Qui Nhơn. Dù chưa bao giờ định làm thầy giáo anh cũng ghi danh thi vào Sư phạm để may ra còn "giữ thân" được thêm vài năm nữa. Cùng với Trịnh Công Sơn, nhiều sinh viên đang học Đại học (như Hồ Quang Hải tức nhạc sĩ Thanh Hải), hay đã đỗ Chứng chỉ Dự bị Văn khoa (như Lê Thị Ngọc Trinh), đỗ Chứng chỉ Toán Lý Hoá -MPC (như Trương Văn Thanh) cũng "liều chõng" thi vào Sư phạm Qui Nhơn và đều đỗ. Những "giáo sinh" nầy là những người hoạt động âm nhạc nổi tiếng từ nhiều năm trước ở Huế. Đến Qui Nhơn, những người chơi nhạc ở Huế tụ lại lấy âm nhạc để xua đi nỗi nhớ nhà. Tự nhiên ở thành phố biển Qui Nhơn xuất hiện một "ban nhạc" không chuyên *Thanh Sơn Hải*. *Thanh* tức Trương Văn Thanh "cây" violon chủ đạo trong các thánh lễ nhà thờ ở Huế; *Sơn* tức

Trịnh Công Sơn chơi ghi-ta thùng, tác giả bài *Hối Mi* đang ăn khách với giọng ca trầm buồn Thanh Thúy, *Hải* túc Thanh Hải (biệt hiệu của Hồ Quang Hải) "ông vua" ghi-ta điện chuyên trình diễn các bài nhạc kích động như Rock, Twist trong các vũ trường, các phòng trà.

2. Các đêm nhạc hội trên đất Qui Nhơn

Khi trường Sư phạm Qui Nhơn ra đời, thầy Đinh Thành Chương được cử làm hiệu trưởng. Biết được tài năng của đám nghệ sĩ Huế, thầy Chương đã giao cho họ tổ chức các hoạt động văn nghệ để khai giảng khóa Sư phạm đầu tiên của trường. Trương Văn Thanh (lớp 10 thường xuyên) được bầu làm Trưởng ban Văn Nghệ. Cùng với Trịnh Công Sơn, Thanh Hải, ban Văn nghệ đã qui tụ được các tài năng ca múa nhạc đến từ các tỉnh miền Trung như La Quang Thanh (hát, nhảy claquette), Lê Thị Ngọc Trinh (đơn ca), Phan Thị Thăng (đơn ca), Bích Khê, Bạch Tuyết , Bạch Vân (em Tuyết), Nguyễn Văn Duệ ... Văn nghệ trường Sư phạm tổ chức ba đêm Đại nhạc hội tại rạp Kim Khánh rất thành công. Nhờ hoạt động của Văn nghệ mà trường Sư phạm Qui Nhơn mới ra đời đã được khắp nơi biết tiếng. Sau đợt hoạt động đó, Ban Văn nghệ trường Sư phạm Qui Nhơn với các tên tuổi Thanh Sơn Hải còn tổ chức nhiều nhạc hội khác trong những năm tiếp sau.

3. Phố biển Qui Nhơn với âm nhạc Trịnh Công Sơn

Lúc mới vào Qui Nhơn, ba anh chàng nhạc sĩ Sơn Thanh Hải cùng thuê chung một phòng trọ ở số 70 đường Gia Long. Những tối trời nóng ba anh em lên terrssac trên lầu dàn hát cho đến khuya. Sơn rất thích hát các bài *Sometimes* (dân ca

của người da đen làm dân điền ở miền nam nước Mỹ), Ave Maria của Bruno và các bài trong Trào lưu nhạc Blues của Thánh nhạc da đen. Âm hưởng của những bài nhạc nầy còn đọng lại trong tâm hồn Sơn và người ta có thể tìm thấy chúng phảng phất trong những bài nhạc Sơn sáng tác tại phố biển Qui Nhơn sau đó. Câu cuối cùng của bài nhạc Trịnh Công Sơn phổ thơ của Trịnh Cung chịu ảnh hưởng rất rõ của bài Ave Maria của Bruno.

Ở chung với nhau một thời gian, sau đó Trương Văn Thanh và Thanh Hải thuê nhà ở gần trường để tiện việc đi học. Trịnh Công Sơn dọn sang ở nhà một người bà con gần rạp Kim Khánh. Nhiều lần bác Thanh - thân mẫu của Trịnh Công Sơn, vào thăm Sơn ở đó.

Thời gian hai năm (1963-1964) học Sư phạm tại phố biển Qui Nhơn là giai đoạn Trịnh Công Sơn sáng tác khỏe nhất. Ngồi uống rượu, hút thuốc bên bờ biển, anh dùng que diêm chấm mực kẻ khuôn nhạc trên mặt trong bao thuốc lá Bastos xanh và viết nhạc. Viết xong bài nào anh đưa cho các bạn trong ban Văn nghệ của trường xướng âm hát ngay bài đó. Bởi thế, nhiều bài nhạc anh sáng tác thời ấy không thấy anh cho xuất bản nhưng các bạn anh đều thuộc.

Để có bản sắc riêng, Ban Văn nghệ yêu cầu Trịnh Công Sơn sáng tác một trường ca để trình diễn trong Đại nhạc hội lần thứ nhất. Lúc nầy Trịnh Công Sơn đang say sưa đọc *Huyền thoại Xi-xíp* (le Mythe de Sisyphe, 1942) của Albert Camus (nhà văn Hiện sinh của Pháp, được Giải thưởng Nobel năm 1957). Huyền thoại Xi-xíp kể lại chuyện một người suốt ngày

bị buộc phải đẩy một tảng đá lên đỉnh núi rồi thả tay cho nó lăn xuống vực. Qui trình đó cứ lặp đi lặp lại không ngừng. Albert Camus đưa chuyện này ra để nói lên tính cách phi lý (l' absurde) của cuộc đời giống như chuyện dã tràng xe cát trong triết học phương Đông vậy. Trịnh Công Sơn thể hiện tư tưởng dã tràng xe cát vào trường ca mang tên *Dã tràng ca*. Đây là Trường ca đầu tiên của Trịnh Công Sơn. Bài này được Ban hợp ca của trường Sư phạm trình diễn rất thành công. Hiện nay ở Huế còn nhiều thầy cô giáo đã từng hát năm ấy vẫn còn thuộc bài *Dã Tràng Ca* .

Tại Qui Nhơn, Trịnh Công Sơn viết bài *Hoa Buồn* (làm cho đặc san của Trường) với những câu :

"Có nhiều đêm ngồi đây chong đèn buồn"
"Ngày sau còn ai nhắc tên mình không ?"

Cùng thời với *Hoa buồn* có *Chiều chủ nhật buồn, Vết Lăn Trầm, Nắng Thủy Tinh, Cát Bụi,...* Đặc biệt nhất là bài *Biển Nhớ*. Đi theo bài hát này là một câu chuyện tình rất nên thơ.

Hoạt động văn nghệ trong trường Sư phạm lúc ấy có cô Bích Khê người Nha Trang. Bích Khê hát không hay nhưng cô dáng người nhỏ nhắn dễ thương. Trịnh Công Sơn khen là mi-nhon (mignonne) và đem lòng thương trộm nhớ thầm. Mùa hè năm 1963, ba anh em Thanh Sơn Hải không về quê. Trong lúc đó Bích Khê lại phải vào Nha Trang với gia đình. Đêm trước ngày tiễn Bích Khê, Trịnh Công Sơn hết sức xúc động. Ngồi trên bờ biển Qui Nhơn, nhìn về phố biển Nha Trang, Trịnh Công Sơn viết :

" *Ngày mai em đi biển nhớ tên em gọi về*".

Lúc đó đường phố Qui Nhơn chưa có ánh điện nê-ông, nên cảnh đèn vàng đã đi vào ca từ của Sơn:

" *Ngày mai em đi thành phố mắt đêm đèn vàng.*"

Dù Trịnh Công Sơn rất kín đáo nhưng bạn bè anh lúc đó đều biết anh dùng hai từ "sơn khê" trong câu:

" *Trời cao nêu bước sơn khê*"

là có ý ghép tên anh (Trịnh Công) *Sơn* và tên người anh yêu (Bích) *Khê*.

Ngoài Bích Khê, Trịnh Công Sơn cũng có cảm tình với Phan Thị Thăng - người có giọng hát nhạc Trịnh Công Sơn đạt nhất tại Qui Nhơn lúc đó. Chính Thăng là người đầu tiên hát bài *Chiều một mình qua phố* trên Đài phát thanh Qui Nhơn và đã làm cho bao trái tim xao xuyến. Chất giọng của Thăng rất đặc biệt, không giống ai. Sau ngày Thăng ra trường, Trịnh Công Sơn mong Thăng tiếp tục hát nhạc của anh. Nhưng rất tiếc gia đình của Thăng muốn Thăng đi dạy hơn là đi hát. Lời yêu cầu của Trịnh Công Sơn không được đáp lại. Nếu...biết đâu giọng hát của Nguyễn Thị Thăng với sự giúp đỡ của Trịnh Công Sơn cũng đã trở thành bất hủ ?

Ngoài Phan Thị Thăng, có Lê Thị Ngọc Trinh - người bạn từ Huế của Sơn. Trong các buổi trình diễn văn nghệ Sơn đã dành bài *Lời mẹ ru* để Ngọc Trinh cùng Bích Phương song ca. Sơn rất thích chất giọng Huế nhẹ nhàng của Ngọc Trinh. Về sau, Ngọc Trinh và Trịnh Công Sơn đều được bổ lên dạy học ở B' lao. Ở đó, Ngọc Trinh lại có dịp hát những bài hát

mới của Trịnh Công Sơn sáng tác ở Cao nguyên bụi đỏ sương mù B' lao trong các năm 1964, 1965.

Trên đây chỉ mới là những nét phát thảo về giai đoạn Trịnh Công Sơn với phố biển Qui Nhơn. Không thể hiểu đúng sự nghiệp âm nhạc của Trịnh Công Sơn nếu không biết giai đoạn Phố biển Qui Nhơn của anh. Rất mong các anh chị bạn của Trịnh Công Sơn trong giai đoạn ấy - những người chúng tôi đã tiếp xúc, đã ghi tên trong bài viết và cả những người chúng tôi chưa biết, chưa gặp - cung cấp thêm cho chúng tôi những thông tin, những hình ảnh mà chúng tôi chưa có để góp phần hoàn chỉnh tiểu sử của người nhạc sĩ thiên tài Trịnh Công Sơn.

Bên dòng Thọ Lộc,
19.5.2001.

H6. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn và La Quang Thanh
lại sống gần nhau ở thành phố Hồ Chí Minh từ những năm Tám mươi.

Ảnh kỷ niệm của LQT

117. Trịnh Công Sơn thời học Sư phạm Qui Nhơn.
Ảnh chụp trong xưởng vẽ của họa sĩ Đinh Cường
Ảnh tư liệu của Đinh Cường

118. Trịnh Công Sơn cùng các bạn giáo sinh Sư phạm Qui Nhơn.
Ảnh tư liệu của LINT

H9. La Quang Thanh với ban Thanh Sơn Hải
trong một tiết mục kịch động nhạc tại Quy Nhơn năm 1962
Ảnh tư liệu của LTNT

H10. Trịnh Công Sơn và Thanh Hải đệm đàn cho
Lê Thị Ngọc Trinh hát một bản tình ca của Trịnh Công Sơn.
Ảnh tư liệu của LTNT

Làm sao tìm được trường ca Tiếng Hát Dã Tràng của Trịnh Công Sơn?

Sau ngày Trịnh Công Sơn giã từ cõi tạm (1.4.2001), họa sĩ Đinh Cường từ Virginia (Hoa Kỳ) gởi cho tôi bài hồi ức hết sức cảm động về "Tình bạn hồi sinh cơn hôn mê"[1] - tình bạn suốt cuộc đời giữa họa sĩ Đinh Cường và nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Trong bài hồi ức ấy Đinh Cường cho biết: "Thời Qui Nhơn này của Sơn phải kể đến "Trường ca Tiếng hát Dã Tràng", mùa hè năm 1964, trong lễ ra trường. Sơn đã dàn dựng cùng bạn bè hát rất thành công. Sơn đã chép tặng tôi (Đinh Cường) mấy trang bản trường ca này. Tôi đem về, dán đầy các ô cửa kính. Tiếc là bây giờ thất lạc, không tìm lại được".

Khi hỏi về chuyện thời gian nhạc sĩ Trịnh Công Sơn học Sư phạm Qui Nhơn nhiều người bạn học cùng lớp, cùng khóa hoặc cùng trường với anh như Trương Văn Thanh, La Quang Thanh, Lê Thị Ngọc Trinh, Nguyễn Văn Xa, Nguyễn

(1) Sau này in trong sách Trịnh Công Sơn (1939-2001) Cuộc đời, âm nhạc, thơ, hội hoa và suy tưởng, Nhóm ban Văn nghệ TP Hồ Chí Minh, 2001, tr. 52-68. Nhân đây xin đính chính một niên đại chưa chính xác: Sau khi bài viết của tôi đăng trên KTNN, nhiều người đã từng ở trong Ban Hợp xướng hát Dã Tràng Ca thuở ấy cho biết trường ca này được sáng tác và biểu diễn trong Đại nhạc hội lần thứ nhất vào năm 1962 chứ không phải trong buổi lễ Mãn khóa vào năm 1964 như Đinh Cường đã nhớ nhầm. NĐX

Thị Sâm... cũng nhắc đến Trường ca Tiếng hát Dã Tràng và ai cũng tiếc bài ca ấy đã thất lạc.

Cho đến lúc Trịnh Công Sơn qua đời, tôi chỉ biết chứ chưa hề được nghe hoặc được thấy Trường ca Tiếng hát Dã Tràng lần nào. Nhưng các bạn của Trịnh Công Sơn cả quyết với tôi rằng:

-"Trường ca Tiếng hát Dã Tràng là trường ca đầu tiên của Trịnh Công Sơn, ghi nhiều dấu ấn ảnh hưởng đến cả cuộc đời sáng tác của anh sau này!"

Có đúng như thế không?

1. Đi tìm Trường ca Tiếng Hát Dã Tràng:

Tôi không thể hiểu được vì sao một tác phẩm quan trọng đến thế mà Trịnh Công Sơn lại không muốn nhắc đến và trong di cảo của anh cũng không thấy lưu! Phải chăng đây là một bí ẩn ? Điều khó hiểu ấy đã kích thích cái óc thích khám phá của tôi. Tôi quyết tâm đi tìm Trường ca Tiếng hát Dã Tràng.

Tôi vào Qui Nhơn hỏi chuyện. Qui Nhơn không còn ai biết Trường ca Tiếng hát Dã Tràng cả. Một vài người kể những chuyện cũ vặt vãnh từng làm cho Trịnh Công Sơn bục mình. Tôi vào Nha Trang qua Trần Thanh Vệ (con trai của nhà thơ Thanh Tịnh) và Bảo Chân (Phóng viên đại diện báo Lao Động tại Khánh Hòa) tôi gặp được nhạc sĩ Văn Bình (Phan) ở Phước Tân. Văn Bình học một lớp (1962-1964), ở một nhà trọ, cùng hoạt động âm nhạc với Trịnh Công Sơn tại trường Sư Phạm Qui Nhơn. Văn Bình và Trịnh Công Sơn có nhiều kỷ niệm

sâu sắc. Được Trịnh Công Sơn hướng dẫn, Văn Bình hát Trường ca Tiếng hát Dã Tràng rất đạt. Nhờ thế đến năm 1973, Văn Bình chỉ huy sinh viên dàn dựng lại Trường ca Tiếng hát Dã Tràng nhân lễ trao bằng tốt nghiệp của Viện Đại học Cộng Đồng Duyên Hải (Nha Trang). Tác giả Trịnh Công Sơn được mời làm khách danh dự của buổi trình diễn ấy. Và, không những Trịnh Công Sơn mà còn có các bạn của anh là nhà dịch thuật Pháp ngữ Bửu Ý, họa sĩ Đinh Cường, điêu khắc gia Lê Thành Nhơn. Điều đáng tiếc là... cho đến nay Văn Bình cũng không có bản Trường ca Tiếng hát Dã Tràng nào trong tay cả.

Sau khi gặp tôi ở Nha Trang, Văn Bình đã lao vào việc giúp tôi tìm Trường ca Tiếng hát Dã Tràng. Văn Bình không tìm được bài hát mà chúng tôi đang tìm, nhưng may sao, anh lại tìm được tấm ảnh nhạc sĩ Trịnh Công Sơn mặc veston đứng trên bục điều khiển ban Đại hợp xướng của trường Sư Phạm Qui Nhơn trình diễn trường ca Tiếng hát Dã Tràng trong Đại nhạc hội do giáo sinh Sư phạm Qui Nhơn tổ chức vào cuối năm 1964.

Vốn là một người ham thích lịch sử, tôi quý tấm ảnh ấy như vàng.

Từ khi có tấm ảnh Trịnh Công Sơn chỉ huy Ban Đại hợp xướng, ý muốn tìm cho được bản Trường ca Tiếng hát Dã Tràng trở nên gay gắt trong tôi. Tôi gặp người anh bà con là nhạc sĩ Nguyễn Đình Niêm[2] (thầy giáo dạy nhạc tại Trung

(2) Nhạc sĩ Nguyễn Đình Niêm là con trai cụ Nguyễn Đình Thị người được vua Khải Định cho đi học đàn Violon đầu tiên ở Huế và cụ Nguyễn Đình Thị đã trở thành violoniste số 1 của Huế vào nửa đầu Thế kỷ XX.

H11. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn chỉ huy Ban hợp xướng trình diễn Trường ca "Tiếng Hát Dã Tràng" trong Đại nhạc hội lần thứ nhất do trường Sư phạm Qui Nhơn tổ chức (1962)

Ảnh tư liệu của Phan Văn Bình do NDX sưu tập

Tâm văn Thể Mỹ Huế) nguyên là Giáo sinh Sư Phạm Qui Nhơn khóa 3, nhờ anh mời những người còn thuộc Trường ca Tiếng hát Dã Tràng họp mặt, hát, thu cassette rồi ghi lại (solfège). Những cựu Giáo sinh Sư Phạm Qui Nhơn đang sống ở Huế còn thuộc Trường ca Tiếng Hát Dã Tràng là các thầy cô giáo Trương Văn Thanh (trong ban nhạc Thanh Sơn Hải), Nguyễn Văn Duệ, Nguyễn Văn Xa, Lê Thị Ngọc Trinh, Nguyễn Thị Sâm... Nhạc sĩ Nguyễn Đình Niêm cho biết hằng năm các cựu giáo sinh Sư phạm Qui Nhơn đều có họp mặt và luôn nhớ đến Trường ca Tiếng hát Dã Tràng, nhưng vì thấy tác giả không còn muốn nhắc đến giai đoạn anh học Sư phạm Qui Nhơn và nhắc đến trong hoàn cảnh nào anh đã sáng tác nên những bài **Biển Nhớ, Lời Buồn Thánh, Trường ca Tiếng hát Dã Tràng** ... tại Qui Nhơn nên dù họ rất thích nhạc Trịnh Công Sơn, tự hào đất Huế đã sản sanh ra nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, nhưng họ vẫn không muốn bị hiểu lầm là "thấy sang bắt quàng làm họ" nên họ cũng không nhắc đến làm gì nữa. Bây giờ Trịnh Công Sơn đã qua đời, các bạn ấy sẵn sàng giúp tôi ghi lại Trường ca Tiếng hát Dã Tràng. Không ngờ, gặp nhau trong một tiệc cưới, khi nghe nhạc sĩ Nguyễn Đình Niêm cho biết đang chuẩn bị mời những người còn thuộc Trường ca Tiếng hát Dã Tràng hát để ghi lại cho tôi, anh Nguyễn Hồ - nguyên học cùng lớp cùng khóa với Trịnh Công Sơn tại Qui Nhơn rất vui vẻ báo tin:

-"Cần gì ghi, hồi tập hát Trường ca Tiếng hát Dã Tràng ở Qui Nhơn các bạn có ghi cho mình một bản, hiện nay bà xã mình vẫn còn giữ!"

H12. Sau đúng 40 năm (1962-2002), nhạc sĩ Trương Văn Thanh chơi lại bài "Tiếng Hát Dã Tràng" để tưởng nhớ nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.

Ảnh NDX

H13. Nhạc sĩ Nguyễn Đình Niêm xem lại solfège Trường ca "Tiếng Hát Dã Tràng" trước khi công bố.

Ảnh NDX

Ôi thú vị làm sao! Chuyện tưởng phải đi một ngàn bước, không ngờ mới khởi hành đã đến đích. Có người bảo tôi: "Có lẽ Trịnh Công Sơn muốn giao ông làm công việc này nên ông mới được phù hộ may mắn đến như vậy!" Nếu đó là sự thật thì hân hạnh cho tôi biết mấy.

2. Bài hát thơ về thân phận dã tràng, sự đau khổ và tìm chốn nương náu ở tình yêu.

Như chúng ta đã biết, Trịnh Công Sơn xuất thân trong một gia đình khá giả. Không may, cụ thân sinh mất sớm, thân mẫu anh không đủ sức chống đỡ sự suy sụp tình cảm và kinh tế của gia đình. Đến đầu những năm sáu mươi gia đình anh rơi vào hoàn cảnh rất bi đát. Chuyện học hành của các em anh bị nghẽn tắc, gian phố lớn ở Ngã Giữa (đường Phan Bội Châu)- nơi buôn bán làm ăn, phải đổi chủ, cả gia đình qua thuê một căn hộ nhỏ hẹp ở trước nhà thờ Phủ Cam để ở. Lúc này Trịnh Công Sơn đã bắt đầu yêu, yêu những người con gái khuê các ở Huế như Ph.Th., B.D ... Hoàn cảnh của gia đình anh sa sút đến như thế làm sao anh có thể đạt được tình yêu. Bản thân Trịnh Công Sơn lại còn bị đe dọa bị "động viên" nữa. Anh rời Huế vào Qui Nhơn học Sư Phạm như một giải pháp vừa để tránh chuyện đi lính vừa kiếm sống cho bản thân. Tất cả những thứ ấy tác động mạnh lên tình cảm của chàng trai 23 tuổi Trịnh Công Sơn. Để tìm một nguồn vui, tìm một lối thoát cho tinh thần, nằm ở nhà trọ trong tiếng sóng biển Qui Nhơn rì rào, Trịnh Công Sơn đọc Albert Camus (1913-1960)- một triết gia hiện sinh vừa được Giải Nobel (1957). Anh thích nhất là tập Le Mythe de Sisyphe - cuốn khảo luận

nói về sự phi lý (l'absurde) của cuộc đời. Tất cả những gì con người nỗ lực xây dựng nên rồi cũng chẳng đi đến đâu, giống như anh chàng Sisyphe bị khổ sai hằng ngày phải đẩy một tảng đá lên núi cao và thả tay cho tảng đá lăn xuống vực rồi sau đó lại cố sức đẩy lên rồi lại thả tay. Tất cả sự nỗ lực ấy không có nghĩa gì hết, giống như công dã tràng xe cát vậy. Hoàn cảnh gia đình anh cũng thế. Cụ thân sinh nỗ lực xây dựng nên một gia đình khá giả rồi ông bị tai nạn chết một cách phi lý kéo theo sự sụp đổ của gia đình...cũng hết sức phi lý. Anh vào Sư phạm Qui Nhơn như một dấn thân có tính tinh thế. Thanh niên Qui Nhơn lúc ấy chưa hiểu anh và những người bạn từ Huế vào, họ đã vô tình có nhiều hành vi thô bạo đối với anh. Anh bị xô đẩy vào một nỗi bi thảm vô vọng đến rã rời.

Cũng trong thời gian này Trịnh Công Sơn hay giải buồn bằng cách chơi các loại dân ca, thánh ca, các bài nhạc theo điệu Blues của người da đen ở châu Mỹ như bài Somtimes, bài Ave Maria... Phong cách các bài nhạc này có một ảnh hưởng không nhỏ đối với sự nghiệp âm nhạc của Trịnh Công Sơn sau này.

Giữa lúc ấy, trường Sư phạm yêu cầu anh soạn một trường ca để biểu diễn trong một Đại nhạc hội do trường Sư phạm Qui Nhơn tổ chức. Anh không thể từ chối nên trường ca Tiếng Hát Dã Tràng đã ra đời.

Trường ca Tiếng Hát Dã Tràng chép gần đầy 7 trang A4, gồm có hai phần với 13 đoản khúc (Vì con số 13 này mà Trường ca Tiếng hát Dã Tràng bị thất lạc chăng ?):

Dã Tràng 1:

Đoản khúc 1: **Lời biển vọng**

Nhịp 2/4, chậm rãi, réo rắt, là tiếng kêu thống thiết của *"dã tràng khóc cho thân mình"* trước cảnh *"trùng dương đưa sóng vào bờ, đùa lên biển cát hoang vu xóa từng mảnh công dã tràng"*.

Đoản khúc 2: **Tiếng hát của dã tràng - bể cát và thân phận đó.**

Nhịp 4/4, khoan thai réo rắt. Giữa không gian và thời gian của trời đất, tác giả cũng là một con dã tràng bị lưu dày (exilé) trong nỗi cô đơn *"Khi mưa lên, khi nắng về, khi sương rơi, trong thu buồn, khi chim én bay vào mùa xuân, mình tôi đi, triền núi đến, tôi xe cát trong thân lưu đày"*

Đoản khúc 3: **Bãi cát chiều và lời vỗ về của người khách lạ.**

Vẫn nhịp 4/4 (các đoản khúc sau đều nhịp 4/4), réo rắt. Nhận thức hiện tượng dã tràng là một thực thể, một qui luật khắt khe, thân phận con người cũng thế. Trịnh Công Sơn vỗ về dã tràng như vỗ về thân phận làm người của chính mình: *"Này dã tràng ơi, nghe thân lưu đày, ngàn năm còn mãi, ngàn sau còn mãi cho vai thêm gầy khi nắng khi mưa."*

Đoản khúc 4: **Niềm đau vô vàn của thân phận**

Cuộc đời sẽ không còn gì như công dã tràng *"Thôi còn gì nữa đâu, còn gì nữa đâu xác dã tràng trắng bể thù sâu"* Những gì con người làm ra rồi cũng là công dã tràng. Tuy nhiên, dã

mang thân phận làm người thì chí"... *còn dài mai sau dời lên con đau*". Một ý niệm gặp gỡ đạo Phật "Đời là khổ".

Đoản khúc 5: **Lời nói trên không.**

Sóng Trùng dương như một qui luật khắt khe *"Quên dã tràng đêm ngày xe cát"*, Nhưng sóng Trùng dương nào có biết: sóng đã vô tình gọi dậy "con đau" của con người. Những đêm không ngủ, nghe tiếng sóng vỗ Trịnh Công Sơn càng thấy xót xa cho thân phận mình.

Dã Tràng 2:

Đoản khúc 6: **Tuổi hai mươi vào đời**

Diễn tả hoàn cảnh vào đời của tác giả. Bắt đầu hơi nhạc dồng dạc, khoan thai, về sau chán nản, buông xuôi. Ban đầu anh cũng như mọi thanh niên khác rất tin tưởng, hồ hởi, bước vào đời nhưng rồi do hoàn cảnh, anh phải sống với nội tâm và ngay ở tuổi hai mươi, anh đã thấy cái vô nghĩa của cuộc đời.

"...tối, khi hai mươi tuổi rồi
có những đêm chong đèn ngồi
chợt nhìn sâu đêm
chợt hồn nghe tiếng nói dã tràng"

Đoản khúc 7: **Niềm đau khoảng không**.

Hơi nhạc da diết thổ lộ chính cuộc đời không còn biết vui của mình và từ đó ý thức được sự hiện hữu của mình " *Từ đó tuổi hai mươi không còn biết vui. Từ đó đêm suy tư cho đời lắng sâu, những đêm khuya về rã rời, bàn tay hoang vu gọi mãi, gọi vào niềm không buốt đau, gọi vào ngày sau nhớ nhau*"

Đoản khúc 8: **Bốn mùa và tuổi đó**

Giữa giông tố của cuộc đời Trịnh Công Sơn, không chịu khuất phục theo số phận, anh cố gượng dậy. Nét nhạc trở nên mạnh mẽ khác thường: "*Xuân hạ thu đông bốn mùa làm tóc trắng, tôi gọi tên tôi khắp chốn non ngàn, tôi dìu tôi đi giữa trời lên bão tố, xuân hạ thu đông theo gót chân hờ.*"

Đoản khúc 9: **Chốn nương náu.**

Sau khi biết dìu mình đi trong bão tố, để có thể đứng được trước bão tố, Trịnh Công Sơn tìm thấy chỉ có một chỗ nương náu chính là tình yêu. Anh "*Gọi vào tình yêu, gọi vào tình yêu, gọi vào tình yêu, sáng lên đồi núi, bắc loa gọi vào tình yêu*".

Đoản khúc 10: **Lời buồn thánh.**

Gọi vào tình yêu nhưng tình yêu chưa đáp lại. Hơi nhạc kể lể réo rắt như nhắc lại một điều hiển nhiên để thấy rõ thêm thân phận mình. Cái bi kịch của con người là biết mất mát, biết khổ, biết đau nhưng không dám nói ra mà trái lại dấu tất cả những nỗi mất mát khổ đau đó "trong môi cười". Đó là trường hợp của Trịnh Công Sơn, là lời buồn thánh.

"Ngai vàng đã mất lâu rồi,
Thân dày dấu trong môi cười
Tay dài gối giấc ngủ vùi
Nghe mình hóa thân lâu rồi"

Đoản khúc 11: **Bốn mùa là niềm vô vọng.**

Mỗi lần bị thân phận kéo xuống, Trịnh Công Sơn lại gượng dứng dậy. Dù bốn mùa là niềm vô vọng, nhưng anh

vẫn không mất niềm tin, vẫn chờ nhu Nguyễn Du "Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều". Nét nhạc lấy lại của đoản khúc 8 mạnh mẽ hẳn lên: "*Xuân hạ thu đông bốn mùa làm tóc trắng, tôi gọi cơn đau cho nước vỡ nguồn tôi dìu tôi đi giữa trời lên bão tố, dã tràng hai tay vốc những tháng năm chờ*".

Đoản khúc 12: **Ngỏ ý.**

Anh chờ gì? Chờ tình yêu cứu rỗi. Anh không còn gì hết. Không còn nơi bám víu. Chỉ còn hy vọng một chút ở tình yêu. Khát khao tình yêu, hơi nhạc trở nên vội vã giục giã: "*Còn gì đâu, còn gì đâu mà không thương nhau. Niềm hoang vu gói đầy mất đại, niềm cô đơn như mây ngàn tới, còn gì đâu, còn gì đâu mà không thương nhau*".

Đoản khúc 13: **Chốn ẩn trú cuối cùng** (Tình yêu mọc cánh thiên thần).

Chỗ ẩn náu cuối cùng là tình yêu. Lúc này anh đang yêu B. Kh.- một hình ảnh đã gây cảm xúc cho bài Biển Nhớ. Cô giáo sinh Hoàng tộc B. Kh. chưa có biểu hiện gì đáp lại tình yêu của anh. Kết thúc trường ca thể hiện khát vọng tình yêu chưa đến. Chưa đến trong Trường ca Tiếng hát Dã Tràng ở Qui Nhơn và cũng chưa đến trong cuộc đời sáng tác nhạc của anh sau này.

"Tên tháng ngày viết trên môi cười,
Đốt đêm dài nghe ngóng tình yêu.
Nghe dã tràng xuống hai vai gầy,
Đốt con buồn đi đến tình yêu,
Gọi vào tình yêu, gọi vào tình yêu
Ta ra ngàn lối bắc loa gọi vào tình yêu".

3. Trường ca Tiếng Hát Dã Tràng dự báo thiên tài âm nhạc họ Trịnh.

Trường ca Dã Tràng về hình thức là một bài hát thơ dài, thể hiện đầy đủ nhất phong cách ca nhạc Trịnh Công Sơn. Về ý tưởng, do hoàn cảnh thực tế của gia đình, do ảnh hưởng của Phật giáo mà anh đã hấp thụ từ nhỏ, và do sách báo, âm nhạc ngoại quốc xâm nhập vào miền Nam Việt Nam lúc ấy, tư tưởng của Trịnh Công Sơn trong Trường ca Tiếng hát Dã Tràng nhuốm màu triết lý về thân phận làm người. Kiếp người là vô nghĩa, con người là khổ đau, chỉ có tình yêu mới làm vơi bớt khổ đau. Về sau anh phát triển thêm, con người muốn bớt khổ đau phải có nhau, phải biết thương nhau "sỏi đá cũng có nhau". Nhạc sĩ Văn Bình cho rằng: "Trường ca Tiếng hát Dã Tràng là kho lưu trữ những ưu tư mà ta thường bắt gặp lại trong nhiều ca khúc của Trịnh Công Sơn sau này ví như *Lời Buồn Thánh, Đóa Hoa Vô Thường*".

Trịnh Công Sơn viết Trường ca Tiếng Hát Dã Tràng trong giai đoạn sa sút nhất về tinh thần và vật chất. Những người hiểu hoàn cảnh bi đát, vô vọng của Trịnh Công Sơn lúc đó thì mới hiểu được Trường ca Tiếng hát Dã Tràng. Còn những người không hiểu sẽ không thích, mà còn có thể cho rằng Trịnh Công Sơn bi quan, yếu đuối. Có lẽ vì thế mà Trịnh Công Sơn không muốn nhắc đến giai đoạn Qui Nhơn với Trường ca Tiếng Hát Dã Tràng để tránh sự hiểu lầm. Trịnh Công Sơn cố quên những bạn bè anh, những người muốn hiểu đích thực cuộc đời của anh vẫn cố tìm cho được để nhớ và nhớ mãi.

Gác Thọ Lộc, 30.12.2001

Trịnh Công Sơn với Cao nguyên bụi đỏ sương mù

Lần đầu tiên những người yêu thích âm nhạc Việt Nam chúng ta đón mùa Xuân về mà không có nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Đây là một sự hụt hẫng mà có người bảo rằng "phải tập làm quen trong nhiều mùa xuân nữa mới quen được". Nhưng đối với tôi - một người bạn chưa bao giờ ở với Sơn ngày nào nên tôi vẫn cảm thấy Sơn đang sống ở đâu đó. Tôi không gặp Sơn như lúc tôi đến nhà 47C Phạm Ngọc Thạch mà Sơn ngủ chưa dậy. Tôi đành quay xe và tự hẹn với mình lần sau vào Thành phố Hồ Chí Minh sẽ lại đến.

Cho đến nay, Trịnh Công Sơn vẫn chưa - như gia đình tôi hay dùng- exit (thoát) khỏi đời sống của tôi. Bởi vì, tôi là một người luôn luôn thích khám phá bí ẩn nhưng có nhiều giai đoạn trong cuộc đời của bạn tôi, tôi chưa công bố. Tôi vẫn còn nợ giai đoạn Trịnh Công Sơn dạy học và bắt đầu làm nhạc phản chiến ở B'lao-Lâm Đồng. Đây là một giai đoạn quan trọng trong cuộc đời Sơn nhưng Sơn rất ít viết, ít đề cập đến và tất nhiên bạn bè - những người yêu thích âm nhạc Sơn, cũng ít biết. Để chuẩn bị cho việc "trả nợ nầy". tôi đã làm một cuộc hành hương trở lại vùng cao nguyên bụi đỏ sương mù B'lao để làm sống dậy những điều mà Trịnh Công Sơn đã chôn chặt nơi đây.

Người cung cấp những thông tin đầu tiên về những năm tháng Trịnh Công Sơn dạy học và sáng tác ở B'lao cho tôi là chị Lê Thị Ngọc Trinh - bạn học Sư phạm khóa I (1962-1964) với Sơn ở Qui Nhơn và đồng nghiệp của Sơn ở B'lao. Người dẫn đường là thầy giáo Lê Quang Kết ở B' lao. Những người hiểu rõ những năm tháng Trịnh Công Sơn ở B'lao là cụ Lê Cao Lợi[1] - nguyên trưởng ty Tiểu học, lãnh đạo của thầy giáo Trịnh Công Sơn lúc ấy và cụ Phạm Trung Thành, nhân viên cũ của Ty Tiểu học (từ năm 1964) - người chơi đàn violon, hay trao đổi về âm nhạc với nhạc sĩ Trịnh Công Sơn ở B'lao. Tư liệu bổ sung do hai ông bạn họa sĩ Đinh Cường và Trịnh Cung giúp.

1. Trịnh Công Sơn - trưởng giáo trường sơ học Bảo An

Như chúng ta đã biết[2], Trịnh Công Sơn học khóa I thường xuyên trường Sư phạm Qui Nhơn (1962-1964). Năm 1964 mãn khóa anh được bổ lên B'lao cùng một số bạn cùng quê, cùng khóa, trong đó có Lê Thị Ngọc Trinh-người trong ban Hợp xướng của trường Sư phạm Qui Nhơn đã từng hát trường ca Tiếng Hát Dã Tràng của Sơn. Lê Thị Ngọc Trinh được bổ về trường Nữ Bảo Lộc ở ngay trung tâm Thị xã, Trịnh Công Sơn bổ đi xa hơn một chút là trường sơ học Bảo An cách Tỉnh đường và Ty Tiểu học Lâm Đồng gần một cây số. Trường Bảo An có ba lớp 1, 2, 3, sĩ số mỗi lớp chừng vài

---

(1) Cụ Lê Cao Lợi định cư vừa ở Mỹ, vừa trở lại B'lao sống tiếp những năm cuối đời.

(2) Xem Trịnh Công Sơn với phố biển Qui Nhơn, KTNN số 390, 10.6.2001

mươi em, đa số học sinh là người dân tộc ít người, chỉ có dăm ba em là người Kinh[3]. Cơ sở của trường có hai phòng đứng chơ vơ trên một bãi đất trơ trụi, mái lợp tranh, vách nứa; học sinh mặt mày lem luốc, mũi dãi lò thò, áo quần rách rưới, nhuộm bụi đỏ trông rất thê thảm. Bảo An thuộc loại trường sơ cấp, không có chức Hiệu trưởng. Người phụ trách trường có cái tên cổ cổ là *trưởng giáo* giống như ông Ngô Đình Khả lúc mới được bổ nhiệm làm trưởng giáo trường Quốc Học hồi cuối thế kỷ XIX vậy (1896). Trịnh Công Sơn được "đào tạo chính qui" nên làm trưởng giáo và đứng dạy lớp ba vào buổi sáng, ông giáo Tạ Văn Thống sắp về hưu dạy hai lớp 1 và 2 vào buổi chiều. Hằng ngày ông trưởng giáo họ Trịnh đi về dạy học phải cuốc bộ trên con đường dốc mà vào mùa nắng thì bụi đỏ mịt mù, vào mùa mưa bùn lầy nhoe nhoét rất khó bước. Tuy đi về hơi vất vả một chút nhưng chuyện soạn bài và đứng lớp rất thoải mái. Học trò miền núi dễ bảo. Vào mùa hái chè các em ở nhà giúp cha mẹ, đến lớp chỉ có mươi mười lăm em. Phòng học không có cửa, nhiều hôm mây mù bay tràn vào lớp làm cho thầy giáo và học trò cũng lãng đãng theo mây. Nhiều ý nhạc khởi dậy trong lòng ông trưởng giáo Trịnh:

"*Bụi về với mây Người còn đó gieo hạt lúa trên ruộng đất này*" (Phúc Âm Buồn, 1965).

"*Qua khoảng trời trống trơn của lớp học Sơn đã vẽ nhiều ký họa đẹp và sinh động những người dân tộc trên nương rẫy, dưới bóng suối mát*". (Đinh Cường kể).

Dạy học ở vùng thượng du thế ấy. Không vui. Nhưng

(3) Sau năm 1975 trường Bảo An không tồn tại nữa

dù sao với chỉ số lương (indique) 320[4] cộng thêm phụ cấp đắt đỏ vùng cao, mỗi tháng Trịnh Công Sơn cũng lĩnh được 5.200$. So với vật giá lúc ấy: Cà-phê loại ngon 1$/ly, phở 3$/ tô, cơm 600$/ tháng, vàng 2.000$/ lượng... lương như thế là cao, có của ăn, của để.

Nhà trọ của Trịnh Công Sơn tại B'lao là một ngôi nhà kiểu biệt thự mới xây trên khu đất khoáng đạt ở gần Ty Công chính Lâm Đồng. Chủ ngôi nhà là cô Phi-trưởng phòng kế toán Ty Công chính. Trịnh Công Sơn thuê nhà cùng với ba đồng nghiệp họ Nguyễn là Thanh Ty (Nha Trang), Hảo Tâm và Văn Ba (Sư phạm Sài Gòn). Mỗi người phải trả tiền nhà 300$/tháng. Bà chủ nhà có dáng người mảnh dẻ, hơn ba mươi tuổi, cùng với đứa con gái ở chung trong nhà. Nhờ thế các thầy giáo trẻ sống xa nhà vào ra đỡ bớt khô khan.

Những khi lễ lược, B'lao có tổ chức văn nghệ, Trịnh Công Sơn được mời sinh hoạt với các đồng nghiệp. Ngoài Trịnh Công Sơn, những cây văn nghệ lúc đó mà đến nay dân B'lao còn nhớ là Hoàng Thị Ni Na, Lê Thị Ngọc Trinh, Đỗ Thị Nghiễm... Lúc ấy dân địa phương B'lao ít có người chơi nhạc. Mỗi khi muốn nói chuyện âm nhạc Trịnh Công Sơn hay đến số nhà 24 đường Tiên Dung[5] gặp ông Phạm Trung Thành làm việc ở Ty Tiểu học. Ông Thành được đào tạo để chơi đàn violon trong ban nhạc lễ của nhà thờ Bảo Lộc. Ông không thích nhạc của Sơn nhưng ông phải công nhận với Sơn

---

(4) Tốt nghiệp Đại học Sư phạm chỉ số lương 470

(5) Nay là số 96 đường Đường 28 tháng 3

rằng :" *Ca từ (parole) của Trịnh Công Sơn rất tuyệt vời. Sau này anh có được người đời biết tiếng chính là nhờ cái phần ca từ*". Đến nay thì ông Thành xin nói lại với tôi : "*Ca khúc của Trịnh Công Sơn, ca từ hay mà nhạc cũng rất hay* !".

Sinh hoạt văn nghệ thường xuyên của Trịnh Công Sơn lúc nầy là hát cho học sinh nghe và dạy cho học sinh hát. Từ hồi còn học Sư phạm Qui Nhơn, Trịnh Công Sơn đã sáng tác nhiều bài hát cho thiếu nhi. Lúc lên dạy học ở B' lao, anh lại sáng tác thêm nhiều bài nữa. Ngày nay nhiều người còn thuộc bài *Ông Tiên Vui*. Cô giáo Lê Thị Ngọc Trinh vừa kể chuyện cũ ở B'lao vừa hát cho tôi nghe:

"Ông Tiên vui ông có cái râu dài
Đêm ông thường ngủ yên trên đỉnh mây
Ông tiên vui ông thường hay nhắc đến
Chốn Thiên đình chẳng còn tháng ngày trôi
Ông tiên vui ông có cái căn nhà
Trên ngọn đồi bằng đêm ông ghé qua
Hôm em lên ông chợt đi đâu vắng
Khi em về em buồn đến ngẩn ngơ"

2. Từ "Tuổi Đá Buồn" đến "Ca Khúc Da Vàng"

Buổi chiều nghỉ dạy, sau giấc ngủ trưa. Trịnh Công Sơn sửa lại chiếc áo ka-ki vàng, bỏ vô quần tẹc-gan nghiêm chỉnh rồi xỏ chân vào đôi giày Batar rảo bước ra quán Cà-phê bi-da Ngọc Trang. Anh chơi ở đó cho đến tối. Cũng có hôm, anh cùng với vài người bạn dạo quanh hồ Bảo Lộc hoặc đi dọc theo quốc lộ Sài Gòn Đà Lạt chạy qua Thị xã nói chuyện

phiếm. Nhiều hôm thiếu bạn, anh dạo phố một mình với nỗi buồn da diết mà anh đã thể hiện trong bài *Chiều Một Mình Qua Phố* hồi còn học ở Sư phạm Qui Nhơn (1963). Lúc đầu thanh niên B'lao nhìn mái tóc thưa mềm, chạy dài xuống gáy và hàng râu mép hung hung nâu của Sơn, họ lấy làm lạ. Về sau có dịp đến gần và biết Trịnh Công Sơn vừa là thầy giáo vừa là nhạc sĩ hiền hậu hồn nhiên họ dâm ra cảm mến và rất hân hạnh được gần anh. Những chiều không thấy anh dạo phố hay khom mình trên bàn bi-da Ngọc Trang họ cảm thấy vắng vẻ và có ý chờ trông.

Vào dịp nghỉ lễ hay nghỉ cuối tuần, Sơn hay lên xe đò về Sài Gòn chơi với Đinh Cường hoặc Trịnh Cung, chiều Chủ nhật trở lại B'lao để sáng thứ hai lên lớp. Anh về Sài Gòn còn có mục đích xuất bản tập nhạc đầu tay của anh. Nhiều lần Trịnh Công Sơn không lên kịp vào đầu tuần, ông giáo Thống đã giúp dạy hộ cho anh. Sự vắng mặt không xin phép của một giáo viên là phạm kỷ luật, may mắn sao ông Lê Cao Lợi - trưởng ty Tiểu học, là người biết mến mộ nghệ sĩ nên dù Trịnh Công Sơn vắng mặt nhiều lần (có lần đến ba tuần) ông vẫn không khiển trách. Từ sau ngày Nguyễn Văn Ba - người bạn đồng nghiệp và cùng thuê chung nhà, chết vì trúng mìn trên đường B'lao-Sài Gòn, Trịnh Công Sơn ngại về Sài Gòn phải tiêu phí những ngày nghỉ ở B'lao. Một mình "nằm trong căn gác điu hiu", nghe gió luốt thuốt kéo qua rừng lau dưới những cơn mưa không dứt, Sơn nghĩ về đời mình, nghĩ về cái chết của Nguyễn Văn Ba, nghĩ về tiếng chuông nhà thờ Bảo Lộc ở phía bên kia đường sáng sáng

chiều chiều đội vào sự cô đơn của anh. Và, chính trong những ngày bó gối ở nhà ấy, anh phát hiện có một người đẹp hằng ngày đi Nhà thờ bằng con đường qua trước cửa phòng anh. Trịnh Công Sơn hơi ân hận. Lâu nay anh bù khú với bọn bạn trai nên không để ý đến người hàng xóm gái ấy. Người có tên là Ngà. Ngà không sắc sảo, không quý phái như các cô gái Huế đã "hớp hồn" anh như Ph.Th., Bích Diễm, nhưng với cái dáng mảnh mai, tóc thề chấm vai, khuôn mặt thánh thiện như mặt Đức Mẹ Đồng Trinh của cô cũng đã làm cho Trịnh Công Sơn mất ngủ. Sự phát hiện trong cõi cô đơn ở B'lao có Ngà như một cái nhấn làm bật dậy những dồn nén cô đơn mang tính tâm linh trong Sơn lâu nay. Anh viết bài *Tuổi đá buồn*.

"Trời còn làm mưa mưa rơi mênh mang từng ngón tay buồn em mang em mang đi vào giáo đường ngày chủ nhật buồn còn ai còn ai đóa hoa hồng cài trên tóc mây, ôi đường phố dài lời ru miệt mài ngàn năm ngàn năm ru em nồng nàn ru em nồng nàn"

Bản in lần đầu *Ca khúc Trịnh Công Sơn* (Nxb An Tiêm, SG 1967), bài *Tuổi Đá Buồn* được soạn với nhịp 4/4, đoạn mở đầu với 30 nhịp rưỡi[(5)] mới có một dấu lặng, phần ca từ suốt 55 từ không hề có một cái chấm phẩy nào. Hình ảnh cô Ngà mang ngày chủ nhật buồn (Sombre dimanche[(6)]) đến nhà thờ, con đường quốc lộ Sài Gòn - Đà Lạt dài hun hút đi qua

---

(6) Năm 1998, in lại trong tập Những Bài Ca Không Năm Tháng, sửa lại nhịp 6/8 , giữa đoạn có hai dấu lặng nửa nhịp

(6) Seress Rejso

Thị xã... nối tiếp nhau. Đoạn nhạc dài lê thê ấy diễn tả những cơn mưa không dứt của B' lao trong tâm hồn Sơn. Sự cô đơn của Trịnh Công Sơn không phải của người trần thế, của con người với con người, của xác thịt với xác thịt mà chính là của thân phận làm người. Sự cô đơn hư vô nhuốm một chút siêu hình:

" Trời còn làm mưa rơi mưa rơi từng phiến băng dài trên hai tay xuôi tuổi buồn em mang đi trong hư vô ngày qua hững hờ".

Sự cô đơn "hư vô" của thân phận làm người nên bao giờ còn "làm kiếp con người" thì còn cô đơn. Vì thế những ý tưởng ấy cứ ẩn hiện không ngừng trong cảm xúc của Sơn.

..." Trời còn làm mưa mưa rơi thênh thang từng gót chân trần em quên em quên ôi miền giáo đường ngày chủ nhật buồn còn ai còn ai"

(*Ca khúc Trịnh Công Sơn*, Nxb An Tiêm, SG 1967)

Nếu không có những ngày chủ nhật buồn ở B' lao có lẽ Trịnh Công Sơn không có những ca khúc buồn đến thế. "Người nằm co" trong *Phúc Âm Buồn* chính là hình ảnh Trịnh Công Sơn trong những ngày ấy.

" Người nằm co như loài thú khi mùa đông về
Người nằm yên không kêu than buốt xương da mình"

Muốn tránh xa mọi người, một người nằm yên nhưng không thể nằm yên được.

" Từng tiếng người nhiều tiếng người gọi hoài giữa đêm"

Trịnh Công Sơn viết bài *Phúc Âm Buồn* vào năm 1965 - Đấy là năm quân Mỹ đổ bộ ồ ạt lên bến phá Tòa Khâm Huế, nhiều bạn bè của anh xuống đường đấu tranh chống chiến tranh, chống lại việc dùng tuổi trẻ như một thứ củi đốt cho chiến tranh của Mỹ. Cũng có một số bạn của Trịnh Công Sơn bị động viên, bị bắt đi quân trường (nhà thơ Ngô Kha), hay đang trốn lính. Ngày 20.7.1965, Ủy ban Thanh niên Sinh viên của Nguyễn Cao Kỳ mời sinh viên miền Nam về Sài Gòn hội thảo "chuẩn bị giải phóng miền Bắc". Trong hội thảo này bà Ngô Bá Thành, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Đắc Xuân đã công khai chống chiến tranh, kêu gọi hòa bình. Ở Huế Thái Luân cho ra đời tập thơ phản chiến ***Vùng Tủi Nhục*** lên án chiến tranh do Mỹ đạo diễn được sinh viên học sinh chuyền tay nhau đọc. Tận bên Mỹ Bob Dylan, Joan Baez ôm đàn du ca hát phản chiến...Qua thư từ, Trịnh Công Sơn hiểu rõ hết tình hình chiến tranh và đấu tranh kêu gọi hòa bình ấy. Những người bị mời dự hội thảo của Nguyễn Cao Kỳ chống chiến tranh vì tinh thần dân tộc. Trịnh Công Sơn là một người hiền hòa nhân hậu, rất sợ chuyện chém giết. Năm 1963, lúc còn theo học Sư phạm ở Qui Nhơn, đọc *Mythe de Sysiphe* của Albert Camus (1942) Trịnh Công Sơn đã thấy sự hiện hữu của con người là phi lý (absurde) giống như anh chàng Sisyphe bị khổ sai bằng việc hằng ngày phải lăn một tảng đá lên núi rồi thả tay cho đá lăn xuống núi không tạo ra một tác dụng nào cả :

" *Người chợt nhớ mình như Đá lăn vết lăn buồn*".

(*Vết Lăn Trầm, 1963*)

Đến năm 1965, chiến tranh làm bi thảm hơn sự phi lý

của thân phận con người. Đúng như tình hình anh đã thấy trước đó một năm:

"*Ôi chinh chiến đã mang đi bạn bè*
ngựa hồng đã mỏi vó chết trên đồi quê hương"

(*Xin Mặt Trời Ngủ Yên*, 1964)

Với một ý thức dân tộc chung chung, Trịnh Công Sơn không còn thụ động được nữa, anh phải dấn thân. Suốt cả mùa hè năm 1965, Trịnh Công Sơn nằm lại B' lao, đóng cửa soạn những ca khúc chống chiến tranh, kêu gọi hòa bình như các bài *Gia Tài Của Mẹ, Ca Dao Mẹ, Người Hát Bài Quê Hương, Du Mục, Lại Gần Với Nhau, Người Già Em Bé, Người Con Gái Việt Nam Da Vàng*.... Lúc ấy hai chữ "hòa bình" bị cấm kỵ. Nói hòa bình là "Cộng sản". Cho nên những ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn soạn xong phải giữ kín và chỉ hát trong giới bạn bè thân thiết thôi. Những bạn bè thân thiết đó ở Đơn Dương, Sài Gòn, Huế, và đặc biệt là Đà Lạt. Bạn bè nghe nhạc phản chiến của Trịnh Công Sơn rất thích, tác giả cất lên tiếng nói bất lực trước cuộc chiến tranh và thể hiện khát vọng hòa bình hộ cho nhiều người thế hệ anh. Nhưng cũng có nhiều người không thích. Những ca khúc phản chiến "nguy hiểm" đến như thế thì có ca sĩ nào dám hát ? May sao, trong những chuyến lên về Đà Lạt, Trịnh Công Sơn đã gặp được một cô "bé quê" trong một phòng trà và cô bé đã lột xác hóa thân thành ca sĩ Khánh Ly hát nhạc phản chiến bắt đầu từ Quán Văn Đại học Văn khoa Sài Gòn (1965-1966). Nhạc phản chiến của Trịnh Công Sơn gắn liền với giọng ca Khánh

Ly. Gặp gỡ Khánh Ly là một bước ngoặt mang tính định mệnh của Trịnh Công Sơn. Không có những tháng năm dạy ở B' lao để tiện đường lên về Đà Lạt thì làm sao Sơn có thể gặp được Khánh Ly ?

Đến năm 1967, không chỉ có bạn bè anh mới bị "*chính chiến mang đi*", mà các đồng nghiệp của anh ở B' lao và chính anh bị gọi nhập ngũ . Trịnh Công Sơn không chấp nhận cuộc chiến tranh của Mỹ nên anh trốn lính. Trốn lính từ B' lao. Trốn lính và chấp nhận cuộc sống bất hợp pháp, điều đó có nghĩa là anh phải giã từ cuộc đời làm thầy giáo ngắn ngủi của anh. Trịnh Công Sơn không tự ý bỏ nghề thầy mà vì chính quyền miền Nam lúc ấy đã buộc anh phải nghỉ dạy học để đi lính. Anh trốn lính để có thể đi đến cùng sự nghiệp đấu tranh cho hòa bình, cho quyền tự quyết dân tộc.

Trịnh Công Sơn ăn lương dạy học tại B' lao chỉ có ba năm (1964 đến 1967). Thời gian ấy ngắn so với cuộc đời sáu mươi ba tuổi của anh (1939-2001). Nhưng không ai có thể viết tiểu sử nhạc sĩ Trịnh Công Sơn một cách trung thực khi chưa rõ giai đoạn "bụi đỏ sương mù" của anh ở B ' lao. Bởi vì chính trong giai đoạn nầy anh đi làm thầy giáo rồi buộc phải thôi dạy, anh cho xuất bản những tập nhạc đầu tiên của anh, anh soạn loạt bài phản chiến mang tên Ca Khúc Da Vàng, anh gặp gỡ ca sĩ Khánh Ly và khẳng định sự nghiệp làm nhạc sĩ cho đến cuối đời anh.

Gác Thọ Lộc, một ngày Đông, 2001

114. Trịnh Công Sơn đệm đàn cho ca sĩ Khánh Ly hát "Tuổi Đá Buồn" tại quán Văn Đại học Văn khoa Sài Gòn (1965).

Ảnh tư liệu của ĐC

115. Trịnh Công Sơn hát "Ca Khúc Da Vàng" tại Quán Văn (khoảng 1966 – 1967)

Ảnh tài liệu của Trần Tuyết Hoa

H16. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn và ca sĩ Khánh Ly (người thứ nhất và thứ hai bên phải) cùng với Trịnh Xuân Tịnh, bà PhạmVăn Tốn, họa sĩ Tôn Nữ Ngọc Phượng, họa sĩ Đinh Cường và Giáo sư Đỗ Long Vân dự khai mạc Triển lãm tranh Đinh Cường tại Alliance Française DaLat (1965).

Ảnh tư liệu của ĐC

Tạ ơn giai nhân, tạ ơn Trịnh Công Sơn và...

Không biết có ai đó đã nhắc tôi câu dịch từ thơ của Arvers (1896 - 1850): "*Xem thơ nào biết có mình ở trong*". Mỗi lần nghe người yêu nhạc nói chuyện tình của Trịnh Công Sơn (giai đoạn đầu) tôi bỗng thấy nhớ và tự bảo thầm "nào ai có biết chuyện tình trong nhạc của Sơn cũng chính là chuyện tình của tôi, của thế hệ tuổi tôi". Nói như thế bạn đọc sẽ mỉm môi "thấy sang bắt quàng làm họ". Nếu không có những giãi bày sau đây thì nghĩ như thế không có gì sai cả.

Thành phố Huế xưa nay vốn rất nhỏ. Người đẹp của núi Ngự sông Hương phần lớn tập trung ở hai ngôi trường Đồng Khánh - Quốc Học, từ sau năm 1957 có thêm Đại học Huế. Thế hệ nào cũng có những giai nhân của riêng mình. Giai nhân có ít mà người mê thì nhiều. Một người đẹp nào đó có hàng chục người "bước theo gót hài". Tiểu sử của các cô các chàng trai đều thuộc lòng. Nhưng như chính Xuân Diệu đã từng thú nhận "Yêu rất nhiều mà nhận chẳng được bao nhiêu". Không "nhận" được vì nhiều lý do: Thời ấy, ít có cô gái Huế nào đẹp mà chịu lấy những chàng trai ngang trang ngang lứa. Các cô gái đẹp thường được cha mẹ gả cho những người đã có danh vọng, có sự

nghiệp chắc chắn. Rất hiếm thấy, các anh chàng lông bông học hành chưa tới mà có người yêu đẹp xuất thân trong các gia đình gia giáo. Tuy nhiên trong thế hệ tôi, chính vì các hố ngăn cách ấy đã nẩy sinh ra biết bao mối tình thầm lặng, yêu một chiều và khi nó xảy ra với những người về sau xuất chúng như nhạc sĩ Trịnh Công Sơn thì chúng trở thành những chuyện tình bất tử.

1. "Cuối cùng cho một tình yêu"

Tôi có một người bạn gốc Nha Trang, đang học vẽ nhưng anh lại tỏ ra có tài thơ. Anh yêu cô Đỗ Thị Lệ Th. - em gái của họa sĩ Đỗ B. Cô Lệ Th. có mái tóc thề mượt mà, dáng đi nhẹ nhàng dễ thương giống như cái tên Lệ Th. của cô vậy. Những ai đã gặp Lệ Th. thì không thể không mất ngủ vì cô. Anh bạn tôi yêu Lệ Th. và làm thơ lấy biệt hiệu là Th. Nguyệt. Nhưng rất tiếc gia đình Th. Nguyệt rất nghèo, anh lại chưa có sự nghiệp, nên anh đã thua cuộc trước bạn anh là họa sĩ Tôn Thất V.

Ở Đại học Văn khoa Huế lúc ấy lại có cô Trần Thị Nh.H. Nh.H. không nằm trong danh sách người đẹp, nhưng cô hay mặc áo dài tím, với dáng đi "mềm mại như tơ", hát hay nên H. được mến mộ không kém người đẹp. Họa sĩ Trịnh Cung lúc còn học Mỹ thuật Huế rất mê Nh.H. và tuyệt vọng, anh đã làm nên bài thơ *Cuối cùng cho một tình yêu*. Bài thơ này đã được Trịnh Công Sơn phổ nhạc và nổi tiếng gần bốn mươi năm qua. Điều không ai hiểu nổi là: "Cho đến nay (2002) Nh.H. đã có gia đình, đã có cháu mà cô vẫn chưa biết bài thơ phổ nhạc bất hủ ấy Trịnh Cung đã

làm cho chính Nh.H." (Lời thú nhận của Trịnh Cung với tôi).

Cùng một mẫu yêu như Trịnh Cung, Trịnh Công Sơn đã yêu Ph.Th. - em ruột của ca sĩ Hà Thanh. Bạn âm nhạc của Trịnh Công Sơn lúc ấy có Lê Gia Phàm, Hà Thanh và Thanh Hải (Hồ Quang Hải). Lê Gia Phàm yêu Hà Thanh, Trịnh Công Sơn, Thanh Hải (học Đệ nhất với tôi và bác sĩ Trương Thìn sau này) đều yêu Ph.Th. Và, không chỉ hai người ấy, nói chung những người quen biết gia đình Hà Thanh, hay học cùng một lứa (promotion) với Ph.Th. Đều là "đệ tử" trước vẻ đẹp thánh thiện của Ph.Th cả. Trong số "bái phục giai nhân Ph.Th." ấy, Trịnh Công Sơn thuộc loại quán quân. Sau này có lần Trịnh Công Sơn kể lại là: "Hà Thanh có đến bốn năm người em gái, mình ngồi nói chuyện với Hà Thanh, mỗi lần Ph.Th. đến sau lưng mình là mình biết ngay. Khi nào cô ấy đến gần thì có một mùi hương đến trước. Nhờ cái mùi hương ấy mà mình không bao giờ nhầm Ph.Th. với các cô em gái khác của Hà Thanh". Chưa bao giờ Trịnh Công Sơn dám tỏ tình với Ph.Th và Ph.Th. cũng chưa bao giờ có một cử chỉ gì khiến cho người bạn âm nhạc của chị mình hiểu nhầm là cô có cảm tình riêng với bạn chị. Thế mà Trịnh Công Sơn đã si tình và nhờ cái vẻ đẹp thánh thiện "em đứng lên gọi mưa vào hạ" ấy của Ph.Th. mà anh đã viết nên mấy bài hát *Nhìn Những Mùa Thu Đi*, *Nắng Thủy Tinh*, và *Gọi Tên Bốn Mùa*. Ph.Th. lập gia đình với ông Tiến sĩ B. làm trưởng Khoa Luật rồi làm Bộ trưởng Giáo Dục, "tuổi tác không cân xứng nhưng danh vọng và sắc đẹp thì đẹp đôi". Sau đó vì thời cuộc Tiến sĩ B. mất

sớm, Ph.Th. vẫn giữ sự đoan trang, đức hạnh nuôi dạy các con ăn học đến nơi đến chốn tại Boston (Mỹ). Cuối năm 2000, gặp lại Hà Thanh và Ph.Th. tại Huế, tôi vẫn thấy hai chị em này "không sợ thời gian", vẫn đẹp như "nắng thủy tinh" thuở nào. Nhớ lại chuyện xưa, các cô rất vui và xem đó những kỷ niệm đẹp của giai nhân đẹp nhất của đời mình. Tuy chỉ mới một chiều, nhưng bạn bè thuở ấy của Trịnh Công Sơn vẫn xem chuyện Trịnh Công Sơn si mê Ph.Th. là "mối tình đầu" của anh.

2. "Hai mươi năm xin trả nợ dài"

Khoảng năm 1962, gia đình Trịnh Công Sơn gặp khó khăn kinh tế, gian phố lớn ở đường Phan Bội Châu (Ngã Giữa) phải sang cho người khác và qua thuê một căn hộ ở tầng một dãy lầu mới xây ở đầu cầu Phủ Cam [1]. Hằng ngày Trịnh Công Sơn đứng trên lầu ngắm các cô nữ sinh đi qua cầu Phủ Cam, đi dọc theo đường Nguyễn Trường Tộ đến trường Đồng Khánh. Trong đám xuân xanh ấy có cô Ngô Vũ Bích Diễm - con gái thầy Ngô Đốc Kh. - người Hà Nội, dạy Pháp văn tại trường Đồng Khánh và trường Quốc Học Huế. Bích Diễm giống bố, người dong dỏng cao, nét mặt thanh tú, bước đi thong thả nhẹ nhàng. Con người của Diễm rất hợp với cái tên Diễm và cũng thích hợp với tâm hồn bén nhạy của Trịnh Công Sơn. Anh yêu Diễm mê mệt. Những ngày không thấy Diễm đi qua anh đau khổ vô cùng.

1. Nhà số 11/3 Nguyễn Trường Tộ, hiện nay là nhà của anh chị Hoàng Phủ Ngọc Tường - Lâm Thị Mỹ Dạ. Có thời gia đình anh Tường chị Dạ đi Hà Nội và TP HCM, gia đình Nguyễn Đắc Xuân ở tại đó hơn một năm (1978 - 1979).

Anh trông thấy con đường trước nhà *"dài hun hút cho mắt thêm sâu"* (Diễm Xưa). Nhưng anh cũng biết gặp Diễm để nói lên nỗi đau ấy không phải là chuyện dễ. Thầy Ngô Đốc Kh. - thân sinh của Diễm, là một ông giáo rất nghiêm. Ông không thể chấp nhận một anh chàng chưa có bằng Đại học, tóc dài, cằm lún phún râu chuyện trò với các cô con gái đài các của ông. May sao lúc ấy họa sĩ Đinh Cường thuê nhà ở gần nhà Diễm để làm xưởng vẽ. Hai bạn canh chừng những khi thầy giáo có giờ dạy mà Diễm đang ngồi ở nhà học bài thì hai bạn liền "liều" mình qua thăm. Những lần liều đầy mình ấy, có khi Diễm tiếp, có khi Diễm để cho người nhà tiếp và cũng có khi đang có bố ở nhà Diễm tránh để cho khách ngồi chơi xơi nước rồi tự ý ra về. Khác với Ph.Th.. Diễm biết Trịnh Công Sơn yêu mình và trái tim cô nhiều khi cũng rung động. Nhưng lúc ấy Diễm không thể vượt qua được sự nghiêm khắc của gia đình để nói cho tác giả *Ướt Mi* biết điều đó. Trịnh Công Sơn trút hết nỗi lòng yêu Diễm vào bài *Diễm Xưa* như sau này Sơn đã kể lại nhiều lần. Có một điều lúc ấy Sơn không để ý: Những lúc Trịnh Công Sơn đến nhà Diễm, thì Dao Ánh - em gái của Diễm còn là một cô bé, nhỏ hơn Diễm đến bốn năm tuổi, chạy loăng quăng theo chị. Không ngờ chỉ mấy năm sau Dao Ánh trở thành một thiếu nữ xinh đẹp với khuôn mặt bầu bĩnh, dễ thương khác thường. Với cái cầu đã bắc từ hồi yêu Bích Diễm, nay Bích Diễm đã vào học Đại học ở Sài Gòn, tâm hồn của Sơn qua cây cầu cũ, nói như Đinh Cường *"Sơn lại da diết với cái dáng vẻ khoan thai, áo lụa vàng* của *Dao A. để rồi thất vọng, để rồi..."*. Khác với những lần yêu trước,

thất vọng về Dao Ánh. Trịnh Công Sơn không bắt nhạc của anh phải mang cái gánh thất tình của anh. Không ngờ hai mươi năm sau, trải qua bao nhiêu dâu bể, từ bên Mỹ, Dao Ánh trở về Việt Nam tìm Trịnh Công Sơn. Không rõ Dao Ánh đã nói gì với Sơn, và còn gì nữa không, mà anh đã rất hài lòng với thực tại *"Hai mươi năm xin trả nợ dài, Trả nợ một đời em đã phụ tôi"* (Xin Trả Nợ Người). Trong hai mươi năm ấy, Dao Ánh đã có gia đình, đã hiểu rõ cuộc đời, nên "hết phụ" tình Trịnh Công Sơn. Như Đinh Cường đã viết: *"Tháng cuối cùng trước khi Sơn mất, Dao A. về thăm, suốt tuần sáng nào A. cũng đến ngồi trên chiếc xe lăn của Sơn, chỉ còn biết nhìn Sơn, cho đến chiều tối mới về nhà"*. Trịnh Công Sơn yêu Dao Ánh phải trải qua hai mươi năm mới "nhận" được lời đáp. Tuy đã quá muộn, nhưng trên cõi đời này có mấy ai được yêu và được nhận có một khoảng cách dài lâu đến thế đâu!

3. "Coi như phút đó tình cờ"

Gặp người đẹp Trịnh Công Sơn dễ yêu, mà không riêng gì Sơn, các bạn thân sơ của anh cũng đều như thế. Sơn không nề hà chuyện yêu một chiều, không sợ đau khổ vì tình phụ, đã yêu là yêu mãi, yêu hoài, yêu hết mình. Nhưng cũng có lúc anh "chán tình", vì cho rằng mình yêu nhầm. Ngày ấy, ở bên kia sông Thọ Lộc, đối bờ với nhà tôi, thuộc phường Vỹ Dạ, có cô nàng tên Nguyệt, rất đẹp. Trịnh Công Sơn đã yêu say đắm. Vô tình, trong lúc nói chuyện với Sơn, cô buột miệng khen một anh chàng nào đó đẹp trai "vì anh ấy lai Tây". Chỉ một chuyện vô

tình rất nhỏ, thế mà Trịnh Công Sơn cảm thấy bị xúc phạm, anh không thể hiểu nổi một người mình yêu mà lại có một quan niệm thẩm mỹ "lệch lạc" đến như thế. Tất cả những yêu thương Nguyệt trong lòng anh bỗng nhạt nhòa hết. Anh viết bài *Nguyệt ca*. Anh ca ngợi cô nàng Nguyệt hết lời khi *"trăng là Nguyệt"*. Nhưng khi anh phát hiện ra: *"Từ trăng thôi là Nguyệt"*, Nguyệt không phải là người anh mơ ước, anh xem chuyện anh yêu Nguyệt "coi như phút đó tình cờ" và về sau anh không nhắc đến Nguyệt nữa. Tuy nhiên đối với tôi và nhiều bạn bè của anh, mong sao Sơn có nhiều dịp yêu "tình cờ" như thế để anh có thêm nhiều Nguyệt ca nữa.

Trịnh Công Sơn yêu rất nhiều, về sau có thêm Bích Kh. (như tôi đã viết nhiều lần), có Chu Nguyệt Ng., có Michiko, có Hồng Nhung... nhưng định mệnh vẫn cứ bắt anh phải đứng trước cái ngưỡng của tình yêu. Nếu anh còn sống thêm và mười năm nữa, sẽ "còn ai nữa"... và cũng thế thôi. Nếu anh bước qua khỏi cái ngưỡng ấy thì chưa chắc anh đã có được cái địa vị "người sáng tác nhiều nhạc tình hay nhất thế kỷ". Tôi viết điều ấy với kinh nghiệm thực tế. Có một người làm thơ, bạn của Trịnh Công Sơn, cưới được một cô nàng hồi đi học ngồi cạnh Dao Ánh của Sơn, về sau "người ấy" không còn thơ nữa (Đó không phải là một trường hợp cá biệt). Trịnh Công Sơn bị "tình phụ", còn người ấy lại bị "thơ phụ".

Hơn sáu mươi năm nhìn lại cuộc đời, tôi xin tạ ơn những giai nhân đã làm "sáng giá" cho tuổi trẻ của chúng tôi. Vẻ đẹp của các cô là hành trang đẹp cho suốt cuộc đời

theo đuổi chân thiện mỹ của lứa tuổi tôi. Chúng tôi không những giữ hình ảnh các cô trong tâm hồn mà còn giữ được hình ảnh thực của người đẹp trong các tập Album. Cám ơn nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, cám ơn Trinh Cung, cám ơn Đinh Cường... nhờ tài năng của của các bạn mà những người đẹp trong tâm hồn, trong các tập Album của thế hệ chúng ta trở thành vĩnh cửu.

Ngô Kha - Trịnh Công Sơn từ tình bạn đến tình nước

Ở đâu, vào giai đoạn nào của cuộc đời, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn cũng có nhiều bạn. Bạn của Trịnh Công Sơn chịu ảnh hưởng của anh và ngược lại, anh cũng không thể không chịu ảnh hưởng của bạn anh. Không thể hiểu cặn kẽ cuộc đời sáng tác của Trịnh Công Sơn nếu không hiểu những người bạn tâm giao trong những hoàn cảnh đặc biệt của anh.

Sau sự kiện tết Mậu thân 1968, người ta không hiểu vì sao từ lập trường phản chiến chung chung trong *Ca Khúc Da Vàng* nhạc của Trịnh Công Sơn bỗng hào hùng dần lên và hướng đến kêu gọi giải phóng dân tộc qua các tập *Kinh Việt Nam, Ta Phải Thấy Mặt Trời*. Những người gần anh trong giai đoạn đó giải thích rằng: "Sở dĩ có sự thay đổi ấy vì Trịnh Công Sơn đã chịu ảnh hưởng từ cuộc sống và thơ văn của các bạn đang hoạt động yêu nước lúc ấy, đặc biệt là với Ngô Kha - người bạn và có thời cũng là em rể của anh".

Vậy Ngô Kha là ai? Ngô Kha đã ảnh hưởng đến Trịnh Công Sơn như thế nào?

1. Ngô Kha (1935) [1] xuất thân trong gia đình họ Ngô

---

1. Có sách viết Ngô Kha sinh ngày 2.3.1937

H17. Trịnh Công Sơn đệm đàn cho ca sĩ Hà Thanh hát một sáng tác mới của anh

Ảnh tài liệu do Đinh Cường sưu tập

H18. Ph. Th. nguồn cảm hứng cho "Nắng Thủy Tinh", "Gọi Tên Bốn Mùa"... bốn mươi năm trước

Ảnh kỷ niệm của chị NTS do NĐX sưu tập

H19. Bích Diễm của
"Diễm Xưa" ngày ấy

Ảnh kỷ niệm của
chị NTS do NDX sưu tập

H20. Ngô Vũ Dao Ánh
"thời đã bỏ ai"

Ảnh tài liệu do
NDX sưu tập

- một trong những họ khai canh của làng Thế Lại Thượng [2]. Anh đỗ đầu khóa Đại học Sư phạm Cấp tốc (1958 - 1959) môn Việt Văn nên được bổ về dạy trường Quốc Học Huế. Vừa đi dạy, anh vừa làm thơ, vừa ghi danh học Cử nhân Luật.

Năm 1961 Ngô Kha xuất bản tập thơ đầu tay *Hoa Cô Độc* do Nhà in Đại học ấn hành gồm 18 bài thơ tự do. Tác giả tự giới thiệu:

Tôi kẻ điên / thế kỷ này thác loạn
Người về đâu / xin mượn ánh gương soi
giữa cô đơn / chiếu rọi cuộc đời
tôi là bóng / bên ngoài áo ảnh
Thân bé nhỏ / giữa trời hoang dông bão
Sống lạc loài / phố thị xôn xao
muốn yêu đời chẳng có ngọt ngào
tình vốn đẹp nhân tình đắng xót
đau đớn mãi / tuổi đời vàng vọt
chết chóc nhiều / *bi lụy khóc than*
mảnh khăn tang chưa phải áo ngự hàn
làm ấm linh hồn độc ác.

(*Điên*, Tôi Không Còn Cô Độc. Huế 1961, tr.44)

Lúc ấy thơ Huế còn đang nặng phong cách thơ mới thời Tiền chiến, "Hoa Cô Độc" là một cái mốc chuyển hướng sang thơ hiện đại theo trường phái tự do của Thanh Tâm Tuyền - tác giả "Tôi Không Còn Cô Độc", của Nhóm

2. Thế Lại Thượng một làng cổ của Thành phố Huế, nay thuộc Phường Phú Hiệp Thành phố Huế

Sáng Tạo (Sài Gòn). Đầu những năm sáu mươi, triết học hiện sinh của J.P.Sartre, của Albert Camus bắt đầu làm quen với giới trí thức nhân văn Huế. Do đó trong đời sống thơ Ngô Kha cũng có một chút hơi hám "chán nản nhiều về cuộc đời", "thấy đời mình dài bằng cô độc". Nhưng khác với ý thức hiện sinh trong bạn bè anh (Trịnh Công Sơn, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Bửu Ý, Nguyễn Nguyên Phương...). Ngô Kha muốn phản kháng (révolter) lại cuộc đời bằng hành động. Anh chăm chỉ học Luật, qua năm 1962 anh lấy thêm được bằng Cử nhân Luật khoa. Trong năm này Trịnh Công Sơn vào học Sư phạm Quy Nhơn. Hai năm sau Trịnh Công Sơn ra trường Sư phạm thì Ngô Kha bị bắt vào học trường sĩ quan Thủ Đức. Năm 1965 Ngô Kha ra trường mang lon chuẩn úy, được người anh là tướng Ngô Du xin giữ lại làm Tùy viên báo chí tại Vùng I Chiến thuật của quân đội Cộng hòa, khỏi phải cầm súng ra trận. Trong những năm này, miền Trung liên tiếp diễn ra các cuộc đấu tranh ở đô thị, Ngô Kha làm tùy viên báo chí đóng góp với phong trào nhiều tin tức bí mật trong nội bộ Chính quyền Vùng I Chiến thuật. Ngô Kha đặt mối quan hệ với anh em Phong trào từ đó. Mùa hè năm 1966, miền Trung nổ ra cuộc đấu tranh chống Mỹ Thiệu Kỳ, Sinh viên Đại học Huế thành lập Đoàn Sinh Viên Quyết Tử, đi học quân sự để chuẩn bị tự vệ trước các cuộc đàn áp của Mỹ Thiệu Kỳ. Từ Bộ chỉ huy Vùng I Chiến thuật tại Đà Nẵng, Ngô Kha lái xe chạy ra Huế. Anh kêu gọi binh lính sĩ quan quân đội Cộng hòa đang nghỉ phép ở Huế hay vì một lý do nào đó

đang có mặt tại Huế tập hợp thành một chiến đoàn để chống lại quân đội dưới quyền của Thiệu Kỳ. Nhân có Trung úy Nguyễn Đại Thức nổ súng hắn tướng Huỳnh Văn Cao khi Cao đại diện cho Thiệu Kỳ đến Mang Cá (Bộ Chỉ huy Sư đoàn Một bộ Binh) bằng máy bay trực thăng, đạn của Thức không trúng mục tiêu, lính Mỹ trên trực thăng "phản kích" bắn Thức chết ngay tại chỗ, Ngô Kha liền lấy tên Nguyễn Đại Thức đặt cho chiến đoàn mới thành lập của anh. Cùng với Đoàn Sinh viên Quyết tử Huế. Chiến đoàn Nguyễn Đại Thức với khăn quàng đỏ, cổ màu tím Huế đã có một ảnh hưởng lớn đến phong trào vũ trang chống Mỹ Thiệu Kỳ của nhân dân "Trung nguyên trung phần" mùa hè năm 1966. Vào những ngày nửa tháng 6.1966, Thiệu Kỳ cho quân đổ bộ xuống Đà Nẵng rồi tiến ra phía bắc để đàn áp Phong trào đấu tranh ở Huế, Chiến đoàn Nguyễn Đại Thức đã chiến đấu rất anh dũng cầm chân quân đội Thiệu Kỳ tại chân đèo Hải Vân trong nhiều ngày để cho đồng bào Huế đủ thời gian chuẩn bị đối phó. Sau khi phong trào đấu tranh bị dìm trong biển máu, Ngô Kha bị bắt, một số bạn bè của anh thoát ly. Đáng lẽ Ngô Kha bị tử hình, may nhờ có sự can thiệp của tướng Ngô Du nên anh chỉ bị tù và bị đưa ra giam ngoài đảo Phú Quốc thôi. Mãn hạn tù về Huế, Ngô Kha trở lại dạy ở trường Quốc Học, trường Hàm Nghi và dạy thêm ở các trường tư thục Nguyễn Du, Hưng Đạo để có thêm ảnh hưởng trong giới trẻ. Thời gian này Ngô Kha chơi thân với Trịnh Công Sơn hơn trước và bắt đầu có ý định làm em rể Trịnh Công Sơn.

Năm 1969 Ngô Kha cho ra đời "Ngụ Ngôn Của Người Mất Trí" (Trường ca), cuối năm 1969, anh cho đăng trên tập san Đất Nước (số tháng 12/1969) "Trường Ca Hòa Bình". Năm 1970, Thiệu Kỳ thực hiện Chiến dịch Phượng Hoàng rất gay gắt. Trịnh Công Sơn, Thái Ngọc San, Bửu Ý... đi trốn lính ở Đà Lạt Lâm Đồng sợ bị bắt phải hạ sơn về Sài Gòn rồi ra Huế cùng với Ngô Kha, Lê Khắc Cầm, Chu Sơn, Trần Viết Ngạc... gây lại Phong trào đấu tranh bằng tờ Tự Quyết. Một thời gian tờ Tự Quyết bị tịch thu. Với sự đỡ đầu từ xa của Thành ủy Huế, phong trào đấu tranh thành lập Mặt trận Văn hóa Dân tộc miền Trung và bầu Ngô Kha làm Chủ tịch. Ngô Kha cho ra đời hai số tập san Mặt trận Văn hóa Dân tộc miền Trung (1972) rất bề thế.

Trong những năm này Ngô Kha tranh đấu rất hăng say. Vào lớp dạy học cũng như tham dự các cuộc hội thảo, hay những lần xuống đường mit-tinh, biểu tình đòi quyền tự quyết dân tộc, đòi hòa bình, hòa hợp dân tộc... Ngô Kha diễn thuyết, đọc thơ tranh đấu không biết mệt mỏi. Chính quyền Thiệu Kỳ dọa bắt anh hoài. Năm 1971, anh bị bắt thật, học sinh sinh viên đấu tranh buộc chính quyền phải thả anh ra. Ra khỏi tù anh lại đấu tranh. Đầu năm 1973, ký kết Hiệp định Paris, anh chưa kịp mừng đất nước hòa bình thì lại bị bắt. Phong trào sinh viên học sinh lại đấu tranh đòi thả anh, nhưng lần này kẻ thù đã đem anh đi mất tích. Mãi về sau bạn bè đồng chí của anh mới biết anh đã bị thủ tiêu vào khoảng năm 1973. Sau ngày đất nước hòa bình (1983), anh được truy tặng Liệt sĩ.

Năm 1991, đúng ba mươi năm sau ngày tập thơ đầu tiên của anh ra đời (1961 - 1991), Hội Văn học Nghệ thuật Thừa Thiên Huế và bạn bè của anh đã sưu tập thơ của anh in thành tập "Thơ Ngô Kha" gồm có "Hoa Cô Độc", "Ngụ Ngôn Của Người Mất Trí", "Trường Ca Hòa Bình". Trong "Thơ Ngô Kha" có Thay Lời Ngỏ của Hoàng Phủ Ngọc Tường, tranh phụ bản Chân dung Ngô Kha của Rừng, tranh Tưởng nhớ của Trịnh Công Sơn, và tranh Nơi yên nghỉ của nhà thơ của Trịnh Cung.

2. Như trên đã đề cập, trong thời gian trốn lính sau năm 1968, hầu như trong cuộc sống của Trịnh Công Sơn luôn có Ngô Kha. Mối quan hệ Trịnh Công Sơn và Ngô Kha trong thời gian này ở trên mức bạn bè và có ảnh hưởng lẫn nhau rất lớn. Chỉ cần đặt cạnh nhau tên những tác phẩm của Ngô Kha và Trịnh Công Sơn sáng tác trong thời kỳ ấy người ta có thể thấy ngay được điều đó:

Ngô Kha có *Ngụ Ngôn của người mất trí*
Trịnh Công Sơn có *Tình ca người mất trí*

Ngô Kha có *Trường ca Hòa Bình, Mai Có Hòa Bình*
Trịnh Công Sơn có *Trên cánh Đồng Hòa Bình*

Từ sau khi ra tập san Tự Quyết cho đến lúc thành lập Mặt trận Văn hóa Dân tộc miền Trung quan điểm chính trị của Ngô Kha thể hiện rõ trong mấy điểm:

a. Lên án cuộc chiến tranh do chính quyền Sài Gòn đang tiến hành. Năm 1971, người Mỹ thực hiện Việt Nam Hóa chiến tranh, thử đưa lính Cộng hòa lên Mặt trận Hạ Lào

(Lam Sơn 719) chết thay cho lính Mỹ. Khi đội quân Cộng Hòa rút khỏi mặt trận, Ngô Kha mở đầu bài thơ *Cho Những Người Nằm Xuống* rằng:

"Người về từ Kampuchia Khe Sanh hay Hạ Lào
mùa này gió đông bắc tây nam
ở bên này Trường Sơn
nắng đi buồn như ngọn nến gầy
bên kia Trường Sơn,
mưa dan dày quanh vùng chiến lược
có ở đồi Lao Bảo giờ đã cao bằng đầu người
nghe chiến trường anh em đổ nhiều máu
và nước mắt cũng rưới thật nhiều ở hậu phương
dưới túp lều người mẹ xanh xao đón gió nồm
nghe nói ngoài công viên trồng thật nhiều phượng
để thay thế những cây nêu buổi đầu xuân
dư luận từ mặt trận Khe Sanh đưa về
người chỉ huy thiết giáp tiền phương
chống lệnh đổ quân xuống vùng tử địa"

(*Trường Ca Hòa Bình*, Thơ Ngô Kha, HVHNT TTH, Huế 1991, tr.97)

b. Đấu tranh cho hòa bình: Ngô Kha quan niệm không phải "chắp tay nguyện cầu" cho "bồ câu trắng hiện" (hòa bình) mà phải "chống lệnh" hành quân như người chỉ huy thiết giáp nêu trên. Anh kêu gọi sinh viên học sinh bãi khóa xuống đường:

"Hãy vùng dậy / phá ngục tù bom đạn
hãy hiên ngang / xóa bỏ căm thù

hãy cùng ta / chấm dứt cảnh máu xương"

(*Trường Ca Hòa Bình*, Sđd. tr.67)

Xóa bỏ hận thù, tạo điều kiện cho hòa hợp dân tộc:

"Con đã thấy một ngày trọng đại,
trên mặt người thù hận cũng chìm sâu"

(*Trường Ca Hòa Bình*, Sđd, tr. 66)

Để đạt mục đích cuối cùng là thống nhất đất nước:

"Ta đồng hành tiến bước
ca lên bài Việt Nam thống nhất"
... "Ta đi từ Nam Quan đến Cà Mau
từ Cửu Long, Hương Giang ra tới Hồng Hà
Phú Quốc, Côn Lôn, Ba Vì, Côn Đảo
Từ Huế, Sài Gòn ra Thái Bình, Hà Nội
ta cất lời vang dưới bầu trời".

(*Trường Ca Hòa Bình*, Sđd. tr. 67)

Trong thi ca Ngô Kha viết hình tượng bóng bẩy như thế. Nhưng khi viết chính luận trong Tự Quyết số 1 (8.1970), không còn giấu giếm gì nữa, anh nói thẳng:

"... Hơn bao giờ hết, quyền dân tộc tự quyết của nhân dân Việt Nam phải được tôn trọng. Ngoại bang phải ngưng nhúng tay xen vào nội bộ Việt Nam.

Hỡi những người con yêu dấu của đất nước Việt Nam, chúng ta không những chỉ kêu gọi mà chúng ta còn cần phải đấu tranh triệt để để quyền tự quyết thiêng liêng của dân tộc đau khổ của chúng ta được thực hiện.

Chân lý dân tộc sáng tỏ như ban ngày, rõ ràng minh bạch, đích xác như hai với hai là bốn. Chân lý đó là sức mạnh, một sức mạnh có sức vô địch ghê gớm, vì nó là SỰ THẬT, là CHÍNH NGHĨA..."

Quan điểm chính trị của Ngô Kha đã ảnh hưởng đến Trịnh Công Sơn. Xem các tập "Kinh Việt Nam", "Ta Phải Thấy Mặt Trời" có rất nhiều ca từ mang âm hưởng hào hùng của thơ Ngô Kha vừa nêu trên. Quan điểm chính trị của Trịnh Công Sơn đến đây không còn "trung lập" chung chung nữa mà đứng hẳn về phía dân tộc. Phụ khúc cho Tình ca người mất trí, Trịnh Công Sơn lên án Mỹ thả bom miền Bắc sát hại người Việt Nam:

"Tôi mất trong chiến tranh này
Bao nhiêu, bao nhiêu người tình
Người tình của tôi lớn lên
Từ ngày miền Bắc dấu bom"

(Theo hồi ức của Dương Đình Vinh)

Thay vì kêu khóc, dày xéo với nỗi bất lực trước cuộc chiến, Trịnh Công Sơn kêu gọi đấu tranh cách mạng:

"Còn sống xin các anh quyết còn cách mạng,
Đời ta ta lo / Xin xếp vũ khí
Bàn tay không tiến lên
Đã qua bao năm hy sinh thịt xương
Nay ta quyết phải sống
Toàn nước chiến đấu

Ta bền vững một *lòng với nhau"*

(Trinh Công Sơn, *Ta Phải Thấy Mặt Trời*, Nhân Bản 1969, tr. 12)

hoặc:

"Chính chúng ta hãi nói hòa bình
khi im người rực lửa cầu mong
Chính chúng ta phải có mọi quyền
Đứng lên đòi thống nhất quê hương"

(Trịnh Công Sơn *Chính Chúng Ta Phải Nói*,
Ta Phải Thấy Mặt Trời, Nhân Bản 1969, tr. 5)

Hưởng ứng cuộc đấu tranh đòi quyền tự quyết, đòi hòa bình của sinh viên học sinh Huế, lúc 8 giờ 40 phút ngày 9 tháng 5 năm 1971, Đại đức Thích Chơn Thể (tên thật là Nguyễn Vinh), tăng sĩ thuộc chùa Tường Vân (Huế) đã tự thiêu đòi hòa bình tại Quảng trường Quách Thị Trang (trước trường Hai Bà Trưng ngày nay). Trong thư của Đại Đức Thích Chơn Thể để lại nhờ gởi cho Tổng thống Mỹ và các nhà lãnh đạo Mỹ, có đoạn viết: "... *Dân tộc chúng tôi đã chết chóc quá* nhiều. *Máu dân Việt đã chảy thành sông, xương dân Việt đã chất thành núi. Vậy trước giờ chết của tôi, tôi kêu gọi các ngài: 1. Rút quân ra khỏi Việt Nam; 2. Trả lại quyền tự do cho dân Việt tự lo liệu để sớm hòa bình thống nhất đất nước. Vậy hôm nay tôi đốt thân này để kêu gọi hòa bình thật sự do người Việt Nam lo liệu lấy, cùng yêu cầu nhân dân và đồng bào Mỹ hãy kêu gọi chồng, con trở về xứ sở...*"

(Trích thư đề ngày 9.5.1971 của Đại Đức Thích Chơn Thể
gởi Tổng thống Mỹ và các nhà lãnh đạo Mỹ)

Cùng với ngọn lửa Thích Chơn Thể, hai vạn đồng bào và sinh viên học sinh Huế xuống đường đấu tranh đòi hòa bình, lên án cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Trong đoàn người xuống đường đó có đôi bạn Ngô Kha - Trịnh Công Sơn. Từ đó, mỗi lần đi ngang qua trường Đồng Khánh (cũ) Trịnh Công Sơn lại nhớ đến ngọn lửa Thích Chơn Thể. Trịnh Công Sơn đã viết một bài nhạc về Ngọn lửa Thích Chơn Thể để góp thêm lửa cho Phong trào tranh đấu cho hòa bình độc lập. Bài Ngọn Lửa Thích Chơn Thể chưa được in, nhưng có nhiều người từng tham gia phong trào lúc ấy còn thuộc và vẫn hát một cách say sưa. Họa sĩ Dương Đình Vinh đã hát cho tôi nghe và tôi xin ghi lại ca từ bài hát ấy sau đây:

Ngọn Lửa Thích Chơn Thể

"Chiều nay qua công viên nơi anh ngồi
Cỏ hôm nay đã xanh tươi
Chiều nay qua công viên tôi đứng lại
Nhớ anh buổi sáng lửa ngời
Trên công viên chiều nay
Đèn thôi giăng và cờ thôi bay
Nhưng sao trong tim tôi vẫn tràn đầy
Bóng dáng người ngồi
Ô hay người về
Ô hay người đã về
Hiện về thân chim câu
Cỏ mừng bay lao xao

Về đậu trong tim đồng bào
Rồi đây trên quê hương đã vắng người
Lửa vẫn còn cháy quanh đây
Lửa thiêng nơi quê hương không biết mỏi
Đấu tranh dựng nước từng ngày.

Đấu tranh cho hòa bình, cho quyền tự quyết của dân tộc là một việc chính đáng, là chân lý - nói như Ngô Kha là *"sức mạnh, một sức mạnh có sức vô địch ghê gớm, vì nó là SỰ THẬT, là CHÍNH NGHĨA..."*. Trịnh Công Sơn tin vào chính nghĩa, tin chính nghĩa sẽ chiến thắng. Có lúc anh nghĩ chiến thắng đó sắp đến, anh hé cho biết:

"Nơi đây tôi chờ / Nơi kia anh chờ
Trong căn nhà nhỏ / Mẹ cũng ngồi chờ
Anh lính ngồi chờ trên đồi hoang vu
Người tù ngồi chờ / Bóng tối mịt mù.
... Chờ tin mừng sông chờ núi cũng chờ mong
Chờ trên vừng tráng mẹ thắp lên bình minh
Chờ khô nước mắt / Chờ đá reo ca
Chờ áo cơm nuôi cho những trẻ con không nhà
Chờ ngày Việt Nam thống nhất
cho những tình thương vỡ bờ"

(Trịnh Công Sơn, *Chờ Nhìn Quê Hương Sáng Chói*, Kinh Việt Nam, Nhân Bản, 1968, tr. 6-7)

Vì quá khao khát, quá đợi chờ nên có lúc anh đã tưởng tượng ngày ấy đã tới. Anh sảng khoái hát vang trong niềm hạnh phúc:

"Ta đã thấy gì trong đêm nay?
Cờ bay trăm ngọn cờ bay
Rừng núi loan tin đến mọi miền
Gió hòa bình bay về muôn hướng
Ngày vui con nước trôi nhanh
Nhịp sống bao la xóa bỏ hận thù"

(Trịnh Công Sơn, *Ta Đã Thấy Gì Đêm Nay*,
Kinh Việt Nam, Nhân Bản 1968, tr. 16)

Và, dân tộc Việt Nam thực hiện việc đoàn kết, thống nhất:

"Rừng núi giang tay nối (...) lại (...) biển xa
Ta đi vòng tay lớn mãi để nối sơn hà..."

(Trịnh Công Sơn, *Nối Vòng Tay Lớn*, Kinh Việt Nam, tr. 29)

"Từ Trung Nam Bắc / Chờ mong nung đốt
Những bó đuốc reo vui tự do
Đường đi đến những nơi lao tù
ngày mai sẽ xây trường hay họp chợ
Dân ta về cày bừa đủ áo cơm no"

(Trịnh Công Sơn, *Huế - Sài Gòn - Hà Nội*
Ta Phải Thấy Mặt Trời, Nhân Bản 1969, tr. 14)

Hết bi quan với "Ca Khúc Da Vàng", Trịnh Công Sơn lạc quan với "Kinh Việt Nam", "Ta Phải Thấy mặt Trời". Dự phóng đất nước hòa bình thống nhất, Ngô Kha và Trịnh Công Sơn đã đặt ra hơi sớm, ít nhất là trên 5 năm. Ngô Kha phải trả giá cho dự phóng sớm ấy bằng chính sinh mạng của mình. Ngô Kha bị thủ tiêu là một sự đau đớn, mất mát

lớn đối với Trịnh Công Sơn. Bởi thế nhiều lần Trịnh Công Sơn tâm sự: *"Mỗi lần mình cảm thấy hạnh phúc sống trong hòa bình độc lập thì mình lại tiếc cho Ngô Kha quá!"* Các anh đã đấu tranh rồi chờ đợi ngày hòa bình thống nhất cả năm sáu năm trước năm 1975. Cho nên không phải vô cớ mà ngay sau phút Tướng Dương Văn Minh đầu hàng vô điều kiện để cho Việt Nam thống nhất mà ít tốn thêm máu xương, Trịnh Công Sơn đã có mặt ở đài phát thanh Sài Gòn để cùng bạn bè yêu nước hát bài Nối Vòng Tay Lớn, Huế - Sài Gòn - Hà Nội mà anh đã soạn và hát cho đồng bào nghe từ nhiều năm trước. Và, nếu không nghiên cứu kỹ tình bạn giữa Ngô Kha và Trịnh Công Sơn với sự chuyển hiến tư tưởng tích cực của Trịnh Công Sơn từ cuối năm 1968 thì không thể giải thích được sự phấn đấu vượt qua chính mình để đi vào thực tế cách mạng sau tháng 5.1975. Sự thành công của Trịnh Công Sơn có phần đóng góp hết sức tế nhị của Ngô Kha.

H121. Thầy giáo, nhà thơ, chiến sĩ cách mạng Ngô Kha (1935-1973) người bạn tâm giao của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn

Ảnh tư liệu do NDX sưu tập

H122. Nhân lễ huy kỳ cụ Phan Bội Châu (1971), thầy giáo - nhà thơ tranh đấu Ngô Kha đọc diễn văn kêu gọi tuổi trẻ noi gương Cụ Phan vùng lên đấu tranh cho quyền tự quyết của dân tộc.

Ảnh tư liệu của NDX

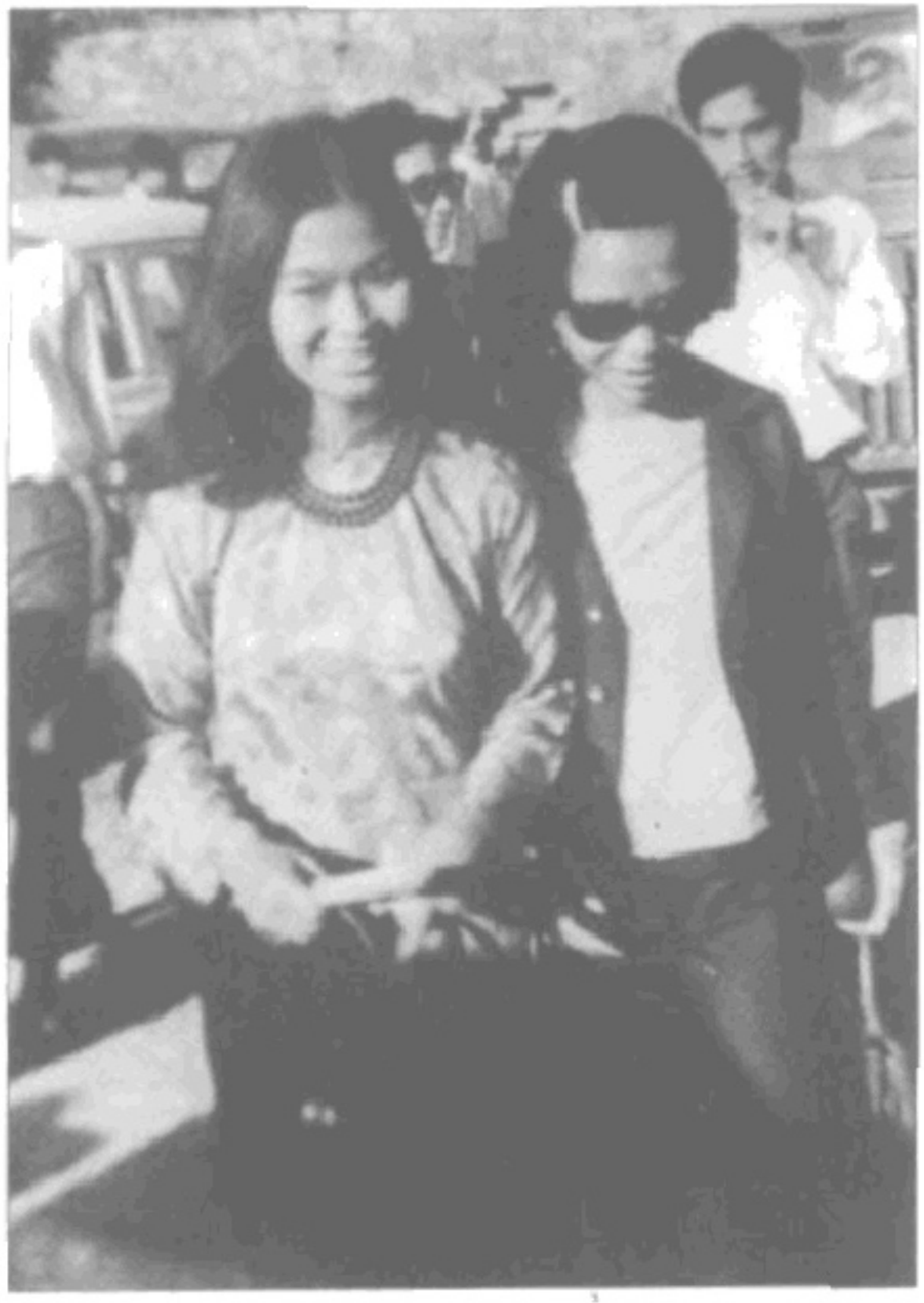

H23 và 24. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn nhà thơ Ngô Kha, ca sĩ Khánh Ly và các cô nhà họ Trịnh đến tham dự một buổi độc tấu tại Trường Quốc Gia Âm Nhạc Huế (1968).

Ảnh tư liệu của Lê Gia Phàm

H25. Trịnh Công Sơn hát
"Kinh Việt Nam" (1971)

Ảnh tư liệu của Phan Văn Bình

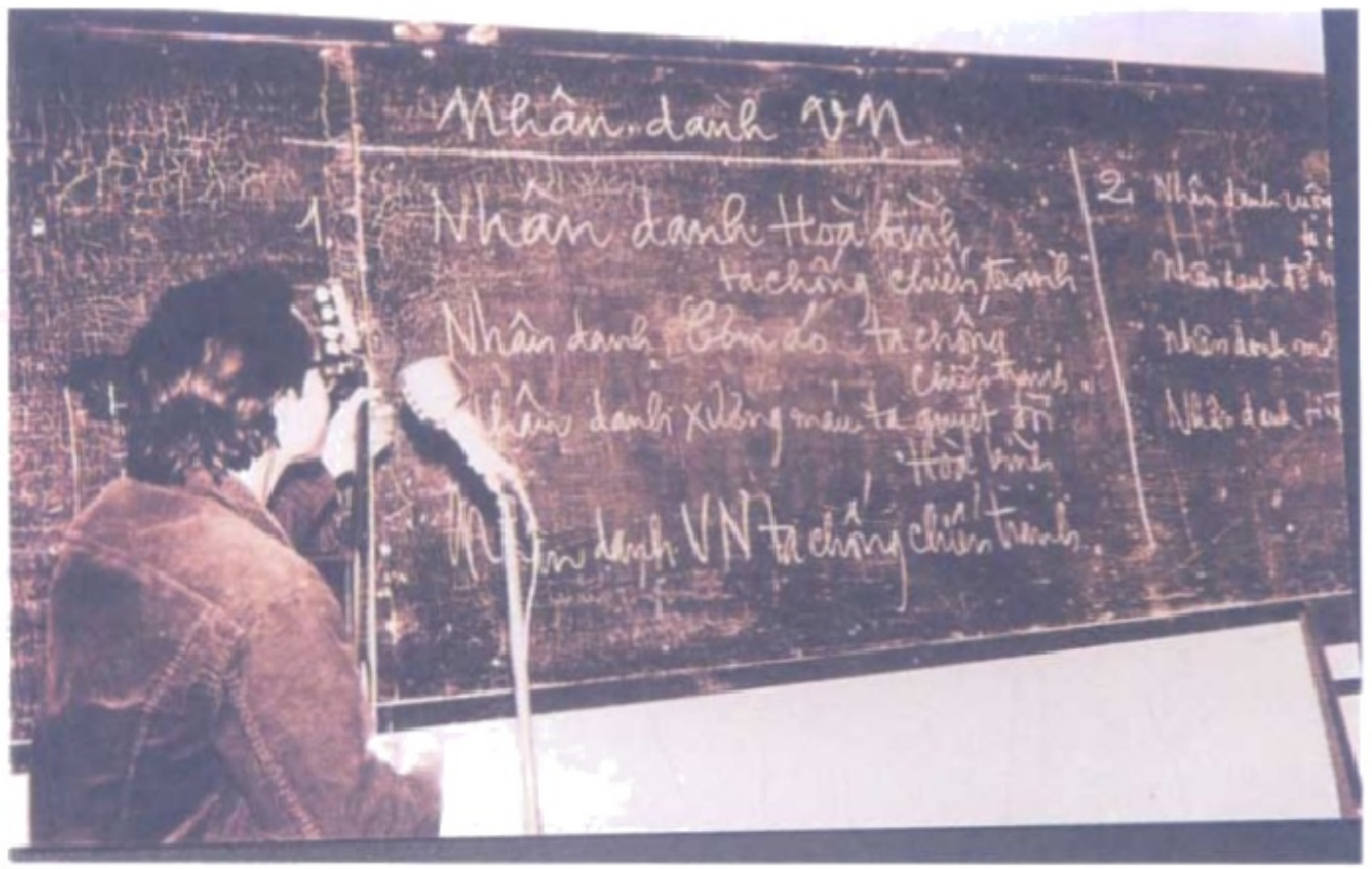

H26. Trịnh Công Sơn tập cho sinh viên Huế
hát một ca khúc đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc.

Ảnh của Lê Văn Lợi, công bố lần đầu

Phần thứ hai

Hồi ức và Bình luận

Tâm tình một người nghiên cứu Huế với thiên tài âm nhạc Trịnh Công Sơn

Trịnh Công Sơn là một thiên tài âm nhạc, một nhân vật văn hóa lớn của Việt Nam thế kỷ XX. Cuộc đời anh thuộc về Lịch sử dân tộc, không của riêng ai. Lịch sử thì rất cứng đầu, những gì không thực thì không bao giờ tồn tại. Chỉ có một vấn đề những người yêu mến anh suy tính là : "Chuyện gì đó liên quan đến anh hôm nay dã nên viết ra hay chưa ? Nếu viết ra chưa tiện thì hãy để đó chứ không nên viết khác". Bởi vì viết khác là làm nhiễu thông tin, sẽ có người cải chính đâm ra phiền. Viết khác có nghĩa là cố tình viết sai sự thực để minh họa cho một ý tưởng cá nhân nào đó khác với chuyện muốn viết sự thực nhưng do trình độ, do thiếu thông tin nên viết chưa tới. Những gì viết chưa tới mà được người biết chuyện giúp thông tin để viết cho tới thì quý hóa vô cùng. Nên hoan nghinh.

Từ sau ngày nhạc sĩ Trịnh Công Sơn "trở về với cát bụi" (4.2001), có một số phương tiện truyền thông trong và ngoài nước đưa nhiều tin tức liên quan đến thời gian nhạc sĩ Trịnh Công Sơn công tác tại quê nhà Thừa Thiên Huế sau ngày thống nhất đất nước (30.4.1975), không đúng với sự thực. Sự "không đúng" ấy dễ gây ra nhiều ngộ nhận đáng tiếc. Ngộ

nhận ngay cả với một số người thân nhất của Sơn. Tôi không có đủ thời gian và phương tiện để kể ra đây hết những thông tin sai sự thực và những ngộ nhận đáng tiếc đã xảy ra. Trong hoàn cảnh công tác của mình lúc ấy và mối quan hệ bạn bè với nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, tôi chỉ có thể kể một số chuyện để góp phần "nói lại cho rõ" những thông tin sai sự thực mà nhiều người muốn biết.

1. Chuyện bắt đầu từ Hà Nội

Tháng 5 năm 1975, đi chữa bệnh ở nước ngoài về, trước khi trở lại Huế tôi và một số anh em sinh viên học sinh đã tham gia các Phong trào đấu tranh ở các đô thị miền Nam, được đến thăm nhà thơ Tố Hữu tại nhà riêng của ông trên đường Phan Đình Phùng. Ông Tố Hữu biết tôi có quan hệ bạn bè với các nhạc sĩ Phạm Duy, Trịnh Công Sơn nên đã dặn tôi:

-" Em vào Sài Gòn nói với các anh Phạm Duy, Trịnh Công Sơn hãy cứ ở đó chú dùng đi đâu cả. Đất nước thống nhất rồi, nói với anh Phạm Duy tiếp tục sáng tác đi. Lấy khúc đầu (kháng chiến) nối với khúc đuôi (hòa bình), để khúc giữa qua một bên !"[1]

Giữa tháng 5.1975 tôi vào Huế rồi đi Đà Lạt thăm mẹ tôi. Nhân thể tôi ghé vào Sài Gòn thì được biết anh Phạm Duy đã đi rồi, còn anh Trịnh Công Sơn thì đã tham gia công tác với "anh em Phong trào" Sài Gòn ngay khi chính quyền

(1) Sau này được anh Chế Lan Viên cho biết: Gặp Giáo sư Trần Văn Khê, ông Tố Hữu cũng dặn như thế. (Xem Hồi ký *Lời rụng về cội* của Chế Lan Viên, T/c *Sông Hương* số 21/ tháng 9 và 10/1986, tr. 5)

Sài Gòn vừa đầu hàng quân đội Giải phóng. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn vô tình đã thực hiện đúng với sự mong muốn của ông Tố Hữu. Tuy nhiên, qua những bạn bè vừa đi chữa bệnh ở miền Bắc vàocho biết : "Đối với lãnh đạo thì không có vấn đề gì, nhưng có nhiều "anh em Phong trào" ở Sài Gòn không thích quan điểm lập trường chung chung của Trịnh Công Sơn trước đây". Trước khi đi thoát ly kháng chiến, tôi xuất thân trong Phong trào Phật giáo nên quan điểm lập trường của tôi cũng chung chung thế thôi. Sau khi đi kháng chiến dụng đầu với địch, nếu không dứt khoát chuyện địch ta thì khó có thể thắng được đối phương hùng mạnh nhu thế nên tôi phải thay đổi. Với kinh nghiệm bản thân, tôi hiểu hoàn cảnh của Trịnh Công Sơn. Khi có điều kiện đi vào thực tế, tôi tin là Trịnh Công Sơn sẽ tự xác định được chỗ đứng của mình. Cho dù "nhận thức cách mạng" của tôi và Trịnh Công Sơn lúc ấy có một độ chênh như thế, trong ý nghĩ của tôi vẫn không có bất cứ một sự phân biệt nào đối với Sơn.

2. "Công" nhiều hơn "tội" (nếu có).

Trước ngày thống nhất đất nước nhiều sinh viên Huế bị đánh bật khỏi Huế, hoặc bị địch bắt đưa vào giam ở các tỉnh phía Nam hoặc bị đưa ra đảo cầm tù. Sau ngày giải phóng, những người có trách nhiệm vì Phong trào sinh viên học sinh Huế đánh điện mời anh em về Huế. Hai người về trước là họa sĩ Bửu Chỉ và sinh viên Luật Nguyễn Duy Hiền. Có lẽ do tác động của anh Nguyễn Khoa Điềm (Phó ban Tuyên giáo Thành ủy Huế) và Hoàng Phủ Ngọc Tường (Trưởng ty Thông tin Văn hóa Quảng Trị vừa về công tác ở Huế) nhạc sĩ Trịnh

Công Sơn cũng được mời về Huế để lập Hội Văn nghệ Thừa Thiên Huế. Như thế Trịnh Công Sơn thoát được cái "không khí nghi kỵ" ở Sài Gòn thời gian sau tháng 5.1975.

Rồi một hôm... đi ngang qua trường Đại học Sư phạm, tôi thấy mặt trước trường treo một tấm banderole to tướng mang dòng chữ xanh rờn: "Hạ bệ Phạm Duy-Hoàng Thi Thơ và Trịnh Công Sơn". Tôi hơi bất ngờ nhưng rồi tôi cũng hiểu được. Tôi nghĩ ngay đến mối quan hệ giữa một số anh em Phong trào ở Đại học Sư phạm với những người mà sau này gọi là "các ông Ba mươi" ở Sài Gòn. Tôi hiểu được chuyện quá khích đó một phần nhỏ vào những hiểu biết Phong trào Vệ binh đỏ của Trung Quốc mà tôi đã thu thập được trong thời gian nằm chữa bệnh ở Quế Lâm. Khẩu hiệu tranh đấu treo lên thì rất dễ nhưng lấy xuống thì cả một vấn đề. Tôi cũng như nhiều người bạn yêu quý Trịnh Công Sơn thấy việc sinh viên Đại học Sư phạm Huế đặt thái độ chính trị của Trịnh Công Sơn ngang với Phạm Duy và Hoàng Thi Thơ là không đúng với thực tế nhưng không ai dám lên tiếng bảo vệ. Bản thân tôi tuy là Đảng viên nhưng lý lịch quan hệ lung tung, nếu phát biểu "ngoài luồng" là bị qui là "xét lại" ngay. Vì thế có nhiều người đến Hội Văn nghệ than phiền với tôi về tấm banderole nêu trên, tôi vẫn ngậm câm. Trịnh Công Sơn rất buồn, không ngờ anh về quê hương lại bị giội một gáo nước lạnh như thế.

Một buổi tối tôi được mời tọa đàm tại Hội Văn Nghệ để trả lời câu hỏi "Trịnh Công Sơn có công hay có tội ?" Cuộc

tọa đàm hôm ấy tôi còn nhớ rõ có Lê Khắc Cẩm (đại diện cho cơ sở trí thức ở Huế), Trần Viết Ngạc (Phụ trách giáo dục) Trần Hoàn (Trưởng ty TTVH), Thanh Hội, Tô Nhuận Vỹ, Nguyễn Khoa Điềm, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Đắc Xuân (các cây bút chủ chốt của Hội Văn Nghệ vừa ở chiến khu về), và một vài người nữa tôi không còn nhớ tên... Tôi không nhớ những ai đã phát biểu lên án và những ai đã bảo vệ cho nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Tôi chỉ nhớ anh em đề cập đến "tội" của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn là anh đã làm nhạc phản chiến một cách chung chung, không phân biệt được chiến tranh xâm lược và chiến tranh giải phóng dân tộc (bài "Gia Tài Của Mẹ" với câu *Hai mươi năm nội chiến từng ngày*), thậm chí anh còn làm nhạc ca ngợi địch (bài "*Cho Một Người Nằm Xuống* thương tiếc Đại tá không quân Sài Gòn Lưu Kim Cương tử trận)... Nhiều người phát biểu biện hộ cho Trịnh Công Sơn: "Đúng là Trịnh Công Sơn đã làm nhiều bản nhạc phản chiến, anh được mệnh danh là người làm nhạc phản chiến số 1 thời ấy giống như Bob Dylan, Joan Baez ở bên Mỹ. Trịnh Công Sơn là một nhạc sĩ tự do, anh theo đuổi chủ nghĩa nhân bản chung chung khác chúng ta. Nhưng anh làm nhạc trong vùng tạm chiếm, người nghe nhạc phản chiến của anh là lính Cộng hòa. Rất nhiều lính của Thiệu đã bỏ ngũ vì nghe bản nhạc *Người con gái da vàng* của anh. Chẳng có người lính cách mạng nào bỏ ngũ vì nghe nhạc của Trịnh Công Sơn cả. Cũng như ngày xưa bên Trung Quốc, Trương Lương thổi sáo đâu phải để cho quân mình buông kiếm ! Đâu phải tự dưng chính quyền Thiệu ra lệnh tịch thu những bài hát

của Sơn". Để minh họa cho ý tưởng đó, một anh nào đó (hình như anh Trần Viết Ngạc hay anh Lê Khắc Cẩm gì đó tôi không nhớ) lấy trong cặp ra một xấp báo Sài Gòn xuất bản trước tháng 5.1975 có đăng lệnh của Thiệu cấm phổ biến nhạc Trịnh Công Sơn, lệnh cấm mang số 33 ngày 8.2.1969. Xấp tư liệu có sức thuyết phục lớn đối với những người tham dự tọa đàm. Trong không khí dễ cảm thông đó, hình như anh Hoàng Phủ Ngọc Tường đã kể: "Hồi ở trên rừng khi nghe Trịnh Công Sơn sáng tác bài *Cho một người nằm xuống* thương tiếc Đại tá không quân Sài Gòn Lưu Kim Cương tôi rất tiếc cho Sơn. Sau này được biết, trong những năm tháng Sơn trốn lính căng thẳng, Lưu Kim Cương đã tận tình che chở cho Sơn, chính vì cái ơn ấy mà Sơn đã Viết bài ấy. Ta nên thông cảm cho hoàn cảnh đặc biệt của một người nghệ sĩ". Kể "tội" xong, anh em nói đến "công" của Sơn. Trịnh Công Sơn đã cùng với Ngô Kha làm báo Tự Quyết, Mặt Trận Văn Hóa Dân Tộc Miền Trung - do cơ sở của Thành ủy Huế tổ chức. Sơn sáng tác nhiều bài nhạc kêu gọi hòa bình hòa hợp dân tộc thống nhất đất nước theo chủ trương của Mặt trận Giải phóng như các bài *Huế - Sài Gòn - Hà Nội, Nối Vòng Tay Lớn, Ngọn Lửa Thích Chơn Thể*... Những bài nhạc này có ảnh hưởng tốt đối với các phong trào đấu tranh yêu nước ở các đô thị miền Nam trước ngày đất nước thống nhất.

Kết luận của cuộc tọa đàm là nhạc sĩ Trịnh Công Sơn lúc chưa có hoàn cảnh quan hệ với Cách mạng thì có một quan điểm yêu nước chung chung. Sau khi quan hệ với cơ sở cách mạng (trong đó có Ngô Kha), quan điểm lập trường của

Trịnh Công Sơn trong giai đoạn cuối của cuộc đấu tranh yêu nước đứng hẳn về phía Cách mạng. Như thế "công" của Trịnh Công Sơn lớn hơn "tội" của anh (nếu có).

Sau cuộc tọa đàm tổ chức giao cho anh Hoàng Phủ Ngọc Tường - bạn thân của Trịnh Công Sơn, trao đổi với Trịnh Công Sơn viết tự nhận xét mình. Đây là một hình thức kiểm điểm cán bộ - một sinh hoạt thường xuyên của tổ chức cách mạng. Cho đến lúc ấy tôi và anh Hoàng Phủ Ngọc Tường đã tự kiểm điểm không biết bao nhiêu lần. Những bản kiểm điểm nói không đúng vấn đề thường bị viết lại. Chính vì thế mà có người muốn được thông qua để viết quá về những khuyết nhược điểm của mình để cho xong việc. Với kinh nghiệm ấy anh Tường đã khuyên Trịnh Công Sơn nên làm lẹ đi. Trịnh Công Sơn chưa quen lối sinh hoạt này cho nên có ý trách anh Tường "đã ép Trịnh Công Sơn". Về sau có người khai thác chuyện này gây cho quần chúng yêu mến Trịnh Công Sơn ở trong nước và ngoài nước suốt một thời gian dài hiểu lầm anh Tường đến nỗi những người hiểu anh Tường phải đứng ra "làm chứng" cho anh Tường mới dập tắt được sự hiểu lầm ấy.

Tôi không nhớ tấm banderole treo trước Đại học Sư phạm được lấy xuống trước hay sau khi có cuộc tọa đàm "Trịnh Công Sơn có công hay có tội". Nhưng dù sao hai sự kiện ấy cũng có quan hệ với nhau. Nhờ sự đánh giá của cuộc tọa đàm, dư luận trong các cơ quan tư tưởng chính trị (văn hóa văn nghệ) yên tâm về người nhạc sĩ đã có ảnh hưởng lớn trong quần chúng trước tháng 5.1975 ở miền Nam.

3. Trịnh Công Sơn cũng là một người viết ký hay.

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn được biên chế vào hội Văn Nghệ Thừa Thiên Huế. Được sống hòa đồng, được lĩnh mọi tiêu chuẩn về vật chất giống như anh em văn nghệ, với cán bộ kháng chiến, Trịnh Công Sơn rất vui. Đặc biệt những người ái mộ anh không còn e dè gì trước mọi người để đến chơi với anh ở gian nhà đầy kỷ niệm 11/3 Nguyễn Trường Tộ.

Trước và sau Tết Bính Thìn 1976 - cái tết giải phóng đầu tiên, thành phố Huế rộn ràng chuẩn bị "chiến dịch" truy quét văn hóa phẩm "dâm ô" và "phản động". Nhiều cuộc tọa đàm, hội họp thảo luận ráo riết về các nội dung "dâm ô" và "phản động". Những anh em trí thức ở Huế am hiểu văn học vùng tạm chiếm được mời tham luận hay phát biểu về hai nội dung trên. Trong sổ tay của tôi còn ghi một đoạn ghi chép sau đây:

"Họp tối 9.2.1976 tại Thành ủy Huế.

Chủ đề: Quét sạch xuất bản phẩm phản động và dâm ô.

Thành phần tham dự có 31 người, trong đó có Trần Hoàn (TTVH tỉnh TTH); Nguyễn Khoa Diềm, Nguyễn Đắc Xuân (Tuyên huấn Thành phố), Hoàng Phủ Ngọc Tường, Trịnh Công Sơn, Bửu Chỉ, Võ Quê, Tô Nhuận Vỹ, Lê Khắc Cẩm (Hội Văn Nghệ Tỉnh), Bửu Nam (Sinh viên Đại học), Nguyễn Văn Bổn (tức Tần Hoài Dạ Vũ, Trường học)...

Phát biểu của Trịnh Công Sơn: *"Văn hóa là nhu cầu của tinh thần, không thể xóa sạch được. Muốn xóa sạch phải có cái khác thay thế, còn không thì không thể xóa được. Phải*

"chống" và "xây dựng" song hành. Ta phải có Văn hóa của ta: Đó là một thứ Văn hóa "có thực"chứ không phải thứ Văn hóa "dựng đứng". Nói về những thứ ta chống phải nói như thế nào, nói không khéo lại mắc phải khuyết điểm tuyên truyền cho người ta tìm đọc. Văn hóa phẩm "đồi trụy" dễ xóa chứ nói "phản động" thì khó hơn. Địch sử dụng Tivi, Radio, sách báo... Ta chống thì cũng phải qua các cửa ngõ đó. Phải có kế hoạch và liên tục".

Hơn hai mươi sáu năm sau (1976-2002), đọc lại mấy dòng ghi chép ý kiến của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn trong cuốn sổ tay cũ, tôi hết sức thú vị. Nếu Trịnh Công Sơn không có một quan điểm chính trị đúng đắn, không có một trình độ Văn hóa cao, không có một tình cảm yêu cuộc sống mới chân thành, không có tự do tư tưởng, không tin mình, không dũng cảm thì làm sao anh có thể phát ra được những ý kiến chí lý đến như thế giữa một cuộc họp mang tính tư tưởng chính trị như thế ?

Sau tháng 5.1975, hơi nhạc của Trịnh Công Sơn chưa nhập được với nhịp điệu của cuộc sống mới nên nhạc mới của anh chưa hay. Nhiều người tiếc cho anh đã làm những bài ca ngợi lao động sản xuất như bài nói về một cô gái nông thôn: *"Gánh, gánh, gánh, gánh rau về chợ"*. Một người làm tình ca mang tính triết lý trừu tượng nổi tiếng làm sao mới đầu hôm sáng mai có thể chuyển mạch qua sáng tác theo "hiện thực xã hội chủ nghĩa" được ? Bản thân tôi cho đến lúc ấy đã trải qua hàng chục năm tranh đấu và kháng chiến mà cũng chưa có được một câu thơ nào ca ngợi sản xuất cả ! (Về sản xuất tôi

chỉ viết truyện và ký thôi). Cho nên lúc ấy nghe Trịnh Công Sơn trình bày những "sáng tác mới" phục vụ sản xuất của anh tôi vừa phục anh vừa quý anh. Phục là anh đã chịu khó dấn thân vào thực tế, viết phục vụ chính trị của đất nước vừa hòa bình độc lập. Chất nhạc vẫn là nhạc Trịnh Công Sơn, không lẫn vào đâu được, chỉ phần lời hơi thô thiển xa lạ với ca từ vốn có của anh thôi. Quý anh là một nhạc sĩ nổi tiếng nhu thế mà vẫn không tự kiêu tự mãn với quá khứ của mình mà chịu cùng anh em bạn bè dấn thân vào cuộc sống mới, sáng tác để góp một cái gì mừng đất nước hòa bình độc lập. Tôi không rõ các anh Văn Cao, Hoàng Cầm, Trần Dần, Phùng Quán... sau ngày tiếp quản Hà Nội (1955) có "chịu chơi" nhu Trịnh Công Sơn sau 5.1975 không ?

Trịnh Công Sơn biết "nhạc mới" của mình chưa hay, anh phục vụ Văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa bằng những bút ký. Sau mỗi lần đi thực tế ở Bình Trị Thiên, anh luôn có một ghi chép hay bút ký rất thú vị. Sau lần đi thực tế công trường xây dựng thủy lợi Nam Thạch Hãn anh có bút ký Nam Thạch Hãn *Những Ngày Đầu Tháng Ba* (Văn Nghệ BBT, số 9/năm 1978), đi chuyến tàu thống nhất đầu tiên anh có ghi chép và cả một bài nhạc nữa. Có lẽ đây là một bài viết không thể thiếu trong Lịch sử phục hồi đường sắt sau ngày nước nhà thống nhất. Trịnh Công Sơn đã tham dự Trại sáng tác Cồn Hến[2]. Dự trại sáng tác mà Trịnh Công Sơn không viết nhạc mà lại viết ký. Rất tiếc các báo chí của Trung ương lúc ấy còn

(2) Dự Trại sáng tác Cồn Hến, Hoàng Phủ Ngọc Tường hoàn thành Bút ký "Rất Nhiều Ánh Lửa" rất hay

quá thiên vị chính trị nên những bài viết của anh chỉ đăng trên báo chí địa phương và đoàn thể như Văn Nghệ Thừa Thiên Huế, Văn Nghệ Bình Trị Thiên, Đứng Dậy... Do đó không có nhiều người được đọc ghi chép, bút ký vào thời ấy của anh. Tôi rất quý anh nên tôi còn giữ được một số bài viết của anh trong giai đoạn này. Hồi trước ngày giỗ đầu của Trịnh Công Sơn (1.4.2002) tôi đã sao các bài viết ấy + nhạc phẩm kèm theo các bài viết gởi tặng nhà phê bình Văn học Đặng Tiến ở Pháp và Hội quán Hội Ngộ ở Thành phố Hồ Chí Minh.[3]

Xin trích lời của bài hát:

Con đường Mùa Xuân:

1. Đường đã tới Bắc Nam (hm..hm) nay lại gặp nhau
Bao (...) nhiêu (...) con người là bao yêu dấu
Đường đã nối chuyến xe (é...e) hai miền chạy mau
Con sông reo mừng cười dưới chân cầu

Trên quê hương Xuân vinh quang đất nước xanh lại mấy lần
Một rừng cờ tươi như son đang vẫy tay chào nắng lên
Hà nội tươi sáng mát nhìn miền Nam trái tim chồi non
Đường trăm năm đến trong (hm..hm) một ngày
Một ngày chúng ta tới
Chào toàn thế giới này

Đường đã tới nước ta là một từ đây

---

(3) Xem thêm các Phụ lục ở cuối sách

Bước chân vững vàng về tương lai mới
Toàn thế giới sáng lên một mặt trời thôi
Nơi đây anh hùng là những con người.

2. *Đường đã tới có trong (hm..hm) tiếng cười trẻ thơ*
Bao nhiêu hy vọng màu xanh như lá
Đường đã tới có trong những đời tự do
Bao nhiêu xuân hồng rực rỡ đi về

Nghe trong ta xuân bao la, vĩnh viễn không còn xuân chờ
Từng cuộc đời, vươn tay xa, gieo xuống những mùa ấm no
Ngày mai tiếng hát lên từ, hạt cơm trắng không buồn lo
Miền đất hứa, chúng ta (á...a) đang về
Vội vàng bước chân nhé,
Nhịp nhàng sức thi đua.

Đường đã tới, có trong độc lập tự do
Bao nhiêu con người dựng xây khai phá
Đường sẽ tới, có trên (hm...hm) khắp miền gần xa
Long lanh ánh đèn, lộng lẫy phố nhà.

(Văn Nghệ Thừa Thiên Huế, số 1 Tháng 3.1976, tr.70-71)

4. Đi cải tạo hay đi sản xuất tự túc ?

Tôi không rõ căn cứ vào tài liệu nào mà có người (kể cả một người thân nào đó của Trịnh Công Sơn nói trên đài VOA) bảo rằng sau tháng 5.1975, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã bị đi

cải tạo ở Thừa Thiên Huế. Nhiều bạn bè của tôi rất có uy tín, rất được tín nhiệm ngày nay hồi ấy cũng đã từng bị đi cải tạo một thời gian. Không riêng gì những người có dính một chút với "ngụy quân ngụy quyền" phải đi cải tạo, hồi còn chiến tranh, nhiều cán bộ đảng viên cách mạng hẳn hoi chỉ vì một câu nói bị hiểu lầm cũng đã phải mang ba-lô vào trại sản xuất kia mà. Cho nên hồi ấy, nếu không được Thành ủy Huế và các anh chị em trong phong trào hiểu Trịnh Công Sơn, Trịnh Công Sơn (với những cái "tội" nêu trên) có bị đi cải tạo ít tuần cũng là chuyện bình thường. May mắn là chuyện ấy không hề xảy ra đối với anh. Các họa sĩ Đinh Cường (hiện ở Virginia, Mỹ), họa sĩ Tôn Thất Văn (hiện ở Thành phố HCM), nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường, nhà dịch thuật Bửu Ý, họa sĩ Bửu Chỉ (đang sống ở Huế) rất thân thiết với Trịnh Công Sơn đều khẳng định không có chuyện ấy. Thế mà có người viết:

" Vùng kinh tế mới - nơi nhạc sĩ Trịnh Công Sơn bị đày dưới hình thức lao động cải tạo nằm ngay biên giới của tỉnh Quảng Trị. Những ngày lụt nước ngập ngang ngực, ngày nào cũng có người bị chết hoặc bị thương do mìn nổ. Ở đó, một gia đình nông dân có con gái ái mộ nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, cho ông mượn trâu để cày bừa..." (Hoàng Dược Thảo, Những sự thật nên viết ra về một thiên tài âm nhạc vừa nằm xuống, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn... tài liệu lấy trên Internet, tr. 2/7).

Nhưng vì sao lại có dư luận ấy ? Theo tôi, trừ những người cố tình xuyên tạc sự thực để bôi nhọ Việt Nam sau tháng 5.1975, có lẽ người ta dễ hiểu nhầm việc đi lao động sản xuất tự túc là đi cải tạo chăng ? Nếu quan niệm đi tham

gia lao động sản xuất tự túc là đi cải tạo thì cả Đảng bộ và chính quyền Thừa Thiên Huế lúc ấy đều bị đi cải tạo cả. Thời ấy có ông bà thủ trưởng xuống tận người gác cửa cơ quan nào mà không đi lao động sản xuất sắn khoai để tự túc một phần lương thực đâu ? Đầu năm 1977, tôi vừa có con đầu lòng, phải đi Bình Điền sản xuất tự túc, chiều về ngồi trong trại nhớ con không cầm được nước mắt. Nhưng nào tôi có xin miễn được đâu ! Đi sản xuất rất vất vả, nhiều nữ giáo viên không biết đi xe đạp, phải nhờ chồng "thồ đi thồ về". Nếu chồng không"thồ" được thì phải đi bộ từ bốn năm giờ sáng. Chiều về phải tám chín giờ tối mới lết được đến nhà. Chuyện bắt cả bộ máy nhà nước, sinh viên học sinh, giáo viên... bỏ việc chuyên môn, bỏ việc dạy và học đi phá rừng cuốc rẫy, đào lề đường để trồng khoai sắn sản xuất tự túc là một chủ trương sai lầm[4]. Bây giờ nhớ lại chuyện ấy không ai không chê trách. Nhưng nói chuyện đi sản xuất tự túc là đi lao động cải tạo là hoàn toàn xuyên tạc. Đối với anh em văn nghệ sĩ lúc ấy đi sản xuất tự túc như một cuộc đi chơi. Sắn khoai thu hoạch được không đủ bù vào tiền mua gạo, thức ăn mang theo và tiền mua xăng ô-tô đi sản xuất. Đó là chưa nói đến việc các văn nghệ sĩ không biết làm nông, mùa nắng gây cháy rừng, mùa mưa gây xói mòn sạt lở đất đai rất tai hại. Chính nhạc sĩ Trịnh Công Sơn cùng với các nhà văn nhà thơ Hội Văn nghệ Thừa Thiên

---

(4) Trong một cuộc họp tại Thành ủy Huế lúc ấy tôi đã phê phán chuyện này. Tôi cũng đã được một bài học : "Đảng viên phải nói theo Nghị quyết. Nói không đúng với Nghị quyết sản xuất tự túc là khuyết điểm, phải kiểm điểm." Tôi không kiểm điểm nhưng may mắn cũng không hề bị kỷ luật gì. Nhiều cán bộ công tác ở Văn phòng Thành ủy Huế lúc đó, ngày nay vẫn còn nhớ chuyện này.

Huế (sau năm 1977 là Bình Trị Thiên) đã gây ra vụ cháy rừng thông trong khu vực lăng Minh Mạng. Nếu không nhờ dân và cán bộ đến dập tắt dám cháy kịp thời thì có thể tiêu luôn khu lăng Minh Mạng. May lúc đó xã hội chưa xem trọng di tích văn hóa nên báo chí cho là chuyện bình thường, không một tiếng phê bình. Do đó anh em văn nghệ xem chuyện cháy ấy như một kỷ niệm hồn nhiên của mình. Sau nhiều lần di sản xuất tự túc, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã khoe với Mai (tức ca sĩ Khánh Ly) trong một lá thư gởi sang Mỹ rằng: *"Anh kể cho Mai nghe, bây giờ anh giỏi hơn Mai nhiều. Anh biết trồng khoai, trồng sắn và cấy lúa"*. Có điều Trịnh Công Sơn không kể với Khánh Ly là lần đầu đi trồng sắn anh đã găm cái đầu hom sắn xuống đất nên những cái hom ấy chết khô chứ không mọc được. Ôi còn biết bao chuyện buồn cười trong cái buổi đầu "xây dựng xã hội chũ nghĩa" ở cái đất Cố đô Huế ấy.

Mà lạ thật, cuộc sống thiếu thốn mọi bề, nhưng tôi thấy Trịnh Công Sơn rất vui. Vì ai cũng thiếu thốn cả chứ có như "kẻ ăn không hết người lần không ra" như bây giờ đâu ! Tôi còn giữ được mấy tấm ảnh Trịnh Công Sơn chụp hồi đầu năm 1976, trông anh khoẻ và đẹp lắm. Anh sống một mình ở gian nhà cũ 11/3 Nguyễn Trường Tộ, nhưng ít có hôm nào anh phải ngủ một mình. Không có Ngụy Ngữ thì có Trần Phá Nhạc, không có Tôn Thất Văn thì có Đinh Cường, không có Bửu Ý thì có Định Giang, không có Đặng Ngọc Vịnh thì có Lữ Quỳnh hay một anh chàng Hà Nội nào đó mến mộ Trịnh Công Sơn đi qua Huế ghé thăm anh chơi... Một số bạn mới ái mộ anh cũng thường đến ở với anh như Mạnh Đạt (nhạc sĩ),

H27. Ba người bạn Huế: Họa sĩ Bửu Chỉ, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn và Tiến sĩ Triết học Thái Thị Kim Lan (1977).

Ảnh tư liệu của NDX

H28. Trịnh Công Sơn (người thứ ba từ bên trái), nhà thơ Vĩnh Nguyễn, họa sĩ Bửu Chỉ, nhà văn Võ Mạnh Lập, nhà thơ Vương Hồng Hoan và nhà thơ Võ Quê (người thứ hai từ bên phải) chuẩn bị nhận đất sản xuất tự túc (1977)

Ảnh tư liệu của NDX

H29. Nhà nghiên cứu Huế Nguyễn Đắc Xuân (người thứ hai bên trái) hướng dẫn nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, nhạc sĩ Phạm Trọng Cầu và nhạc sĩ Hoàng Hiệp thăm Huế vào năm 1982.

Ảnh tư liệu của NDX

Vinh Nguyễn (nhà thơ)... Những người mới có gia đình như Hoàng Phủ Ngọc Tường, như tôi (NĐX) thì ít khi đến ngủ với anh, thay vào đó là chúng tôi hay mời anh về nhà ăn cơm. Đi ăn cơm khách nhưng Trịnh Công Sơn không thích ăn mà chỉ thích có một xị "quốc lủi" hay xị rượu trắng Phủ Cam cay cay là thích nhất. Những lúc anh em đi Hà Nội kiếm mua được một chai Vốt-ca của Liên-xô thì quý hóa vô cùng.

5. Quê hương chỉ là "Một cõi đi về"

Có thể nói trước ngày đất nước thống nhất hàng chục năm Trịnh Công Sơn đã là một nhạc sĩ rất nổi tiếng. Dù anh phải đi trốn lính, đi tham gia Phong trào tranh đấu hay núp dưới bóng mẹ ở nhà, bao giờ anh cũng được bạn bè và gia đình chăm sóc miếng cơm manh áo hết sức chu đáo. Sau tháng 5.1975, anh được mời về Huế tham gia công tác ở Hội Văn Nghệ, mừng gặp lại bạn bè cũ, mừng đất nước hòa bình thống nhất, vui thì có vui nhưng thật sự đó là một giai đoạn thử thách ghê gớm đối với đời sống của anh. Với lương tháng 64 đồng là cao so với cán bộ[5], nhưng đối với Trịnh Công Sơn, số tiền ấy không đủ để mua thuốc hút và mua rượu cho ba mươi ngày. Bởi thế mỗi tháng thân mẫu anh phải gởi thêm cho anh một chỉ vàng và một vài ký-lô thịt bò thưng[6] hay thịt chà-bông. Sau mỗi lần nhận quà của mẹ, nhà Trịnh Công Sơn liên tiếp có những "tiệc" rượu nhỏ. Tiệc cho đến hôm tiệt

---

(5) Lúc đó lương tháng của tôi chỉ có 58 đồng.

(6) Theo Vinh Nguyễn (người được TCS cho ở chung nhà) cho biết thân mẫu của Trịnh Công Sơn có dặn rằng: "Mỗi lần ăn lấy ra hai cục bỏ trong chén và hấp khi cơm sôi. Khi ăn xé nhỏ và có muốn thêm gia vị thì tùy... "

hết quà của mẹ gởi mới thôi. Người anh càng ngày càng gầy rộc đi. Bởi thế mỗi năm có đến mấy bận Trịnh Công Sơn phải xin phép vào Thành phố Hồ Chí Minh thăm mẹ. Nói đúng hơn là thăm mẹ được mẹ bồi dưỡng lấy lại sức khỏe. Nhiều lần Trịnh Công Sơn vào ở nín trong Thành phố hàng mấy chục ngày, nhân đó anh tiếp xúc với bạn bè, văn nghệ sĩ của Thành phố. Anh gặp lại Phạm Trọng Cầu, Trần Long Ẩn, và quen thêm Hoàng Hiệp, Nguyễn Quang Sáng ... Qua bạn bè, anh biết lãnh đạo của Thành phố cũng có người mến mộ anh. Biết hoàn cảnh của Trịnh Công Sơn ở Huế có nhiều "bất tiện", vào ra xe cộ khó khăn, anh em gợi ý Trịnh Công Sơn nên xin chuyển công tác vào Thành phố Hồ Chí Minh, anh em sẽ giúp xin lãnh đạo Thành phố chấp nhận anh. Ý kiến đó phù hợp với sự mong muốn của gia đình Trịnh Công Sơn và có lẽ cũng "phù hợp" với ý muốn trả Trịnh Công Sơn lại cho miền Nam của một số người ở Bình Trị Thiên. Vào giữa năm 1978, tôi không nhớ vào tháng nào, Trịnh Công Sơn về Huế làm hồ sơ chuyển công tác. Nghe tin đó chúng tôi hết sức tiếc, nhưng cũng nhận thấy như thế là hợp lý. Trịnh Công Sơn không thể kéo dài cuộc sống hấp hênh "ăn ít uống nhiều" ở gian nhà nhiều kỷ niệm trước nhà thờ Phủ Cam lâu hơn nữa. Và, thân mẫu của anh cũng không thể rút ruột kéo dài tình trạng phải gởi cho con trai làm công tác cách mạng ở Huế mỗi tháng một chỉ vàng mãi được. Lúc bấy giờ khan hiếm gạo nên quán hàng bán rượu cất tù sắn tươi. Nhiều khi người ta còn bỏ cả thuốc rầy vào rượu để tăng nồng độ của rượu. Tôi đã chứng kiến một vài lần Trịnh Công Sơn uống rượu sắn với Dương Toàn Thắng (em ruột của nhạc sĩ Mạnh Đạt) và ói mửa ra mật

xanh mật vàng ngay tại chỗ. Không rõ có phải vì uống rượu độc hại mà sau đó không lâu Dương Toàn Thắng chết vì xơ gan cổ trướng không !

Trịnh Công Sơn vào Nam, giao gian nhà kỷ niệm lại cho vợ chồng anh chị Hoàng Phủ Ngọc Tường-Lâm Thị Mỹ Dạ. Không ngờ sau đó một năm (1979), anh chị Tường Dạ lại giao gian nhà đó lại cho vợ chồng tôi (theo đề nghị của nhà văn Thanh Tịnh) để chị Dạ đi Hà Nội học ở trường viết văn Nguyễn Du, anh Tường bồng bế các con vào tá túc trên mảnh đất của gia đình ở Cầu Sơn quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh[7]. Anh Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trí thức cách mạng tiêu biểu, có quá trình tham gia kháng chiến của tỉnh Bình Trị Thiên mà cùng ra đi. Điều đó chứng tỏ lúc ấy có một cái dịch "chất xám của Bình Trị Thiên" chảy vào miền Nam. Trước và sau thời điểm Trịnh Công Sơn chuyển công tác (1978), nhóm thanh niên Quảng Nam công tác ở Thành đoàn Huế trước và sau ngày Giải phóng chuyển vào Đà Nẵng (Lê Công Cơ, Nguyễn Thanh Minh, Huỳnh Phước....), một số họa sĩ bổ nhiệm sớ vào Nam hành nghề tự do như Đinh Cường, Hồ Hoàng Dài, Tôn Thất Văn... một số cây bút năng động của Huế như Trần Phá Nhạc, Lữ Quỳnh, Tần Hoài Dạ Vũ (Nguyễn Văn Bổn)... cũng không ở được phải vào Nam. Vào đó thất nghiệp có người phải ra nằm ngoài bến xe Miền Đông để bán sách dạo, có người đạp xích-lô nuôi vợ con. Một

(7) Ở Cầu Sơn được một năm , anh Tường cảm thấy Cầu Sơn rốt xuông còn sâu nên đến tháng 6 năm 1980, lại dọn ra Huế, gia đình tôi chuyển về 16 Lý Thường Kiệt, gian nhà nhiều kỷ niệm của Trịnh Công Sơn lại giao lại cho anh chị Tường Dạ.

số bác sĩ làm việc ở Bệnh viện Huế quen biết chúng tôi vào Biên Hòa tỉnh Đồng Nai. Một số cán bộ từ Hà Nội, Quảng Bình ở không nổi cũng xin đi (Trần Công Tấn, Lê Bá Sinh...). Nhiều người thấy bạn bè của tôi "nam tiến" cả, họ ngạc nhiên hỏi tôi: "Ủa, ông chưa đi à ?" Sự thật ở Huế tôi cũng xác bất xang bang chứ có được gì dâu, nhưng ngặt vì tôi là người nghiên cứu Huế bỏ Huế mà đi thì lấy gì mà nghiên cứu nên phải ở lại cho đến ngày nay. Nhắc lại vài dòng như thế để thấy việc nhạc sĩ Trịnh Công Sơn trị lại miền Nam năm 1978 là một tất yếu. Không có cách nào khác hơn.

Cũng có người nói nhạc sĩ Trịnh Công Sơn phải rời quê hương lúc ấy vì anh không đủ sức chống đỡ với những thế lực kèn cựa anh. Chuyện kèn cựa tài năng ở dâu và thời nào chẳng có! Chuyện ấy nhắm mắt nói cũng dúng. Mà khi Trịnh Công Sơn dã vào Thành phố Hồ Chí Minh rồi những kẻ kèn cựa tài năng với anh đã buông tha anh đâu ! Và, cho mãi đến khi tôi nhớ và viết lại những dòng này phải chăng chuyện kèn cựa với Trịnh Công Sơn đã hết ? Nếu hết chuyện kèn cựa thì có lẽ ông Nguyễn Văn Quang - Bí thu Thành ủy Huế hiện nay đã có thể thực hiện được lời hứa với báo chí "dành một con đường ở Huế đặt tên Trịnh Công Sơn" và dành một nơi làm "Một cõi đi về" của Trịnh Công Sơn ở Huế rồi ! Nếu hết chuyện kèn cựa thì có lẽ không còn có người tuyên bố xanh rờn rằng:"Ca khúc mà như của Trịnh Công Sơn thì một ngày mình có thể làm đến mười bài !" Có nghĩa là cả sự nghiệp hơn 600 ca khúc của Trịnh Công Sơn con "người nhạc sĩ" có câu tuyên bố xanh rờn ấy chỉ làm trong 60 ngày (hai tháng) là xong tất!

Những người được nghe câu tuyên bố trên cầu nguyện cho mình được sống đến ngày "tác phẩm của cả đời người" của ông "nhạc sĩ tài ba" trên ra đời để xem sao.

Khoảng năm 1982, Trịnh Công Sơn đưa một đoàn nhạc sĩ Thành phố Hồ Chí Minh về thăm Huế. Tôi hướng dẫn đoàn đi chơi và tôi về ở lại tại Biệt thự 11 Lý Thường Kiệt. Các anh Phạm Trọng Cầu, Hoàng Hiệp, Trần Long Ẩn và chính Trịnh Công Sơn hát cho tôi nghe những bài hát mới của Trịnh Công Sơn như *Huyền Thoại Mẹ, Vẫn Có Em Bên Đời, Em ở Nông Trường Em Ra Biên Giới, Em Còn Nhớ Hay Em Đã Quên...* Tôi hết sức xúc động. Nếu Trịnh Công Sơn không có những cảm xúc mạnh và cuộc sống mới thì không bao giờ anh có thể viết được những bài hát cách mạng như thế. Bà mẹ trong Huyền Thoại Mẹ giống như những bà mẹ đã nuôi tôi ở vùng Truồi, Nước Ngọt hồi chiến tranh. Nhạc cách mạng mà vẫn rất triết lý nhu thường :

"Mẹ là gió uốn quanh / Trên đời con thầm lặng
Trong câu hát thanh bình / Mẹ làm gió mong manh
Mẹ là nước chứa chan / Trôi dùm con phiền muộn
Cho đời mãi trong lành / Mẹ chim dưới gian nan."

Trịnh Công Sơn tập cho tôi hát hai bài Huyền Thoại Mẹ và Vẫn Có Em Bên Đời.... Hát những câu : *"Em bây giờ quen sương nắng, tóc trên vai vấn vương bụi hồng....Từ trên đất này những con người mới mọc lên tựa tia nắng giữa chân trời"* làm cho tôi nhớ lại hình ảnh những cô gái trên công trường Nam Thạch Hãn mà Trịnh Công Sơn đã ghi lại trong bút ký nêu trên. Đoạn cuối bút ký ấy Trịnh Công Sơn viết:

"Rời công trường (Nam Thạch Hãn), hình ảnh một con kinh nước xanh như ngọc lại thoáng hiện trong trí óc rồi nhường chỗ cho một nỗi nhớ khôn nguôi những con người đang pha lẫn mồ hôi mình cùng với đất. Với sức người như thế biết bao nhiêu điều kỳ lạ còn mọc lên nơi đây " (T/c đã dẫn tr. 20).

Trịnh Công Sơn thấy những cô gái trên công trường Nam Thạch Hãn ở Quảng Trị vào những ngày đầu xây dựng đất nước, những có thanh niên xung phong trên nông trường Dương Minh Xuân đã trải qua thử thách bộc lộ được vẻ đẹp mới của mình. Vẻ đẹp ấy đã làm cho cảm xúc của Trịnh Công Sơn chín muồi, anh không cần phải viết bút ký nữa mà đưa ngay vào nhạc.

Vào cuối những năm bảy mươi đầu những năm tám mươi tôi phải sống trong một hoàn cảnh hết sức bức xúc. Nhiều người thân trong gia đình tôi và gia đình bà xã tôi, nhiều người bạn của tôi mới gặp lại nhau sau 5.1975, rùng rùng đi làm hồ sơ xin bảo lãnh ra nước ngoài hoặc âm thầm cỗi sóng bể vượt biên. Một ông cậu của vợ tôi bảo tôi: "Ở xã mình bây giờ cái cột đèn ra đi được nó cũng ra đi !" Tôi biết thế nhưng không nói năng được gì. Để khỏi phiền tôi giả lơ và tìm cách lẩn tránh để khỏi bị nghi kỵ. Thơ văn, bút mực của tôi không có nghĩa lý gì đối với cái "dịch vượt biên" ấy. Bất ngờ sau đó tôi được nghe bài "Em Còn Nhớ Hay Em đã Quên" của Trịnh Công Sơn với câu : *"Em ra đi nơi này vẫn thế"*. Trịnh Công Sơn thay mặt cho tất cả những người ở trong nước thuộc thế hệ tôi gởi đến những người ra đi lời khẳng định chỗ đứng của mình trong lòng dân tộc hồi ấy. Các bạn tôi ở nước ngoài

phản ứng dữ dội. Và cho đến ngày nay nhiều người ở nước ngoài thích đã hát bài "Em Còn Nhớ Hay Em Đã Quên" nhưng vẫn lên án Trịnh Công Sơn. Các trang Web của những lực lượng thù địch với Việt Nam vẫn còn nóng vì những bài phê phán Trịnh Công Sơn "theo Việt Cộng". Có lần tôi hỏi Trịnh Công Sơn : "Ông có biết người ta lên án ông đã sáng tác bài hát Em Còn Nhớ ... không ?" Sơn cười tủm tỉm: "Mình biết lắm. Qua Paris có lúc mình phải đi trốn. Qua Canada họ đến chỗ mình hát quậy tới bời. Nhưng mình làm sao sống khác hơn, viết khác hơn !" Thời bài hát ấy ra đời tôi đang say sưa nghiên cứu Huế nên không theo dõi "thời sự sáng tác thơ nhạc" lúc ấy nên không rõ có nhạc sĩ nào, nhà thơ nhà văn nào có tác phẩm "chống vượt biên" và có tác động như bài hát trên của Trịnh Công Sơn không ? Một giáo sư Đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh bảo tôi rằng:

-"Chỉ riêng cái thành tích Trịnh Công Sơn viết những bài hát *Huyền Thoại Mẹ, Em Còn Nhớ Hay Em Đã Quên, Vẫn Có Em Bên Đời, Em Là Hoa Hồng Nhỏ*... ra đời vào những năm tám mươi khó khăn ấy cũng đủ trao cho tác giả những giải thưởng văn học nghệ thuật cao nhất rồi ! Nhưng ... Nói theo kiểu Trịnh Công Sơn: Thôi kệ."

Nhiều người bạn của tôi và cũng là bạn của Trịnh Công Sơn ngày ấy ra đi bây giờ về thăm nhà gặp tôi thừa nhận rằng: "Lúc đó mà Việt Nam cởi mở như thế này thì chẳng có mấy ai phải ra đi. Trịnh Công Sơn và các ông xác định được chỗ đứng của mình trong hoàn cảnh khó khăn lúc ấy là rất giỏi, rất đúng". Theo tôi chuyện đúng hay sai để cho lịch sử viết.

Đối với tôi anh em bây giờ gặp lại nhau trong cảnh hòa bình độc lập như thế này là quý lắm rồi. Xem chuyện cũ như những kỷ niệm, ai viết được thì cứ viết và viết cho trung thực để cho con cháu của bạn mình sau này đọc chơi. Còn chuyện "đi hay ở" của Trịnh Công Sơn, có lần tôi hỏi anh và anh tâm sự với tôi: " Thú thật, mình xa cái đất nước này mình chịu không nổi và cũng không sáng tác được ông à ! Bọn mình mà sống sướng chưa chắc đã làm được như đã làm ! Mình sáng tác trong hoàn cảnh khó khăn, trong lúc vui buồn với đất nước. Sống sướng về vật chất chưa chắc đã sáng tác được. Sống mà không sáng tác được làm sao sống ông ? Các em mình chúng đi hết rồi. Nếu mình bị bắt ra nước ngoài chắc mình phải vượt biên ngược về thôi !".

Từ sau ngày đất nước thống nhất (5.1975) trải qua những năm "bao cấp" khó khăn cho đến ngày có chính sách đổi mới hội nhập Trịnh Công Sơn đã có cùng hơi thở với đất nước. Như thế đã đủ tiêu chuẩn để vinh danh anh rồi. Sau này thực tế cuộc sống diễn ra không đúng với suy nghĩ của anh, anh lại có những trăn trở mới, có những sáng tác mới. Đó là chuyện dễ hiểu đối với một nghệ sĩ sống với tư duy độc lập của mình.

Giai đoạn cuối đời Trịnh Công Sơn sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, có nhiều người hiểu Trịnh Công Sơn hơn tôi, cho nên tôi xin kết thúc bài viết này với một câu: "Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn vĩ đại vì anh đã đem hết tài năng, sự sống suốt đời anh phụng sự quốc gia dân tộc."

Về hiện tượng âm nhạc Trịnh Công Sơn

Trong việc phân chia các thời kỳ lịch sử tân nhạc Việt Nam người ta hay đề cập đến hai chữ "Tiền chiến". Trong cách thế ấy, chúng tôi thuộc thế hệ trưởng thành thời "hậu chiến". Thế hệ "hậu chiến" ấy ở Huế có nhiều người đã thành danh, đặc biệt nhất là nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.

Trịnh Công Sơn đến giữa chúng tôi lặng lẽ như bao bạn bè cùng lứa tuổi tác. Các thần tượng của tuổi trẻ đã xa Huế đi kháng chiến và tập kết ở bên kia bờ Bến Hải. Chúng tôi bơ vơ làm thân "hậu chiến". Trong hoàn cảnh bơ vơ ấy mỗi người với trình độ và tài năng khác nhau, tự tìm cho mình một con đường. Người theo triết học hiện sinh, người theo Mác, kẻ theo Phật, và cũng không hiếm người chạy theo tình. Thế rồi khi người Mỹ trực tiếp can thiệp vào Việt Nam, cuộc chiến mới lên ngôi, ý thức dân tộc trỗi dậy. Tất cả những con đường nhỏ của cá nhân quy về đại lộ dân tộc. Hằng ngày nhìn cảnh quân đội Mỹ đổ bộ vào bến phà Tòa Khâm, súng đạn chất thành núi bên bờ sông Hương, chúng tôi cảm thấy bất lực trước cuộc chiến. Nỗi đau của dân tộc ngấm vào tuổi trẻ của chúng tôi. Chúng tôi không thể nói thẳng ý tưởng của mình trong hoàn cảnh chính trị đang tiếp tay cho người Mỹ làm chiến tranh ở Việt Nam. Với những cách thế khác nhau, thì

người "chắp tay nguyện cầu cho bồ câu trắng hiện", người bãi khóa, xuống đường đương đầu với vòi rồng lựu đạn cay, kẻ vùi đầu vào đống sách cũ để tìm đường "về nguồn". Riêng Trịnh Công Sơn gởi nỗi lòng mình vào những giai điệu lãng đãng hồn nhiên mà buổi đầu nhiều người nghe hay nhưng chưa ai dám nghĩ đó là những tín hiệu của một thiên tài.

Trịnh Công Sơn trưởng thành thời "hậu chiến" dứng đầu bản nhạc phản chiến. Và không chỉ có nhạc phản chiến, Trịnh Công Sơn còn là vị hoàng tử của nhạc tình (Tình yêu đôi lứa, tình nước, tình người, thân phận con người). Sự xuất hiện của âm nhạc Trịnh Công Sơn tạo thành một hiện tượng âm nhạc rất hiếm có. Tôi thích nghe nhạc nhưng không sành nên không dám bình luận gì về âm nhạc của Sơn. Bài viết ngắn này chỉ ghi lại những ấn tượng khó quên trong tâm trí tôi suốt mấy chục năm qua mà thôi.

Sau 1975, lần đầu tiên gặp tôi ở Hà Nội, thầy Đào Duy Anh hỏi ngay:

- Này, anh cho tôi biết "Tuyệt tình cốc" ở đâu và Trịnh Công Sơn là người như thế nào?

Tôi hết sức ngạc nhiên. Miền Nam có bao nhiêu chuyện đấu tranh mà sao thầy Đào Duy Anh không hỏi mà lại đi hỏi tôi chuyện ấy? Tôi nghĩ những chuyện ấy rất riêng tư của bọn tôi và nó cũng đã đi vào dĩ vãng hàng chục năm rồi, tại sao Thầy ở tận cái Thủ đô Hà Nội xa xôi này lại có thể biết được và bây giờ đem ra hỏi tôi. Hơn nữa nhạc Trịnh Công Sơn là loại nhạc phản chiến, ở chiến trường và miền Bắc xã hội chủ

nghĩa có ai dám hát đâu, thế tại sao Thầy biết ? Không dấu được sự ngạc nhiên tôi hỏi:

- Dạ thưa từ nguồn nào mà Thầy biết cái tên "Tuyệt tình cốc" với nhạc Trịnh Công Sơn vậy?

Thầy Đào Duy Anh vui vẻ nói ngay :

- Tôi đọc bài Thế Uyên viết trên báo Bách Khoa ở Sài Gòn cách đây đã lâu! Và đã nghe hết mấy cuốn băng cassette nhạc Trịnh Công Sơn của bà con ở Sài Gòn gởi ra. Nhưng đến bây giờ tôi mới gặp được anh là người trong cuộc và là bạn Trịnh Công Sơn!

Tôi đi kháng chiến từ mùa hè năm 1966, tôi chưa đọc số Bách Khoa mà thầy Đào Duy Anh đã đọc. Nhưng nhắc đến Thế Uyên thì tôi nhớ ngay. Hồi cuối năm 1965 (hay đầu năm 1966 gì đó), chúng tôi có một đêm gặp mặt trong ngôi nhà tranh (mệnh danh là "Tuyệt tình cốc") của anh em Hoàng Phủ Ngọc Tường và Hoàng Phủ Ngọc Phan ở gần chợ Xép, gồm có nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, nhà văn Sài Gòn Thế Uyên, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Nguyễn Đắc Xuân, Lê Thanh Xuân (nhà báo Hải Nam này nay), Trần Quang Long và một vài người nữa mà tôi không còn nhớ tên. Đêm đó chúng tôi nói về những bế tắc của tuổi trẻ trước cuộc chiến. Quan điểm của chúng tôi là lên án Mỹ. Thế Uyên biện giải đây là cuộc chuyến tranh của hai phe "quốc cộng". Trịnh Công Sơn phát biểu bằng cách hát bài "Đàn Bò vào Thành phố" (tức Du Mục), "Tuổi đá buồn"... Không rõ Thế Uyên phản ảnh trên báo Bách Khoa nội dung đêm gặp mặt đó như

thế nào chú thực sự thì lúc đó tất cả những người có mặt đều nói rõ lập trường của mình. Sau đêm gặp mặt ở mái nhà tranh "Tuyệt tình cốc" Thế Uyên trở lại Sài Gòn, còn chúng tôi phần lớn đi theo Mặt trận giải phóng, Trịnh Công Sơn xê dịch giữa hai bên. Chuyện cũ hiện lên trong tâm trí tôi và tôi đáp lời Thầy Đào:

- Trịnh Công Sơn là bạn con, con người anh như nhạc của anh mà Thầy đã nghe!

Thầy Đào Duy Anh hạ một câu:

- Cái anh Trịnh Công Sơn này lạ thật, anh ta muốn ôm hết những mâu thuẫn và khát vọng của đất nước vào mình.

Tôi không ngờ Thầy Đào Duy Anh khái quát tư tưởng trong âm nhạc của bạn tôi đến như thế.

Sau ngày thống nhất đất nước, cùng với hàng hóa tiêu dùng của miền Nam, các băng nhạc của Trịnh Công Sơn bắt đầu xâm nhập giới trí thức miền Bắc. Đứng trên lầu 51 Trần Hưng Đạo (Hà Nội) - Cơ quan Văn nghệ miền Nam, tôi nghe vang vọng từ phía Nhà xuất bản Văn Học một gia đình nào đó mở *Gia Tài Của Mẹ, Nối Vòng Tay Lớn*... của Trịnh Công Sơn. Tiếng nhạc phát ra từ một cuốn băng cũ nghe eo éo rất khó chịu nhưng vẫn được quay lui quay tới hoài. Người ta thích nghe những giai điệu khác lạ nên bất chấp kỹ thuật cũ kỹ.

Ở Huế, sau ngày thống nhất đất nước âm nhạc cách mạng rất thịnh hành. Đó là cái bề nổi, còn cái phần chìm thi ca khúc

Trịnh Công Sơn và ca nhạc mà có thời bị đặt cho cái tên là "nhạc vàng" vẫn tồn tại. Bà mẹ vợ của tôi, chồng bị bệnh nằm một chỗ đã nhiều năm, một tay nuôi 8 đứa con dại. Mùa hè năm 1975, cậu con trai thứ hai lại bị mất tích trên đường theo bộ đội vào giải phóng Sài Gòn. Bà hết sức đau khổ. Hằng ngày đứng nấu cơm rửa chén phục vụ gia đình bà tự an ủi mình với "Cỏ xót xa đưa". Bà mẹ đẻ của tôi ở Đà Lạt, hơn nửa đời người vất vả nuôi con, cuối đời rất sùng đạo Phật. Bà thích nghe nhạc Trịnh Công Sơn vì bà cho rằng nhạc Trịnh Công Sơn có hơi hám "cát bụi giải thoát". Biết Trịnh Công Sơn ở Huế thiếu rượu, nhân về thăm tôi bà làm một thẩu rượu dâu ôm về Huế tặng Sơn. Sau năm 1975, xe đò chật nhu nêm mà mẹ tôi ôm một thẩu rượu chạy qua gần tám trăm cây số để về Huế tặng Sơn không phải là một chuyện dễ. Nếu không quý mến Sơn một bà già trên 65 tuổi không thể làm được việc đó.

Người ta nói âm nhạc Trịnh Công Sơn chỉ thích hợp với tuổi trẻ. Các bà mẹ tôi không còn trẻ nữa mà cũng thích nhạc Trịnh Công Sơn. Các bà thích không phải vì tuổi còn yêu mà chính là nhạc Sơn đã nói hộ các bà về thân phận của kiếp người sống trong cõi tạm. Các bà mẹ tôi thích nhạc Trịnh Công Sơn khi chưa biết Trịnh Công Sơn là ai cả. Cũng giống như các em bé trên miền núi huyện Hướng Hóa (Quảng Bình) vào những đêm trăng quây quần giữa sân hát vang "Em sẽ là mùa xuân của mẹ, em sẽ là màu nắng của cha...", các em không biết tác giả bài ca ấy là ai. Các em cũng không cần biết tác giả làm gì. Các em chỉ cần biết lời của bài ca đó chính là ước mơ của các em.

Trong ca từ của Trịnh Công Sơn rất khó tìm được một địa danh, nhân danh Huế. Nhưng đặc điểm của văn hóa Huế đã ăn sâu vào tâm hồn Sơn, các giai điệu trong nhạc Sơn xuất phát từ giọng cổ, từ âm giai ngũ cung lơ lớ của ca nhạc truyền thống Huế cho nên người Huế không sợ sai khi bảo rằng Trịnh Công Sơn là thiên tài âm nhạc của Huế. Giáo sư Tiến sĩ Cao Huy Thuần dạy Đại học Amiens (Pháp) khẳng định rằng: "*Trong nghề ca hát ở Việt Nam, chưa có ai nâng lời nhạc lên đến mức thơ như Trịnh Công Sơn. Nếu Sơn không xuất thân từ Huế, chưa chắc Sơn đã thi sĩ như vậy. Sơn là giọt máu của Huế*". Bởi thế sau ngày thành lập, cách đây gần mười lăm năm, Hội Người Yêu Huế tại Pháp đã tổ chức vận động cho Huế bằng cách mời Thanh Hải và Kim Chính trình diễn mấy đêm nhạc Trịnh Công Sơn tại Paris. Kết quả thu được rất mỹ mãn.

Nhà tôi bên bờ một nhánh sông Hương, bị bao vây bởi ba bốn quán cà-phê. Không ngày nào tôi không nghe nhạc Trịnh Công Sơn. Điều này làm cho tôi suy nghĩ mãi là tại sao người ta nghe nhạc Trịnh Công Sơn suốt ngày mà không biết chán. Ban ngày ngồi uống cà-phê nghe những bản nhạc ấy, tối lại ở các tụ điểm âm nhạc, các ca sĩ lại hát những bản nhạc ấy họ lại mua vé đi nghe. Khi nghe giới thiệu sắp đến tiết mục ca khúc Trịnh Công Sơn tất cả đều háo hức chờ đợi để vỗ tay. Hiện tượng này rất giống như khán giả Hát Bội ngày xưa vậy. Người ta đã biết tuồng tích, thuộc lòng các loại hát Khách, hát Nam thế mà trời tối nghe trống giục vẫn thu xếp việc nhà cầm theo cái quạt giấy đi xem. Đối với ca Huế, Cải Lương,

Chèo cũng vậy. Người ta đã thuộc, thuộc đến nỗi có thể nhảy lên sân khấu diễn được như thế mà vẫn chen nhau đi xem, đi xem không chán. Phải chăng một số ca khúc Trịnh Công Sơn cũng đã trở thành dân ca hiện đại ?

Tất cả những điều đó ám ảnh tâm trí tôi. Do đâu, yếu tố gì, hoàn cảnh nào mà các ca khúc Trịnh Công Sơn lại có độ bền vững, một sức lan tỏa rộng khắp, vượt lên thời gian và hoàn cảnh như thế? Người ta hát nhạc Trịnh Công Sơn không phải vì tác giả. Giờ đây Trịnh Công Sơn đã vĩnh biệt cuộc đời, hiện tượng âm nhạc Trịnh Công Sơn vẫn còn đó. Ai sẽ giải tỏa giùm tôi nỗi ám ảnh ấy?

Bên sông Nhiêu Lộc, 4.2001

Vô tình Trịnh Công Sơn có mặt trong những bước ngoặt đời tôi

Chơi với Trịnh Công Sơn, ở Huế, tôi luôn đứng sau nhiều người. Nhưng không hiểu sao, mỗi khi ngồi ngẫm lại chuyện mình tôi thấy thật lạ: trong những bước ngoặt đời tôi đều có Trịnh Công Sơn.

1. Sắp lại cuộc cờ:

Cuối tháng 4-1966, phong trào đấu tranh ở Huế cử tôi và Trần Duy Thọ lên Cao nguyên bàn biện pháp phối hợp với Phong trào ở Đà Lạt (do anh Hồ Hữu Nhật cầm đầu). Làm việc xong, vào đêm 30 tháng 4, mấy người bạn Huế đang có mặt ở Đà Lạt rủ nhau đi dạo phố đêm. Xuất phát từ một biệt thự của chị Sâm trên đường Trần Bình Trọng (?), vòng qua đồi Nhà thương để hướng lên phía phố. Ánh điện nhập nhòe trong sương mù mát dịu làm cho chúng tôi tách mình ra khỏi cái nóng bỏng của cuộc tranh đấu đang diễn ra suốt hai tháng qua ở miền Trung. Những người bạn Huế đêm ấy có Nguyễn Ngọc Lan, Trần Trọng Thức, Trịnh Công Sơn, chị Sâm (chủ biệt thự) và một ca sĩ mà sau này tôi được biết là Khánh Ly. Lúc ấy bài *Tuổi đá buồn* của Trịnh Công Sơn đang được ưa thích. Vừa đi Sơn vừa hát khe khẽ và bọn tôi hát theo. Cái hồn của bài nhạc gợi cho chúng tôi phải đề cập đến sự tàn bạo

của cuộc chiến tranh của Mỹ đang diễn ra ở Việt Nam. Nhạc của Sơn nhưng vấn đề của bài nhạc là của cả thế hệ sống ở đô thị chúng tôi (theo cách nghĩ của tôi lúc ấy). Từ mùa hè 1965 chúng tôi đã theo khẩu hiệu trước Morin Huế " To be or not to be" (Sống hay là chết). "Không thể lấy tuổi trẻ Việt Nam làm củi đốt cho lò lửa chiến tranh". Càng tranh đấu ở đô thị thì cuộc chiến càng diễn ra ác liệt ở nông thôn và rừng núi. Nói đến chuyện chiến tranh là nói đến sự bất lực của mình. Trịnh Công Sơn vừa đi vừa bảo chúng tôi: "Không ai hiểu được sự bất lực của chúng ta bằng chính chúng ta". Nguyễn Ngọc Lan tiếp lời: "Bây giờ không còn con đường nào khác là con đường của Mặt trận Giải phóng". Trịnh Công Sơn: "Có lẽ!". Cho đến lúc đó tôi vẫn còn "thuần túy" là một sinh viên Phật tử, chưa hề có một tiếp xúc nào với cơ sở của Mặt trận Giải phóng. Nhưng không hiểu sao tôi cứ bị báo chí Sài Gòn và nhiều bạn bè nghi tôi là người của Mặt trận. Do đó mỗi khi nghe ai đề cập đến Mặt trận Giải phóng là tôi liền nghĩ họ nói để thăm dò tôi và tôi phản ứng lại bằng cách tảng lờ. Tuy nhiên, đêm hôm đó tôi không thể tảng lờ được trước nhận định của Nguyễn Ngọc Lan và Trịnh Công Sơn. Tôi không biểu lộ sự đồng tình với hai người ấy nhưng hai chữ Mặt trận Giải phóng của miệng hai người ấy đã ẩn sâu vào tâm trí tôi. Một ánh lửa lóe lên ở cuối đường hầm của cuộc đấu tranh đô thị. Mấy tháng sau Phong trào đấu tranh bị dìm trong biển máu. Theo một lá thư của Hoàng Phủ Ngọc Tường tôi đã xóa tất cả những gì tôi đã có như xóa một bàn cờ để sắp và đánh lại. Tôi giã từ đô thị và mang dép cao-su đi theo con đường của Mặt trận Giải Phóng.

Và rồi tôi cùng Hoàng Phủ Ngọc Tường xuôi ngược Trường Sơn suốt 9 năm cho đến ngày cuộc chiến tranh được giải quyết đem thắng lợi về cho dân tộc Việt.

2. Từ rừng sâu đến liên hoan đám cưới:

Đời sống kháng chiến trong rừng rất bận rộn, không mấy ngày chúng tôi được nghỉ. Dọc đường hành quân men theo những suối nhỏ chúng tôi hay hát lí nhí trong miệng nhạc Trịnh Công Sơn, tiếng hát hòa cùng với tiếng suối trong veo. Một hôm tôi và Hoàng Phủ đi cải thiện gặp được cái mạch đầu tiên của nguồn Tả Trạch Sông Hương, một sự thú vị bất ngờ. Không bỏ lỡ cơ hội chúng tôi xúm lại vốc nước uống rồi dùng gai rừng viết tên Ngô Kha, Đinh Cường, Trịnh Công Sơn lên mấy chiếc lá đon và thả lá trôi theo dòng nước. Không hy vọng những chiếc lá ấy đến tay bạn, chỉ ước mong trên đường xuôi về biển lá trôi ngang qua thành phố có các bạn chúng tôi đang rộn ràng tranh đấu ở đó thôi. Nhớ nhau như thế cho nên ngay sau ngày thống nhất đất nước, chúng tôi rủ nhau về công tác ở hội Văn nghệ Thừa Thiên Huế. Ngô Kha đã bị thủ tiêu trước ngày đất nước thống nhất, Đinh Cường, Hoàng Phủ, Bửu Chỉ có gia đình riêng, chỉ có Trịnh Công Sơn, Trần Vàng Sao, Trần Phá Nhạc, Lê Gành, Võ Quê và tôi "ăn cơm tập thể và ngủ giường tập thể". Đầu năm 1976, tôi lập gia đình, Trịnh Công Sơn có mặt trong đám hỏi và đám cưới của tôi. Hơn hai trăm bà con bạn bè đồng chí đồng sự đến phòng Khánh tiết trường Đồng Khánh (cũ) ăn bánh kẹo uống nước trà mừng tôi cưới vợ. Trịnh Công Sơn mang cây ghi-ta thùng đến hát mừng hạnh phúc của tôi và bắt nhịp cho

H30. H31. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn hát mừng ngày cưới của đôi bạn Nguyễn Đắc Xuân - Võ Thị Cẩm Tú (3.1976)

Ảnh tư liệu của NDX

các cô giáo Đồng Khánh - đồng nghiệp của vợ tôi, hát "Nối Vòng Tay Lớn". Đám cưới mà không có áo cưới, không có tiệc ngồi tiệc đứng, chỉ có thơ và nhạc khiến cho tôi có cảm giác như một buổi liên hoan văn nghệ. Nhờ Trịnh Công Sơn mà cuộc liên hoan đám cưới "cách mạng" của tôi được bạn bè nhớ đời. Bây giờ mỗi lần giở xem lại những tấm ảnh đen trắng bác Lê Quang chụp Trịnh Công Sơn hát trong đám cưới, vợ chồng tôi không khỏi thốt lên "Đẹp quá!". Những tấm ảnh ấy trở thành những hiện vật quý giá của gia đình chúng tôi ngày nay và của gia đình các con tôi sau này.

3. Tìm lại mình với Huế xưa:

Năm 1980, UNESCO phát Lời Kêu Gọi Cứu Vãn Huế. Huế được đánh giá là bàn thờ đô thị tuyệt tác. Cố đô Huế rũ mình khỏi thân phận "phi sản xuất, ăn bám" để vươn lên và hình thành dần dần một trung tâm văn hóa du lịch Việt Nam. Khách du lịch trong và ngoài nước chú ý đến Huế. Vào khoảng các năm 1982-1983, Trịnh Công Sơn đưa nhiều nhạc sĩ Thành phố Hồ Chí Minh về thăm và hát ở quê mình. Tôi trở thành người hướng dẫn không chuyên cho các anh Xuân Hồng, Hoàng Hiệp, Phạm Trọng Cầu, Trần Long Ẩn, Trịnh Công Sơn...Tôi đã truyền những hiểu biết Huế và sự nhiệt tình của tôi đến các anh. Các anh rất thích và tự nhận mình cũng là những người yêu Huế. Trịnh Công Sơn có nhận xét: "Chính mình là người Huế mà đến khi nghe Xuân nói mình mới biết". Trịnh Công Sơn giục tôi phải viết những điều hiểu biết của tôi về Huế để cho mọi người đọc. Và không những Trịnh Công Sơn mà Nguyễn Khoa Điềm, Tô Nhuận Vỹ cũng khuyến

khích tôi như thế. Năm 1986, *Hương Giang Cố Sự* - cuốn sách đầu tiên chuyên đề Huế xưa của tôi ra đời do Bửu Chỉ vẽ bìa, tạp chí Sông Hương ấn hành trên 100.000 bản. Không ngờ cuốn sách nhỏ ấy đã đánh dấu một bước ngoặt của cuộc đời cầm bút của tôi. Từ ấy đến nay tôi đã có gần 30 đầu sách chuyên đề Huế xưa và hiện vẫn còn ăn khách ở thị trường sách du lịch ở Huế. Cái gợi ý mở hàng của Trịnh Công Sơn thật có giá trị.

Tôi tự hào thế hệ của tôi có Trịnh Công Sơn. Tôi quý trọng Sơn và tin tưởng Sơn. Cho nên những lời nói, những ý kiến của Sơn đã có ảnh hưởng đến tôi.

Ngày khánh thành khách sạn Sài Gòn Morin Huế (1998), Trịnh Công Sơn được mời làm khách danh dự. Cụ thân sinh tôi được mời với tư cách người làm việc cuối cùng của khách sạn nhà hàng Morin cũ (trước năm 1945) vẫn còn tại thế. Vô tình tôi chụp được một tấm ảnh thân sinh tôi ngồi với Trịnh Công Sơn trong Phòng trà. Không ngờ đó là tấm ảnh cuối cùng của thân sinh tôi. Ngày 24-3-2001, thân sinh tôi qua đời, và chỉ hơn một tuần sau, ngày 1-4-2001, Trịnh Công Sơn - bạn tôi, "giã từ cõi tạm". Không thể một lần đeo hai băng tang. Cho nên miếng băng tang trên ngực áo tôi hôm nay một phần để nhớ cha một phần để tưởng niệm bạn - người đã vô tình có mặt trong nhiều bước ngoặt quan trọng của đời tôi.

Bên dòng Nhiêu Lộc, tháng 4.2001

Tản mạn về con ngựa trong ca từ Trịnh Công Sơn

Trịnh Công Sơn sinh năm 1939 – Kỷ Mão, tuổi con mèo, nhưng trong ca từ âm nhạc của anh, ta lại bắt gặp nhiều hình ảnh **chim** và **ngựa**.

Chim và ngựa không có họ hàng gì với nhau, kích thước quá chênh lệch, sinh hoạt lại khác nhau, chim bay giữa bầu trời, ngựa phi trên mặt đất, làm sao chúng có thể cùng có mặt trong ca từ của một người nhạc sĩ tuổi mèo ? Chim là loài vật biết hát (chim sơn ca), ngựa phi gây ra tiếng nhạc (nhạc ngựa). Do đó hình ảnh chim và ngựa đi vào ca từ của âm nhạc Trịnh Công Sơn là điều dễ hiểu. Nhưng phải chăng chỉ có thế ?

Nhân năm Ngựa (2002) tôi có mấy ý tản mạn về con ngựa đã đi qua ca từ của Trịnh Công Sơn như thế nào và xem thử nó còn có ý nghĩa gì nữa đối với cuộc đời ông không.

Tìm hiểu thực tế và căn cứ trên thời gian ra đời của các ca khúc Trịnh Công Sơn, tôi được biết hình ảnh ngựa chỉ xuất hiện trong tác phẩm của ông bắt đầu từ thời gian ông lên dạy học ở B'lao (1964-1967). Hằng ngày ngoài nhìn các chuyến xe ngựa đi về các đồi chè để lại vết lăn

trên những con đường đất đỏ mệt mỏi, Trịnh Công Sơn rất thấm thía với nỗi cô đơn của mình:

"Người nhìn mãi theo từng chuyến ***xe ngựa*** *qua rồi/ Người nhìn dấu xe lăn đi dấu lăn trên đời/* ***Ngựa*** *xa rồi người vẫn ngồi"*

(**Phúc âm buồn.** 1965. Ca Khúc Trịnh Công Sơn. An Tiêm 1966)

Ngựa đi rồi, người hay Trịnh Công Sơn vẫn ngồi với hình ảnh con ngựa trong tâm trí. Con ngựa tâm trí lâu dần trở thành mặt yếu tố bền vững lắng đọng trong tiềm thức, tồn tại trước mọi chuyển dịch của thời gian. Nếu có dịp nhớ đến một cõi đi về thì cũng là một dịp gợi nhớ lại tiếng ngựa trong tâm trí xa xăm:

"Vừa tàn mùa xuân rồi tàn mùa hạ, một ngày đầu thu nghe chân ***ngựa*** *về chốn xa"*

(**Một cõi đi về**. Trịnh Công Sơn. Tuyển Tập Những Bài Ca Không Năm Tháng. Nxb Âm Nhạc. 1998. 135)

Ngựa đã trở thành một hình ảnh đẹp, một thành tố của tình tự quê hương. Vào những năm có nhiều người bỏ nước ra đi, trong đó có nhiều người Trịnh Công Sơn đã từng yêu, ông đã hỏi các cô bạn đang ở nửa bên kia trái đất có còn: *"Nhớ ngựa thồ ngoại ô xa vắng"* không ?

(**Em còn nhớ hay em đã quên.** Trịnh Công Sơn. Tuyển Tập Những Bài Ca Không Năm Tháng. Nxb Âm Nhạc. 1998 . tr.87).

Về sau tôi được biết, câu hỏi "Em còn nhớ hay em đã quên" của Trịnh Công Sơn không những làm cho các cô em quen biết Trịnh Công Sơn ngậm ngùi nhớ nước, nhớ

ông mà còn có nhiều người dù chống việc Trịnh Công Sơn ở lại với nước cũng rớm lệ. Ngựa là quê hương. Trịnh Công Sơn là một hạt cát, một hạt bụi hồng của quê hương, là một con ngựa, một con ngựa kéo chiếc xe cuộc đời.

"*Một ngày như mọi ngày/xe ngựa về ngủ say*"

(**Một ngày như mọi ngày**, Trịnh Công Sơn, Tuyển Tập Những Bài Ca Không Năm Tháng, Nxb Âm Nhạc, 1998, 137)

Làm sao phân biệt được "xe ngựa về ngủ say" hay Trịnh Công Sơn về ngủ say ? Trịnh Công Sơn đã hóa thân thành con ngựa hồng. Cũng vào những năm 1964, 1965, khi quân đội Mỹ ào ạt đổ bộ vào miền Nam Việt Nam, các bạn bè của ông bị bắt lính, hay thoát ly theo cách mạng, ông cảm thấy bất lực trước cuộc chiến, ông cảm thấy mình như con ngựa hồng mỏi vó chết trên đồi quê hương:

"*Ôi chinh chiến đã mang đi bạn bè, **ngựa hồng** đã mỏi vó chết trên đồi quê hương*"

(**Xin mặt trời ngủ yên** .1964, Ca Khúc Trịnh Công Sơn, An Tiêm 1966)

Và cuộc chiến không chỉ kéo dài trong một tháng, một năm mà kéo dài lê thê. Do đó Trịnh Công Sơn không phải một lần mà đã nhiều lần cảm thấy mệt mỏi:

"***Ngựa** buông vó/Người đi chùng chân đã bao lần*"

(**Dấu chân địa đàng**, Trịnh Công Sơn, Tuyển Tập Những Bài Ca Không Năm Tháng, Nxb Âm Nhạc, 1998 , tr.63)

Ngựa hồng là Trịnh Công Sơn mà cũng là tuổi trẻ thế hệ của ông, bạn bè của ông. Sau những ngày đấu tranh ở

đô thị, thành phố bị giới nghiêm, bạn bè ông tan tác, kẻ bị bắt, người phải chạy trốn ẩn, thật là tiêu điều:

"*Trong kinh đô tiêu điều dấu ngựa hồng*"

(**Có những con đường**, Trịnh Công Sơn, Tuyển Tập Những Bài Ca Không Năm Tháng, Nxb Âm Nhạc, 1998, tr.33)

Dấu ngựa hồng tiêu điều nhưng không mất. Ngựa hồng vắng chỗ này lại hiện ra nơi kia. Ngựa chạy trên đất, bay cao lên thành chim. Ngựa và chim gặp nhau, có thể hóa thân qua lại chính vì hai loài thú này có cùng chung mặt đất và bầu trời thênh thang.

"*Vó ngựa trên đồi hay dấu chim bay*".

(**Xa dấu mặt trời**, Tuyển Tập Những Bài Ca Không Năm Tháng, Nxb Âm Nhạc, 1998, tr.267)

Trịnh Công Sơn là ngựa hồng, ngựa hồng hóa thành chim, Trịnh Công Sơn cũng là một loài chim. Trịnh Công Sơn bỏ dạy học, trốn lính, đi hoang, thành một con ngựa hoang. Ngựa hoang không dễ bị chế ngự, không dễ bị thuần hóa. Bị săn đuổi, chạy thoát thân, mệt lả, gượng dậy, lại chạy, lại bay. Tuổi trẻ lứa tuổi ông, bạn bè của ông ở khắp phố phường, rừng núi cũng như những con "*Ngựa hí trong rừng xa / Vọng suối đất trời kia*" (**Đóa hoa vô thường**, nt. tr.74) bất chấp mọi thử thách.

Con ngựa thích tự do, thong dong, sang trọng (so với các loài thú khác), yên lành. Những khi hứng thú thì sải vó trên những cánh đồng ngút ngàn. Dưới mắt của những người hiếu sự, ngựa có thể bị xem là vô tích sự. Sự thực, trong các

cuộc chiến tranh giữ nước của Việt Nam xưa, bên cạnh voi, ngựa là một con vật có công lớn. Ngựa có thể thua vai trò của voi, nhưng đa năng hơn. Vì thế trên sân chầu các triều đại quân chủ không thể thiếu bóng dáng ngựa.

Những tản mạn trên do liên tưởng và suy diễn mà có. Có thể Trịnh Công Sơn đã nghĩ như thế và cũng có thể không như thế. Nhưng ta có lý khi nghĩ rằng tính cách và lịch sử của con ngựa cũng là tính cách và lịch sử Trịnh Công Sơn. Trên sân chầu của lịch sử âm nhạc Việt Nam luôn hiện hữu bóng dáng con ngựa hồng họ Trịnh.

Gác Thọ Lộc, 12.01.2002

Quý trọng Trịnh Công Sơn, hãy viết đúng về anh

So với nhiều người ở Huế, tôi không phải là bạn thân của cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Nhưng là người cùng quê, cùng lứa tuổi, cùng hoạt động văn nghệ, cùng tham gia phong trào đấu tranh ở đô thị nên tôi biết nhiều "chuyện đời" của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn mà gần đây một số báo chí viết chưa đúng lắm. Để góp phần thực hiện một tiểu sử hoàn chỉnh của Trịnh Công Sơn- người nhạc sĩ được nhiều người quý trọng, tôi xin cung cấp mấy thông tin sau.

1. Trịnh Công Sơn không phải là người hoạt động văn nghệ phản chiến đầu tiên

Cuối năm 1965 đầu năm 1966, trong giới sinh viên Huế-Sài Gòn đã xuất hiện các bài thơ phản chiến, kêu gọi hòa bình được phổ nhạc và rất được ưa thích như *Tôi Ước Mơ, Kẻ Thù Ta, Để Lại Cho Em, Nhân Danh, Bi Hài Kịch...* đặc biệt là tập thơ *Vùng Tủi Nhục* của Thái Luân. Khi phong trào tranh đấu bị đàn áp dữ dội, một số bạn bè của Trịnh Công Sơn bị bắt (Bửu Tôn), bị truy nã (Ngô Kha) và đi thoát ly (Hoàng Phủ Ngọc Tường và Nguyễn Đắc Xuân) thì những bài thơ phổ nhạc ấy cũng đi vào "bí mật". Những sự kiện tranh đấu đó đã tác động rất mạnh đến tình cảm Trịnh Công Sơn. Từ

năm 1966, những bài nhạc phản chiến (Ca Khúc Da Vàng) của Trịnh Công Sơn soạn từ 1964, 1965 được phổ biến rộng và dần dà xem anh như "vị hoàng tử" của nhạc phản chiến.

Vào những năm 1960, Trịnh Công Sơn có một người bạn rất thân. Đó là Ngô Kha - nhà giáo thi sĩ bị bắt lính thành sĩ quan Cộng hòa. Trong mùa tranh đấu 1966, Ngô Kha là linh hồn của chiến đoàn Nguyễn Đại Thức - một tổ chức quân lính Sài Gòn ly khai đánh nhau với quân Thiệu Kỳ rất quyết liệt ở đèo Hải Vân. Sau đó, nếu Trịnh Công Sơn là người trốn lính thì Ngô Kha là người lính trốn và ngay sau đó Ngô Kha bị bắt. Hai người trốn lính và lính trốn này rất thân nhau và chịu ảnh hưởng của nhau. Sau khi mãn hạn tù Ngô Kha về làm thơ, làm tập san Tự Quyết kêu gọi hòa bình, thành lập Mặt trận Văn hóa dân tộc miền Trung. Trịnh Công Sơn có "Kinh Việt Nam", "Nối Vòng Tay Lớn", "Huế-Sài Gòn-Hà Nội" ... Về sau, Ngô Kha bị chính quyền Sài Gòn thủ tiêu (1973), Trịnh Công Sơn hết sức đau đớn. Từ lập trường chống chiến tranh, kêu gọi hòa bình một cách chung chung, Trịnh Công Sơn chuyển qua có khuynh hướng nghiêng về phía tranh đấu cách mạng, do một phần chịu ảnh hưởng của Ngô Kha.

2. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn không phải là người hát rong

Trịnh Công Sơn có nói: "*Tôi chỉ là tên hát rong, đi qua miền đất này để hát lên những tình cảm của mình về những giấc mơ đời hư ảo*". Người ta dựa vào câu nói này mà bảo Trịnh Công Sơn là người hát rong. Hát rong là người đi hát dạo để kiếm sống (xẩm chợ), như người hò vè *Thất thủ kinh*

đô mà Huy Cận đã gặp ở phố cửa Đông Ba, hay những người mù ca Huế mà Eugène Lebris đã gặp và viết trong tập san Đô Thành Hiếu Cổ (BAVH). "Người hát rong" của Trịnh Công Sơn không mang cái nghĩa cũ ấy.

Cùng làm nhạc phản chiến với Trịnh Công Sơn lúc ấy, trên thế giới có Bob Dylan và Joan Baez. Cái cách vừa sáng tác (thơ, phổ nhạc và nhạc thơ) vừa cầm đàn đi biểu diễn trước đám đông đó, trên thế giới gọi là du ca. Người ta không nói du hát mà là du ca. Những bài du ca thường chưa hoàn chỉnh, còn nặng chất thơ. Du ca không có mục đích đi xin tiền mà là đi vận động kêu gọi cho một mục đích cao cả nào đó. Trịnh Công Sơn đích thực là một du ca cho ước vọng hòa bình. Sở dĩ Trịnh Công Sơn không muốn dùng chữ du ca vì anh sợ nhầm với "phong trào" du ca do Nguyễn Đức Quang đứng đầu bên cạnh phong trào tranh đấu năm 1966. Theo tôi, du ca của Trịnh Công Sơn là tiền thân của phong trào Hát Cho Đồng Bào Tôi nghe rất thịnh hành vào những năm trước ngày thống nhất đất nước (30-4-1975).

3. Cần xem lại một số thông tin có liên quan đến cuộc đời của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn

Từ nhiều nguồn khác nhau, gần một tháng qua, báo chí đã cung cấp cho bạn đọc nhiều thông tin về đời tư và đời nghệ sĩ của Trịnh Công Sơn rất thú vị. Tuy nhiên, do viết trong lúc thương tiếc, ngập tràn xúc động nên không khỏi có những chi tiết thiếu căn cứ.

Tôi đơn cử một sự việc mà tôi biết rất rõ. Một tờ báo ở

TP.HCM có đăng tấm ảnh một người con trai Việt Nam chụp chung với một người đàn ông và một cô con gái phương Tây với lời chú thích:

"*Trịnh Công Sơn chụp chung với Charlie Chaplin (vua hề Charlot) và con gái ông - Geraldine Chaplin - tại khách sạn Morin (Huế) năm 1959 khi Sơn 20 tuổi*".

Nếu đúng như thế thì tấm ảnh sẽ "gây bất ngờ" thật. Nhưng theo tôi - một người quen biết gia đình Morin hiện nay ở Pháp và là soạn giả của tập sách nhỏ "100 năm khách sạn Sài Gòn Morin Huế (1901-2001)" - thì lời chú thích trên không phù hợp với sự thật lịch sử:

- Từ năm 1957, Ngô Đình Cẩn đã buộc ông Nguyễn Văn Yến phải giao khách sạn Morin lại cho ông Cẩn để ông ta cho Nhà nước VNCH lúc đó thuê làm trường Đại học Huế. Vì vậy, đến năm 1959 làm gì còn khách sạn Morin để đón khách Charlie Chaplin?

- Theo ông Nguyễn Đắc Vy (thân sinh của tôi, làm việc tại khách sạn Morin từ năm 1930 đến năm 1945) và nhà văn Thanh Tịnh (hướng dẫn viên du lịch nổi tiếng ở Huế trước 1945) thì Charlie Chaplin có đến Huế một lần trước năm 1943. Năm ấy, Trịnh Công Sơn mới năm tuổi ta nên không thể là cậu thanh niên đẹp trai, mặc veston trịnh trọng đứng bên cạnh Charlie Chaplin như trong ảnh được.

- Trong niên biểu của Charlie Chaplin (1889-1977), vào năm 1959, không hề thấy có chi tiết nào chứng tỏ "Charlot" có đến Việt Nam cả.

Như vậy, người con trai trong tấm ảnh trên có phải là Trịnh Công Sơn không, hai người Tây phương trong ảnh có phải là cha con vua hề Charlot không, ảnh chụp năm nào, ở đâu... là những vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu mới có thể chú thích một cách đúng đắn được[1].

Chuyện chú thích tấm ảnh vừa đề cập chỉ là một thông tin nhỏ về cuộc "đời chung" của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Tôi nghĩ còn rất nhiều thông tin có liên quan đến tiểu sử (đời chung và đời riêng) của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn cũng cần phải xem lại khi có điều kiện thuận tiện.

Trịnh Công Sơn được đánh giá cao, được ngưỡng mộ, được xem như một trong những thần tượng của âm nhạc Việt Nam chính vì anh là Trịnh Công Sơn. Quý trọng, thương yêu anh thì nên viết đúng về anh. Mà muốn viết đúng thì phải có tài liệu chính xác, phải đặt anh trong chính hoàn cảnh của anh đã sống qua. Nếu không thì "yêu nhau như thế bằng mười phụ nhau"

TP Hồ Chí Minh, 26-4-2001

---

(1) Theo bài nhà văn Thạch Lam phỏng vấn Charlie Chaplin đăng trên báo Phong Hóa, số 185 ra ngày 1.5.1936, thì Charlie Chaplin đến Việt Nam vào năm 1936. Tấm ảnh người thanh niên Việt Nam chụp chung với Charlie Chaplin là ông Hồ Du Quê làm việc ở Kho Bạc Huế. Trích lại của Sâm Thương và Lê Minh Quốc đăng trên báo Thanh Niên (Số 117, ra ngày 16.5.2001).

Vì sự quý trọng nên cần sửa lại cho đúng

Vừa qua, anh Bửu Ý mua hộ tôi cuốn sách quý *Trịnh Công Sơn, một người thi ca một cõi đi về* do các anh Nguyễn Trọng Tạo, Nguyễn Thụy Kha và Đoàn Tử Huyến sưu tầm và biên soạn, Nxb Âm Nhạc và Trung Tâm Văn Hóa Ngôn Ngữ Đông Tây, Hà Nội, xuất bản 5.2001.

Trong nỗi thương tiếc nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, hơn tháng nay tôi có ý chờ cuốn sách này cho nên khi sách đến tay tôi đọc ngay và hết sức thú vị.

Cuốn sách được thực hiện tại Hà Nội, tôi không có cơ hội góp bài cho công trình của nhóm biên soạn. Với tư cách một người Huế biết chút đỉnh về thời trẻ của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn tôi xin làm "thầy cò" hộ các anh (chứ không phải cho các tác giả) một số chi tiết được viết trong sách mà tôi cho là chưa thật chính xác sau đây:

1. Một vài chú thích ảnh cần đính chính: *Trịnh Công Sơn, một người thi ca một cõi đi về*...in một suu tập ảnh nhạc sĩ Trịnh Công Sơn gồm 8 trang rất giá trị. Chỉ tiếc sách đăng ảnh ông Hồ Du Khuê gặp vua hề Charlot năm 1936 với chú thích nhầm là "*Trịnh Công Sơn, vua hề Charlot, Huế 1959*"

(tr. ảnh thứ ba). Trang ảnh thứ tư, in ảnh nhạc sĩ Trịnh Công Sơn với em gái Trịnh Vĩnh Thúy mà lại chú thích là "*Khánh Ly - Trịnh Công Sơn, 1967*".

2. Sáu mươi hai năm "*làm kiếp con người*" của Trịnh Công Sơn rất rõ ràng. Mặc dù chưa ai công bố một tiểu sử đầy đủ nào của nhạc Trịnh Công Sơn, nhưng 62 năm "làm kiếp con người" của anh thì gia đình và bạn bè anh đều biết rất rõ. Cho nên nhiều bạn đọc ở Huế rất tiếc khi thấy trong sách ***Trịnh Công Sơn, một người thi ca một cõi đi về*** có đoạn viết nhạc sĩ Trịnh Công Sơn:" *Sinh ... tại Ban Mê Thuột, nhưng lớn lên ở quê nhà, thành phố Huế, trong tĩnh lặng ngôi chùa Hiếu Quang, nơi gia đình gởi ông vào vì nghèo và dường như nhìn thấy nơi bản thể ông căn nghiệp tu hành*" (tr. 415). Năm 1955, gia đình qui y cho Trịnh Công Sơn tại chùa Phổ Quang ở gần nhà thờ họ Trịnh tại dốc Bến Ngự, chứ không phải chùa Hiếu Quang. Gia đình nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đều qui y theo Phật, nhưng suốt cuộc đời nhạc sĩ chưa bao giờ anh bị "gởi vào chùa vì gia đình nghèo cả". Quý trọng nhạc sĩ Trịnh Công Sơn không nên gán cho anh những gì chưa từng xảy ra với anh.

Tại trang 350 cuốn sách quí có viết :" *Từ năm 1956 trở đi, trong vòng chừng 10 năm, Trịnh Công Sơn là nhạc sĩ phản chiến duy nhất ở "miền Nam*". Như chúng ta đã biết cho đến năm 1959 Trịnh Công Sơn mới có bài hát đầu tiên ra đời mang tên *Ướt mi* và sau đó là một loạt nhạc tình chứ Trịnh Công Sơn là nhạc sĩ phản chiến duy nhất ở miền Nam sớm như thế được. Có lẽ tác giả muốn viết từ năm 1966 trở đi chăng ?

Tại trang 418, sách viết: "*Bản nhạc đầu tiên viết năm 1957 là Thương một người sau đó là Mưa hồng, là Diễm xưa viết sau mối tình đổ vỡ với Diễm, Hạ trắng cho người em gái của Diễm...*" Như trên đã viết, bài hát đầu tiên là *Ướt mi* ra đời năm 1959, cho nên năm 1957 không thể có bài *Thương nhớ một người*. Đối với Bích Diễm, Trịnh Công Sơn (và nhiều chàng trai cùng lứa tuổi) rất mê và Bích Diễm cũng có cảm tình riêng với Trịnh Công Sơn nhưng hai người chưa có một lời hẹn biển thề non nào để rồi sau đó đổ vỡ. Không nên hư cấu những thông tin mang tính lịch sử của một nhân vật văn hóa. Thông tin đăng trên báo mà chưa chính xác còn phải viết lại cho đúng. Thông tin trong sách sai mà không đính chính thì cái sai đó sẽ được nhân rộng và sẽ vô cùng tai hại về sau.

3. Nên khai thác chuyện tình của các nghệ sĩ theo hướng nào?

Trong cuốn sách quê có kể một *Chuyện lạ trong tình sử Trịnh Công Sơn* sau đây:

"Đấy là một buổi tối đẹp trời, tiệc cưới đã được bày trên một cái bàn ở ngoài sân cỏ. Trên bàn thắp nến. Thanh Thúy mặc áo đầm trắng nhảy tung tăng trên thềm. Trịnh Công Sơn rất vui nói với Trịnh Cung và Đinh Cường:" Nhí nhảnh như một con chim". Tiệc đến nửa chừng thì nến tắt. Hai người bạn nhắm mắt lại để Sơn đeo nhẫn cho cô dâu (đấy là chiếc nhẫn mà Trịnh Cung và Đinh Cường góp tiền mua chung để mừng lễ cưới của bạn. Một giọt nước nóng bỏng rơi xuống lưng bàn tay làm Sơn suýt co tay lại.Đấy chính là giọt lệ của Thanh Thúy.[...] Đêm hôm đó, Trịnh Cung và Đinh Cường đưa cô

dâu chú rể về phòng tân hôn là phòng riêng của Thanh Thúy. Đến cửa phòng thì hai anh quay về. Nhưng đi được một quãng khá xa thì họ chợt nghe tiếng giày lóc cóc đuổi theo sau lưng mình. Hai người ngoảnh lại nhìn, hóa ra người đuổi theo lại chính là chú rể Trịnh Công Sơn ! Sơn vừa thở hổn hển vừa thanh minh:" Bỏng dưng ở lại một mình với một người đàn bà trước mặt, mình hoảng quá, không biết làm gì, đành bỏ chạy cho khoẻ." (tr. 62-63).

Tôi được biết câu "chuyện lạ trong tình sử" này đã được đăng trên báo hồi sinh thời nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn vốn rất hiền từ, nhưng khi đọc "chuyện lạ" này anh rất giận. Anh dùng những lời lẽ ít khi dùng để tỏ sự bất bình đối với người kể và người viết chuyện ấy. Không ngờ sau khi anh qua đời nó lại được "tái bản" với tất cả tính "khám phá" mới. Nếu quả thật Trịnh Công Sơn có một đám cưới như thế thì cái ông nhạc sĩ này tỏ ra quá ba-lơn trong việc hôn nhân. Rồi từ "sự thật" ấy người ta sẽ "nghiên cứu" suy diễn ra biết bao vấn đề phức tạp khác mà người viết không thể thấy hết được.

Sự thật mối quan hệ tình cảm giữa Trịnh Công Sơn với Thanh Thúy Tàu như thế nào, hoạ sĩ Đinh Cường là người trong cuộc đã viết rằng:

"Sơn có những cuộc si tình kỳ lạ. Kỷ niệm si tình đáng nhớ nhất là không biết Sơn mua chiếc nhẫn bằng platine bạc lúc nào, đeo ở ngón tay. Đêm đó, sau khi nhảy xong - thường là với Dung và Thanh Thúy Tàu (vì cô lai Tàu, và để phân biệt với ca sĩ Thanh Thúy). Sơn nói là có món quà tặng Thúy,

chốc nữa về sẽ trao. Khi ra khỏi cửa phòng trà, giữa khuya, đi một đoạn đường Tự Do, thì Sơn nói Thanh Thúy nhắm mắt lại. Sơn lấy chiếc nhẫn đeo vào ngón tay đeo nhẫn cưới của Thanh Thúy, làm Thanh Thúy cảm động, bỏ chạy tới trước, chiếc robe trắng tung bay trong phố khuya. ...Đêm trên phố khuya ấy là một kỷ niệm đẹp." (Đinh Cường, Tình bạn hồi sinh còn hôn mê, tr.10)

Từ chuyện si tình (rất bình thường đối với các nghệ sĩ) tặng một chiếc nhẫn có sẵn diễn ra sau một buổi nhảy đầm, trên đường về giữa phố khuya dựng thành chuyện một đám cưới có tiệc cưới, có nến, có áo cưới, có cô dâu, có khách mời (Đinh Cường, Trịnh Cung), có quà cưới của bạn, có phòng cho đêm tân hôn... Một chuyện đẹp sao lại biến thành một chuyện ba-lơn ?

Nhân đây tôi xin có một ý kiến nhỏ: Xưa nay, ở phương Đông cũng như phương Tây, các nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, họa sĩ ... người nào cũng có một khối chuyện tình. Nhưng người ta thường nhắc đến những chuyện tình đã có ảnh hưởng đến các tác phẩm. Nhắc đến những chuyện tình đó để hiểu tác phẩm sâu sắc hơn chứ không có nghĩa để khai thác đời tư của các nghệ sĩ. Những chuyện tình dù lâm ly ác liệt đến đâu mà không liên quan gì đến tác phẩm thì người ta vẫn phải tránh. Cuộc đời nhạc sĩ Trịnh Công Sơn cũng như nhà thơ Xuân Diệu trước đây "yêu rất nhiều nhưng nhận chẳng được bao nhiêu". Trịnh Công Sơn dự định cưới vợ nhiều lần nhưng vì "số mệnh" anh chưa cưới ai. Vì thế không nên gán cho anh đã từng có một đám cưới, nghĩa là đã từng có vợ.

Huế, 6.2001

Phụ lục

I
Hồi ức của Trịnh Công Sơn về "Diễm của những ngày xưa"

Thuở ấy có một người con gái rất mong manh, đi qua những hàng cây long não lá li ti xanh mượt để đến Đại học văn khoa ở Huế. Nhiều ngày, nhiều tháng của thuở ấy, người con gái ấy vẫn đi qua dưới những vòm cây long não.

Có rất nhiều mùa nắng và mùa mưa cũng theo qua. Những mùa nắng ve râm ran mở khúc hát mùa hè trong lá. Mùa mưa Huế, người con gái ấy đi qua nhòa nhạt trong mưa giữa hai hàng cây long não mờ mịt.

Nhà cô ấy ở bên kia sông, mỗi ngày phải băng qua một cây cầu rồi mới gặp hàng long não để đến trường.

Từ ban công nhà tôi nhìn xuống, cái bóng dáng ấy đi đi về về mỗi ngày bốn bận. Thời buổi ấy, những người con gái Huế chưa hề dùng đến phương tiện có máy nổ và có tốc độ chóng mặt như bây giờ. Trừ những người ở quá xa phải đi xe đạp, còn lại đa số đến trường bằng những bước đi thong thả

hoàng cung. Đi để được ngắm nhìn, để cảm thấy âm thầm trong lòng, mình là một nhan sắc. Nhan sắc cho nhiều người hoặc chỉ cho một người thì có quan trọng gì đâu.

Những bước chân ấy từ mọi phía đổ về ngôi trường với những cái tên quen thuộc, đôi khi lại quá cũ kỹ. Đi để được những con mắt chung quanh nhìn ngắm nhưng đồng thời cũng tự mình có thì giờ nhìn ngắm trời đất, sông nước và hoa lá thiên nhiên. Long não, bàng, phượng đỏ, muồi, mù u và một dòng sông Hương chảy quanh Thành phố đã phả vào tâm hồn thời con gái một lớp sương khói lãng mạn thanh khiết. Huế nhờ vậy không bao giờ cạn nguồn thi hứng. Thành cổ, đền đài, lăng tẩm khiến con người dễ có một hoài niệm man mác về quá khứ hơn và một phần nào cũng cứu rỗi cho con người ta khỏi vành đai tục lụy. Và từ đó Huế để hình thành cho riêng mình một không gian riêng, một thế giới riêng. Từ đó con người bỗng dâm ra mơ màng và ước mơ những cõi trời đất như không có thực.

Nhưng sự thực và mơ là gì? Thật ra, nói cho cùng, cái này chỉ là ảo ảnh của điều kia. Và với những ảo ảnh đó đã có một thời, khá dài lâu, những con người lớn lên trong Thành phố nhỏ nhắn đã dệt gấm thêu hoa những giấc mơ, giấc mộng của mình.

Đó cũng là thời gian mà mỗi sớm tinh mơ, mỗi chiều, mỗi tối, tiếng chuông Linh Mụ vang xa trong không gian, truyền đi trên dòng sông để đến với từng căn nhà khép hờ hay đang đóng kín cửa.

Thời gian trôi đi ở đây lặng lẽ quá. Lặng lẽ đến độ không

còn cảm giác về thời gian. Một thứ thời gian không bóng hình, không màu sắc. Chỉ có cái chết của những người già, vào mùa đông giá rét, mới làm sực tỉnh và bỗng chốc nhận ra tiếng nói thì thầm của lăng miếu, bia mộ ở những vùng đồi núi chung quanh.

Trong không gian tĩnh mịch và mơ màng đó, thêm chìm đắm vào một khí hậu loáng thoáng liêu trai, người con gái ấy vẫn đi qua đều đặn mỗi ngày dưới hai hàng cây long não để đến trường. Đi đến trường mà đôi lúc dường như đi đến một nơi vô định. Định hướng mà không định hướng hẳn vì những bước chân ngày nào ấy dường như đang phiêu bồng trên một đám mây hoang lạc của giấc mơ.

Người con gái ấy đã đi qua một cây cầu bọc qua một dòng sông, qua những hàng long não, qua những mùa mưa nắng khắc nghiệt, để cuối cùng đến một nơi hò hẹn.

Hò hẹn nhưng không hứa hẹn một điều gì. Bởi vì trong không gian liêu trai ấy hứa hẹn chỉ một điều hoang đường. Giấc mơ liêu trai nào cũng sẽ không có thực và sẽ biến mất đi.

Người con gái đi qua những hàng cây long não bây giờ đã ở một nơi xa, đã có một đời sống khác. Tất cả chỉ còn là kỷ niệm. Kỷ niệm nào cũng đáng nhớ nhưng cứ phải quên. Người con gái ấy là Diễm của những ngày xưa.

Trịnh Công Sơn

II
Thư gởi Ngô Kha

Trịnh Công Sơn

Ngô Kha sinh năm 1935 tại Huế là bạn thân với nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, anh tốt nghiệp thủ khoa Khóa I Đại học Sư phạm Huế (1958 - 1959) và sau đó đi dạy học. Anh cùng với Trịnh Công Sơn, Trần Viết Ngạc, Lê Khắc Cầm, Chu Sơn, Thái Ngọc San chủ trương tập san **Tự Quyết**. Từ năm 1972, anh chủ trương tập san **Mặt trận văn hóa dân tộc miền Trung** do Thành ủy Huế chỉ đạo. Trong thời gian hoạt động trong phong trào đấu tranh đô thị miền Nam, Ngô Kha đã bị chính quyền Sài Gòn bắt giam ba lần vào các năm 1966, 1971 và lần cuối cùng bị thủ tiêu bí mật sau Hiệp định Paris, 1973. Hiện nay, Ngô Kha đã được nhà nước ta phong tặng Liệt sĩ. Hội văn hóa nghệ thuật Thừa Thiên Huế đã xuất bản tập **Thơ Ngô Kha** - gồm 3 tập thơ của anh xuất bản trước 1975: **Hoa cô độc, Ngụ ngôn của người đãng trí, Trường ca hòa bình.**

Thư gửi Ngô Kha là bài viết của Trịnh Công Sơn đã đăng trên tập san in ronéo tại miền Nam mà nay đã tuyệt bản, chúng tôi chọn in lại để chúng ta thấy được thái độ dấn thân của Trịnh Công Sơn trong những ngày tháng mà anh đã viết các ca khúc phản chiến nổi tiếng như **Kinh Việt Nam, Ta phải thấy mặt trời...**

Kha:

Trong những ngày tháng 10, với khí thế đấu tranh của nhân dân miền Nam chống lại mọi âm mưu tiêu diệt tự do tư tưởng, tự do báo chí v.v... anh em bỗng nhớ Kha vô cùng (...).

Lá thư nhận được sau cùng của Kha gửi từ Huế vào, mình còn nhớ một điều: Kha không chịu lánh mặt một thời gian dù đã bị hăm dọa. Mình đã suy nghĩ không ngừng về thái độ đó (...).

Cuối năm 1972 thì Kha bị bắt. Anh em loan tin rất nhanh và mình đã vội vã thảo bản tin nhờ một vài tờ báo anh em báo động giùm. Nhưng thật quá thất vọng vì bản tin đó bị xếp vào loại "Tự ý đục bỏ" và dù anh em có thương Kha cũng đành xin được "thông cảm" mà thôi. Mình về nhà quá nản lòng nhưng cũng cố gắng tìm phương cách khác. Cuối cùng đành liên lạc với một anh bạn làm cho hãng truyền hình NBC nhờ loan tin kêu cứu giùm với bên ngoài. Tin loan đi vào ngày hôm sau với đầy đủ tiểu sử, thân thế và quá trình tranh đấu của nhà thơ Ngô Kha. Từ đó về sau đã hỏi thăm bằng mọi cách nhưng tuyệt nhiên không thể nào biết chỗ giam giữ dịch xác của Kha.

Sau đó là giai đoạn mà anh em bi quan đến độ muốn ngã bệnh vì mỗi người tự thấy chỉ là một thùng hàng loại "nhẹ tay, dễ vỡ" mà thôi. Kha đã từng biết anh em luôn tâm niệm một điều: "Hãy biết chờ đợi và nuôi lớn hy vọng không ngừng", nhưng mỗi ngày qua đi, trong khi guồng máy cầm quyền càng lúc càng tinh xảo thì tập thể nhân dân mỗi giờ

phải mỗi hao mòn sinh lực bởi đói kém, sưu cao thuế nặng, đàn áp tinh thần, tù tội hay thủ tiêu v.v. Mình phải thu nhận về sự yếu kém của mình và sau đó đã rơi vào cơn khủng hoảng quá trầm trọng về tinh thần. Trong thời gian này có mấy nhà báo Nhật đưa mình đi khám bệnh ở bác sĩ quen với họ từ Nhật mới qua. Lời khuyên là nên tĩnh dưỡng ở chỗ ít tiếng động.

Mình quyết định về ngay thành phố của bọn mình. Những sinh hoạt trong thành phố giờ đây đã chìm xuống vắng lặng. Muốn gây dựng lại một vài sinh hoạt văn hóa nghệ thuật nhưng dự định bất thành. Anh em đã gặp nhau bàn tính về chuyện cho ra một giai phẩm để làm chỗ cắm dùi cho những cây bút lang thang nhưng đơn gửi đi và giấy mực buồn bã trở về với cái slogan dị hợm cũ kỹ này: "vì tình thế, vì tình hình". Bài vở đã viết xong đành được xếp lại một đống.

Rõ ràng là chúng ta chỉ còn lại một thứ tự do duy nhất: tự do câm miệng trong nhà tù trá hình.

Anh em gặp lại nhau và loay hoay bắt tay vào một vài công việc khác. Mục đích của anh em là cố gắng tạo lại sinh khí cho thành phố bằng mọi cách. Vá lại mỗi người đều tự nhận thấy là mình đã quá vô ích trong một thời gian khá dài. Điều đó làm cho anh em hoảng hốt nhiều hơn cả.

Quyết định xong là làm việc ngay. Công việc chỉ mới bắt đầu thì cái bọn "công an mật vụ trí thức" lên tiếng xầm xì bàn tán rồi. Bọn nó chụp một vài cái mũ loại chính quyền

hay dùng cho những người đối lập để thân ái tửi tặng anh em. Thế là những khó khăn chuẩn bị áo mũ lên đường. Không cần nói ra Kha cũng đoán biết bọn đó gồm những ai rồi. Chúng nó đủ mọi thành phần nhưng thường là những kẻ chiếm ưu thế trong xã hội. Những tên "trí thức mật vụ" đó, đau đớn thay, một phần đang nắm vận mệnh giáo dục trong tay. Nguy hiểm hơn nữa là giọng lưỡi dẫn dộn của bọn nó ve vuốt được một số đông học sinh ngây thơ trong thành phố. Kha có còn nhớ trước đây có lần mình đã là nạn nhân của một tên điếm chỉ trong bọn nó không. Thành phố vốn buồn thiu, qua sự hiện diện của bọn chúng lại còn xấu xí hơn nữa. Và có sự thật này vừa được phát giác là số công an chìm trong thành phố trước đây đã quá đông đảo nay được sự tiếp sức không công của bọn chúng bỗng trở thành một lực lượng hùng hậu đến độ hãi hùng. Cái màng lưới dày đặc đó muốn kiểm soát toàn bộ tư tưởng và hành vi của từng cá nhân thị xã, nhất là những cá nhân, mà theo luận cứ ngây ngô và buồn cười của bọn chúng thường gọi là bất hảo và không xứng đáng. Chúng nó đâu ngờ rằng từ lâu chúng ta đã bầu chúng làm những công dân xứng đáng nhất của quốc gia rồi mà!

Trở lại các vụ "rắp tăm bắn sẻ" bên trên sau khi tung ra những mớn ám khí tối độc thì hậu quả là công an đến từng nhà của anh em để điều tra và cho đến nay tình trạng đó vẫn chưa chấm dứt. Dù vậy, công việc không vì thế mà khựng lại vì anh em đều nghĩ rằng thiện chí của anh em đáng được duy trì và công tác văn hóa là một công tác tốt đẹp.

Đã thấy là tốt đẹp thì tiếp tục. Từ thái độ chung này mình bỗng nhớ lại thái độ của Kha trước ngày bị bắt và dù ít dù nhiều chúng ta đã có những điểm tương đồng.

Khi cầm bút viết bức thư này cho Kha mình hoàn toàn không có dụng ý nói dài dòng về tình trạng trên đây, nhưng cái tâm sự u uất trong mỗi người chúng ta nhiều khi kềm hãmkhông nổi...

Hôm nay những thành thị miền Nam đang vươn vai đứng dậy. Trời đất được cơ hội thoát ra không khí ô nhiễm để thở bằng sinh lực mới cùng tập thể nhân dân yêu nước, yêu hòa bình và tự do. Phải chăng hồi chuông báo tử đã được gióng lên để những gì cần phải tàn tạ hãy tàn tạ nhanh chóng. Khi con người nhận thấy mình không còn gì để bóc lột và tước đoạt thêm thì đứng dậy và lên đường. Đó là điều dĩ nhiên. Chỉ có kẻ mù mới không nhìn ra sự thật đó. Nếu cần phải ngạc nhiên tự hỏi sao vận hội mới của nhân dân trễ nải quá vậy. Trễ đến như vậy có nghĩa là sự chuẩn bị đã chu đáo lắm rồi. - Không hiểu sau những bức tường tối tăm của một nhà giam nào đó Kha có nghe ra những tiếng thét bi hùng của nhân dân? Có lẽ Kha không ngờ nổi là không riêng gì những đoàn thể tôn giáo, những tập thể nhân dân trên mọi lãnh vực như văn hóa, báo chí, tư pháp, tiểu thương, lao động v.v...và ngay cả trong hàng ngũ quân nhân, công an, và cảnh sát cũng từng giờ phút nóng lòng chờ đợi. Đây đúng là lúc chúng ta có thể dùng được cái từ ngữ này mà không bị cho là xuyên tạc chút nào: "Triệu người như một". Đúng là triệu người như một không thêm bớt gì được

nữa. Mình biết được những nao nức như bờm ngựa bất kham trong Kha. Nếu tin tức bên ngoài đến kịp, có lẽ giờ đây trong lòng Kha đang mở hội không chừng. Hãy cố gắng trấn tĩnh, đừng quá nôn nóng như ngày xưa, nhưng nếu trái tim Kha đã muốn nhảy những nhịp điệu bất thường thì hãng để cho nó reo ca đôi chút. Nếu có vài trái tim bên cạnh Kha còn tăm tối quá thì thử chuyển cái nhịp điệu vui tươi kia sang giùm. Hãy nhóm lửa cho nhau và chờ đợi. Ở bên ngoài những vòng xích anh em đang cố gắng nối lại với nhau. Cuộc tranh đấu hôm nay của nhân dân trên mọi thành thị miền Nam không giống như những cuộc tranh đấu đã qua. Chắc chắn không phải là ngọn lửa bộc phát để mau tàn tạ. Cái nhịp độ đầy dẫn do, trầm tĩnh trong từng bước một làm mình an tâm lắm. Vả chăng lúc này không tin tưởng vào thế lực và sức mạnh của nhân dân thì có lẽ chúng ta không còn cơ hội tốt đẹp nào hơn để tin tưởng nữa. Này nhé, chỉ trong vòng hai năm, thời gian Kha nằm tù, tất cả mọi lãnh vực kinh tế, chính trị, xã hội và giáo dục đã rơi xuống một tình trạng quá thảm thương. Mọi sự gắng gượng đều vô ích. Hoàn toàn là không cứu vãn được gì nữa. Trên chiếc máy thời tiết, tất cả mọi phương diện từ tinh thần đến vật chất như tự do, cơm áo, dân chủ đều được trả về với số "0". Kiêng những vùng ngoại ô thì tệ hại hơn nữa vì đa số dân chúng đều coi như con số "0" trên kia là một tình trạng khả quan đối với họ. Họ là những kẻ chỉ còn chờ sự hủy diệt sau cùng vì chiếc kim đời sống họ đang muốn chạy nước rút về phía cực âm; (-) cơm áo, (-) trú ẩn, (-) công ăn việc làm. Có lẽ, không nên lắm. Vả chăng lúc này không tin tưởng vào thế lực và sức mạnh của nhân dân thì có lẽ chúng ta không còn cơ hội tốt đẹp nào hơn để tin tưởng nữa. Này nhé, chỉ trong vòng hai năm, thời gian Kha nằm tù, tất cả mọi lãnh vực kinh tế, chính trị, xã hội và giáo dục đã rơi xuống một tình trạng quá thảm thương. Mọi sự gắng gượng đều vô ích. Hoàn toàn là không cứu vãn được gì nữa. Trên chiếc máy thời tiết, tất cả mọi phương diện từ tinh thần đến vật chất như tự do, cơm áo, dân chủ đều được trả về với số "0". Kiêng những vùng ngoại ô thì tệ hại hơn nữa vì đa số dân chúng đều coi như con số "0" trên kia là một tình trạng khả quan đối với họ. Họ là những kẻ chỉ còn chờ sự hủy diệt sau cùng vì chiếc kim đời sống họ đang muốn chạy nước rút về phía cực âm; (-) cơm áo, (-) trú ẩn, (-) công ăn việc làm. Có lẽ, không nên

nhắc thêm những chữ tự do, dân chủ đối với họ vì đó là những món xa xỉ suốt đời không có cơ hội dùng đến nhất là trong giai đoạn mà bao tử đang làm một cuộc thi đua không hào hứng về giải "oscar de la faim" - Họ không phải là những triết gia nhưng cái cuộc đời họ là một chủ thuyết hư vô từ trong ra ngoài.

Từ những năm trước chúng ta chờ đợi những gì? Chắc Kha còn nhớ rõ là chúng ta thường nói với nhau phải chờ một ngày mà mỗi sự kiện tình thế phải là một trái cây chín muồi. Hôm nay phải chăng những trái cây chờ mong đã chín tới. Những trái cây đói khổ, chết chóc, thất nghiệp, ruộng vườn v.v. được hỗ trợ bởi một hoàn cảnh xã hội rách nát, bè phái, tham nhũng, chia rẽ, tù tội, tra tấn... Như thế thì Kha này, có phải là một vận hội mới đã đến lúc phải thành hình hay không?

Mặc dù không ai nói với ai nhưng mình tin rằng mọi người đang nghĩ như thế. Đây là lần đầu tiên mình thấy được những tôn giáo đã bỏ qua những dị biệt để đứng cùng nhau trong một hàng ngũ, những thành phần rất khác biệt, cũng phát thanh cùng một nguyện vọng. Chưa biết sẽ đi đến đâu nhưng nhìn qua cái khối vững vàng đầy tình nghĩa anh em như thế cũng đủ cảm động rồi. Và cái điều mình mơ ước bấy lâu, cái nền tảng của mọi sự xây dựng lâu dài cho hòa bình, tự do, giờ đây đang thành tựu từng phần trên đất nước. Đó là đang cái "lương tâm tập thể", một viên ngọc quý giá đã được làm bằng xương máu và sự tranh đấu liên tục của nhân dân.

Kha này,

Nếu không cho là ủy mị quá thì có lẽ phải khóc được trước hình ảnh đẹp đẽ kia và trước viễn ảnh mà "lương tâm tập thể" sẽ mang đến.

Từ 1963 đến giờ đã trải qua bao nhiêu cuộc đấu tranh, lớn có nhỏ có, nhưng chỉ có lúc này mình mới thấy được sự nhất trí từ mọi phía của quần chúng (Dĩ nhiên là trong sự nhất trí đó hoàn toàn không có sự đóng góp của chính quyền). Và cũng vì một tập thể đồng nhất quá to lớn như thế nên vấn đề tổ chức cơ cấu càng phải cẩn mật và chặt chẽ hơn thêm. Từ đó, như mình đã nói với Kha ở trên, đừng nên nôn nóng quá vì tập thể sẽ đi rất chậm nhưng là sự chậm rãi dũng mãnh của ngọn sóng thần đang góp thêm những con sóng nhỏ để đẩy đi uy thế quét sạch sẽ mặt đất ô uế chúng ta đang sống hôm nay. Không nhắc đến thì thôi, mỗi lần nhắc lại thì trái tim như bốc lửa. Phải tự trấn an lắm mới khỏi có những cử chỉ hoặc hành động thái quá. Trong lúc này không ai có quyền bốc đồng tự tạo lấy sự dấn thân có tính cách cá nhân nữa. Mỗi ước muốn hợp tác phải có nghĩa là hợp tác trên cơ sở tinh thần mà nhân dân đã và đang tiếp tục hình thành cách quy mô trên khắp các đô thị miền Nam. Mỗi một vụ xé rào phải được xem như có ý phá hoại tập thể. Chính vì tính cách trầm trọng đó mà cái lưới công an đang được sử dụng tinh vi hơn để kịp thời cắt lìa những đầu mối có thể nối liền với tập thể. Đây là một cuộc đấu tranh có tính cách dứt điểm buộc mỗi người phải cẩn trọng và ý thức sáng suốt về chỗ đứng của mình.

Chính quyền một mặt đang chơi trò "thả nổi tình thế" để tạo sự hoang mang trong quần chúng, mặt khác dùng mục tiêu đấu tranh của nhân dân làm mục tiêu của mình để vô hiệu hóa ý nghĩa của sự chống đối. Nhưng Kha này, sự quỷ quyệt đó không che giấu được ai đâu.

Chống tham nhũng, đòi hòa hợp hòa giải dân tộc v.v. chỉ là những cái cớ tiên khởi để từ đó nhân dân tự cứu mình ra khỏi nanh vuốt độc tài của một chánh sách hiếu chiến và phi dân tộc mà thôi. Nhân dân đã ý thức từ lâu về thân phận của mình, ngày qua tháng lại cũng chỉ là nạn nhân của bóc lột và phỉnh phờ. Ngày nào họ chưa lên tiếng chống đối, ngày đó họ vẫn còn là cơ hội tốt, để đóng góp thêm xương máu của chính họ và của con cái họ, vẫn còn là cái bình phong tốt để tập đoàn cai trị kia nhận tiền viện trợ Mỹ để chia nhau. Trên bao nhiêu thông báo, tuyên cáo, phản kháng thư của tháng 10 này, tiếc rằng Kha không đọc được, bao nhiêu tội ác của nhà cầm quyền đã được bày biện đầy đủ cho nhân dân xem cả rồi. Nên, điều chắc chắn là đồng bào ta không dễ gì bị gạt. Vấn đề còn lại chỉ là thời gian.

Có lẽ Kha sẽ có buồn đôi chút vì không thể góp tiếng cùng anh em trong giai đoạn này nhưng Kha nên nghĩ lại, mỗi chỗ đứng đều có ý nghĩa của nó trong cuộc đấu tranh chung để dành lại hòa bình và tự do cho dân tộc.

Trong thời gian không thể trực tiếp góp mặt trong cuộc đấu tranh mới mẻ này Kha thử phác họa lại những nền tảng đẹp đẽ cho một đời sống mới trong đó, đời sống con người

sẽ xanh tươi như cây cỏ của quê hương, sẽ đi đứng cười nói thong dong không còn sợ hãi, tóm lại, sẽ được phục hồi xứng đáng trong thiên chức làm người.

Lòng đang quá xôn xao bởi tiếng nói đấu tranh đang vang lên trên khắp mọi đô thị miền Nam, mình không đủ trầm tĩnh để viết cho Kha dài hơn nữa. Mong Kha hiểu cho và xin hẹn gặp nhau như những tiếng pháo mừng rỡ trong những ngày linh thiêng sắp đến.

Thân ái và hy vọng

1974

Trịnh Công Sơn [1]

(Trích lại từ RỚI LỆ RU NGƯỜI
Nhà xuất bản Phụ Nữ, HN. 2001 trang 26-35)

---

(1) Đọc lá thư này tôi bắt gặp nhiều từ, nhiều ý tưởng chính trị mạnh mẽ ít khi thấy nhạc sĩ Trịnh Công Sơn nói hay viết ở những nơi khác nên tôi hơi ngờ về tác giả lá thư. Tuy nhiên cho đến nay tôi chưa có tư liệu để chứng minh ngược lại cho nên tôi vẫn xin đưa vào phần Phụ lục để minh hoạ cho tình bạn giữa Trịnh Công Sơn và Ngô Kha vậy. NĐX

III
Nam Thạch Hãn
Những ngày đầu tháng ba

Trịnh Công Sơn

3 tháng 3-1978,

6 giờ. Đường ra Thạch Hãn sương mù dày đặc. Đường sương, ruộng sương, cầu sương, sông nước cũng sương. Xe bật đèn. Những con mắt vàng mở to trong sương sớm. Hai bên đường loáng thoáng bóng người rải sắn lát, chờ sương tan để nắng lên hong khô. Chiếc xe jeep không thể chạy nhanh, nhưng gió ngược cũng đủ làm tóc rối bù.

7 giờ. Sương mỏng dần. Bóng núi, bóng ruộng lại hiện ra. Những con đường nối liền những thành phố, thị trấn, quận lỵ, nơi nào cũng hao hao giống nhau trên đất nước này. Ra Thạch Hãn thấy sương mường tượng con đường lên Tây Nguyên. Nhớ sương trên đường Bảo Lộc, Di Linh, Phi Nôm, Đơn Dương đi ngày còn trẻ. Sương tháng ba miền Trung, nhớ sương mỏng nhẹ nhàng mùa xuân đất Bắc. Con đường này, ruộng lúa, bóng núi này cũng phả vào hồn những tình cảm đoan trang, thanh thoát tựa như có lần mở lòng mình đón nhận cái khí xuân trên con đường đi chùa Thầy, chùa Tây Phương rồi vụt thẳng lên Sơn Tây. Những con đường về miền Đông, miền Tây Nam Bộ cũng thế, duy chỉ có thiếu cái bóng núi chập chùng ở nơi đây.

7 giờ 30'. Xe rẽ vào con đường đất đỏ sát hông chợ Quảng Trị. So với năm ngoái, năm nay chợ đã phình ra thêm một đoạn. Thực phẩm đầy ắp, xanh tươi. Người đứng, kẻ ngồi, đi đi lại lại. Xe vượt qua. Tiếng động nằm sau lưng. Phía trước đã thấy hiện ra một chấm đỏ lưng chừng trời, ở trên đồi cao. Đến gần, chấm đỏ biến thành lá cờ bay bay như bàn tay vẫy dẫn lối. Xin mời về phía này. Xe rẽ sang phải, leo dốc ngắn. Thêm dăm bảy lá cờ. Lên đến đầu dốc, một rừng cờ đỏ rực trên một rừng người đã đứng thành đội ngũ chỉnh tề như một khối bêtông vững chắc. Trên từng tấm biểu ngữ ai cũng có thể đọc được: "Công trình đại thủy nông Nam Sông Thạch Hãn". Nghe như thơ. Ở những biểu ngữ khác: "Lễ xuất quân của sư đoàn Kiến Giang 1". Trong quá trình kháng chiến chống xâm lược Mỹ, lịch sử của sư đoàn này dày như một thành trì bất khuất đầy chiến tích anh hùng. Và cuối cùng hai câu thơ động viên khí thế ra quân: "Xẻ núi ngăn sông xây dựng nước. Tuổi trẻ đua tài quyết lập công". Hàng chữ kẻ to trên tấm biểu ngữ đỏ chói. Giòng chữ này được thu nhỏ lại trên những dải giấy trắng trên mũ, trên nón của mỗi người công nhân, cán bộ như một lời nhắc nhở.

9 giờ. Sau phần nghi thức, diễn văn, pháo nổ báo hiệu giờ kéo quân ra hiện trường. Nhạc nổi lên từ chiếc loa bắc trên cao. "Quảng Bình quê ta ơi". Khối người rung rinh tỏa ra từng đại đội mang một tên riêng, kéo qua khán đài rồi chảy về một con đường đất đỏ. "Nếu ai hỏi vì sao quê hương chúng ta nhiều ngói mới..." Nếu ai hỏi vì sao...? Đã nhiều

câu hỏi như thế mọc lên cùng với nỗi ngạc nhiên của nhân loại trong thời kỳ bom đạn Mỹ rải thảm nơi này. Trong mỗi tấc đất đều chằng chịt vết thương. Thiên nhiên cùng xóm làng đều nằm rạp xuống thành mặt phẳng, chỉ có con người đã bền vững đứng lên. Những con người ấy hôm nay lại có mặt ở nơi này để lao vào trận mới. Nếu ai hỏi vì sao? Có lẽ chẳng phải hỏi gì nhiều mà chỉ thử cố gắng có mặt ở những giờ phút này thì sẽ hiểu vì sao. Tôi không còn ngạc nhiên vì sao giờ ra quân lại cho chạy băng bài hát này thay vì một hành khúc mạnh mẽ hơn. Tiếng hát dìu dặt, ân sâu nghĩa nặng với đất này cứ đẩy tình cảm con người lên cao mãi như thủy triều dâng. Sức mạnh hóa ra cũng có trong sự đằm thắm của tình yêu nữa. Đoàn người cứ trôi đi, trôi đi trong tiếng hát. Những khuôn mặt trai trẻ rám nắng, những khuôn mặt gái hồng da nâu, cứ mờ đi rồi sáng lại trước mặt. Thuốn dài, cuốc xẻng trên vai, xe cút kít thô sơ bánh gỗ. Đòn gánh, gióng và rổ tre. Đầm đơn, đầm đôi cũ kỹ. Băng ca tràng tre đan... Đại đội nào cũng chỉ được trang bị từng ấy. Trên công trường Nam Thạch Hãn này còn có lực lượng cơ giới nữa, nhưng nhìn đoàn quân này ra trận, tôi càng thấy rõ quyết tâm dời non lấp biển của dân tộc ta. Đoàn quân chân đất khuôn mặt hiền từ nhưng thách đố. Mỗi bàn chân có năm ngón. Mười ngón chân bám chặt mặt đất như những câu móc bằng thép nguội. Không gì gỡ ra nổi. Những bàn chân bỗng chốc dạy cho tôi biết vì sao mặt đất quê hương này không bao giờ mất được. Những ngón chân rễ cây đại ngàn đã cắm sâu vào lòng đất nước. Cái hình

thù thô tháp của mỗi bàn chân bỗng mang riêng vẻ đẹp của khối hình điêu khắc chưa gọt đẽo. Nó chắc nịch và mạnh khỏe như được lấy ra từ những khối đá nguyên thủy. Những bàn chân, những bắp chân. Những bàn tay, những bờ vai, những khuôn mặt. Những khuôn mặt của chị, của em, của người tình. Nếu có ai hỏi vì sao... Nhìn sang các bạn bên phải, mặt ai cũng thoáng vẻ trầm ngâm. Nhìn sang bên trái bắt gặp một bác đại diện xã, tuổi ngoài sáu mươi. Trên mũ bác cũng có băng giấy mang dòng chữ: "Xẻ núi ngăn sông xây dựng nước. Tuổi trẻ đua tài quyết lập công". Có thể bác cảm thấy mình chưa già hoặc bác đang nhớ lại cái thời trẻ trung đã qua đi. Sau đôi kính, hai con mắt bác đẫm ướt sương mù. Buổi ra quân không phải ngậm ngùi đâu nhưng bởi lòng yêu thương nhau, yêu thương những con người trước mặt đã khiến mỗi người không còn tự chủ nổi. Nếu ai hỏi vì sao... Vì sao anh và tôi và bác đại diện xã có thể khóc dễ dàng trước những điều đơn giản như thế? Đơn giản như từng bộ áo quần nâu, như những khí cụ thô sơ, như những bàn chân trần quyết không lìa mặt đất quê hương này. Đơn giản mà lẫm liệt bên trong mỗi lòng ngực thanh xuân một trái tim rực lửa tình yêu. Yêu người. Yêu đời. Và vì quá yêu con người nên mỗi bàn tay, bàn chân kia muốn nước phải reo nhanh trong ruộng lúa, muốn dưới những mái nhà có những bữa cơm no.

10 giờ 30. Quanh hiện trường là đồi núi nhấp nhô. Những mặt hồ bất ngờ nằm lặng lẽ. Lau tháng ba chưa cao, màu trắng nhạt. Mặt trời hiện ra. Trời trong vắt. Mặt hồ có

thêm trái tim hồng. Hơn bốn nghìn người đứng theo đội hình ở thế tiến công. Từ đỉnh đồi rải xuống tận chân đồi. Dưới những chiếc nón con gái chỉ còn đôi mắt. Những tấm khăn ô vuông, hoặc màu trắng ngà đã che khuất phần mũi miệng. Những con mắt một mí, những con mắt hai mí. Những con mắt to ngơ ngác hiền từ. Những con mắt nhỏ khôn ngoan, tinh nghịch.

Bỗng từ các loa vang lên tiếng hô xuất quân. Pháo nổ râm ran, dòn dã. Xa hơn, các cột mìn nổ ì ầm nao nức. Đội hình xao động, rã nhanh và biến thành tốc độ. Đội nữ gánh đất từ đồi cao lao xuống nhanh như những cánh hải âu vụt xuống mặt sông. Tiếng trống tùng, tùng tùng, tùng thúc giục. Tiếng còi ríu rít như tiếng chim chiền chiện reo trong lúa. Rừng cuốc đưa lên bổ xuống nhịp nhàng. Xe cút kít lan nhanh lóc cóc trên mặt đất khập khễnh. Cờ đỏ bay lao xao như chào mừng. Đội văn công cất tiếng hát, tiếng đàn để đốc thúc bàn tay bàn chân. Đầm đơn đầm đôi rập ràng nện chặt bờ đập mới nhú. Tiếng đập nhịp nhàng đến độ muốn khơi dậy một tiếng hò nện đã quen. Nước ứa ra ở đoạn thấp của con kênh dự trù. Một tốp nữ tát nước ra ngoài, đều tay như múa. Hiện trường bỗng chốc mang cái khí hậu của một sân khấu rộng rãi ngoài trời, màu đất đỏ non tươi làm nền cho một đại vũ khúc mang tên "công trình đại thủy nông Nam Sông Thạch Hãn". Nửa giờ đã trôi qua mà nhịp độ của thao tác vẫn không thay đổi. Những đội hình di chuyển vẫn đang dệt chéo nhau bằng những vận tốc chóng mặt. Những tấm khăn che mặt được bật xuống để thấm mồ

hôi. Màu non tươi của đất đỏ đã về đậu trên môi, má của đội nữ gánh đất. Mặt nào cũng bỗng đáng yêu, bỗng trở thành vẻ đẹp. Sức khỏe nào đang reo ca trong những cánh tay, bờ vai, thân người và đôi chân rắn chắc đó. Cái thế lực đã thắp cho đôi mắt sáng hơn và còn muốn truyền sang cho mọi người cùng khỏe. Cái thế lực tươi tắn của một đất nước ở buổi bình minh của công cuộc xây dựng. Đồi cao đã phải nhượng mình trước sức người để chẻ lòng mình ra thành kênh dẫn nước.

4 tháng 3.

Qua hết công trường Lệ Ninh đến công trường Triệu Hải. Múi nối giữa Lệ Ninh và Triệu Hải do 150 sĩ quan học tập cải tạo làm. Các công trường nối liền nhau bằng đồi cao và đồng thấp. Hết Triệu Hải đến Hương Điền, rồi Bến Hải và kết thúc ở đầu mối là Công ty 6. Từ xóm Đá đứng ở đầu mối này nhìn sang bên kia sông là công trường 186 do bộ đội đảm nhiệm. Mỗi công trường mang một vẻ mặt khác nhau. Cái phong cách lao động tưởng chừng đơn điệu không ngờ lại đa dang đến thế. Đứng ở Lệ Ninh nghe tiếng trống Ninh Châu, tiếng còi ríu rít thúc giục bàn tay bàn chân không lời nhịp khẩn trương. Qua Triệu Hải dốc lài xuống đồng thấp, cái tiết nhịp và bộ điệu con người đã khác đi. Như một dòng nhạc chuyển điệu không ngừng, và cứ thế cái tiết tấu chung chuyển theo từ công trường này qua công trường khác. Dưới những nhát cuốc dưới những cái đầm đập đất đã loáng thoáng thấy cái hình thù của một con kênh sắp hiện. Đã nghe ra tiếng xôn xao của một

dòng nước chảy qua. Đi qua sau công trường giữa nắng cháy cũng là đi hết chiều dài của con kênh. Đứng trước con kênh sắp đầu thai vì lợi ích của con người nhớ những kênh đào năm xưa. Những con kênh Bắc Trung Nam đã bao nhiêu lần để buộc đất phải chế lòng mình thành cành nhánh, nối liền mạch sống của đời. Trên những con kênh xưa ghe thuyền đã quen lối. Trên con kênh này, mai đây thuyền cũng sẽ về bãi đậu. Có nhiều bờ kênh xưa đã mọc lên nhà cửa và đời sống thiết lập để con người cùng lớn lên và cùng vui buồn với tuổi con kênh. Đứng ở đầu mối công trường, nhìn dòng sông Thạch Hãn chạy quanh một co đất có xóm nhà ở, thấy dòng sông vô tư và hồn nhiên trên dòng mạch cũ. Dòng nước ấy chưa hề biết đến cái số phận mới mẻ mà con người sắp lựa chọn cho mình. Một cái đập sẽ được chắn ngang khúc sông ấy để chuyển dòng nước chảy về giữa lòng xóm nhà kia. Xóm nhà rồi sẽ được khôi phục ở vùng đất mới. Những nề nếp cũ đang được sắp xếp lại trong một trật tự khác phù hợp với lợi ích chung của con người. Bên hông những công trường này, đằng sau những cánh đồi nhấp nhô trùng điệp là con đường tiếp liệu phục vụ sắt thép và xi măng cho toàn bộ công trình. Con đường dài 12 cây số ấy là mạch máu chính để nuôi các công trường lớn nhanh và sớm hoàn thành nhiệm vụ. Cái vùng đất này đang thay da đổi thịt hằng ngày.

Năm sau trở lại nơi này chắc chắn sẽ không thể tìm ra cái khuôn mặt cũ. Đào một con kênh, khơi một dòng nước là hoán đổi toàn bộ cục diện của thiên nhiên và đời sống

của con người. Mai đây, con kênh sẽ góp mặt với đời làm giàu có thêm cái dòng họ kênh đào trên khắp đất nước. Các làng mạc mới cũng từ đó thành hình và sẽ lớn lên. Con kênh này sẽ kêu gọi những con kênh khác ra đời. Kênh chị, kênh em sẽ mọc lên cùng khắp để góp phần lợi ích của mình cho những con người mới trong một thời đại mang tên Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Điểm đáng nói ở những công trường này, hoặc những công trường khác trên khắp đất nước, không chỉ là sự lợi ích đa dạng của con kênh về các mặt thủy lợi, thông điện, thủy sản, lâm sản v.v. mà qua những công trường ấy, chúng ta dễ nhận ra cái triết lý sâu sắc của những sức người bền bỉ. Trong chiến tranh, dân ta ăn môn vót trên rừng để triết lý với giặc bằng cây súng. Giữa mùa xây dựng này cũng những con người ấy triết lý với đồi cao, với đất cứng bằng cái cuốc cái đầm. Một thứ triết lý đơn giản mà đáng kính đáng yêu biết bao để làm nên sự sống.

Rời công trường, hình ảnh một con kênh nước xanh như ngọc lại thoáng hiện trong trí óc rồi nhường chỗ cho một nỗi nhớ khôn nguôi những con người đang pha lẫn mồ hôi mình cùng với biết bao nhiêu điều kỳ lạ còn mọc lên nơi đây.

Tháng 3 năm 1979.

(Tập san Văn Nghệ, BTT, số 9/7.1978)

IV
Vài kỷ niệm với Trịnh Công Sơn

Bài hát Hương Trầm mà ca sĩ Ân Nam trình bày trong ngày tưởng niệm 49 ngày mất của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn do nhà Văn hóa Trung Tâm tỉnh Khánh Hòa tổ chức là một chút lòng riêng của tôi gửi đến một người bạn đã mất cũng là lòng thương mến của người dân Nha Trang nói riêng thắp lên một nén hương thơm để nhớ đến một nhạc sĩ tài hoa đã để lại một gia tài âm nhạc lớn lao trong kho tàng âm nhạc Việt Nam và trong tâm hồn những người yêu nhạc Trịnh Công Sơn.

Tôi biết anh Trịnh Công Sơn từ thời học cùng trường Providence Huế, niên khóa từ 1955-1959. Sau đó tôi chuyển qua chương trình Việt và tiếp tục học ở trường Quốc Học. Bẵng đi một thời gian, đến năm 1962 thi vào trường Sư phạm Quy Nhơn, khóa I chúng tôi lại gặp nhau ở đây và cùng thuê chung một phòng trọ, diện tích khoảng $9m^2$ đủ kê 3 chiếc giường cá nhân chung quanh, một cái bàn nhỏ ở giữa và một cái tủ gương đặt sát cửa ra vào. Anh Sơn nằm một cái giường sắt lò xo quân đội, có nệm và một cái mùng lính đã cũ luôn ở trong tư thế treo cố định thường xuyên thụng căng ra vì chứa nhiều thứ lỉnh kỉnh bên trên như sách vở, giấy nhạc, bản thảo, kể cả cái đàn thùng tương đối nặng.

Chủ nhân của căn phòng trọ này là hai vợ chồng già ở với một người con gái đã lớn tuổi, làm nghề hớt tóc, có mở quán ở trước mặt căn nhà số 12 Mai Xuân Thưởng Quy Nhơn.

Đa số giáo sinh vào đây (khóa 2 năm và khóa cấp tốc) đều là người Huế nên phong thái, giọng nói cách cư xử có hơi khác với người dân tộc địa phương, ngoài ra lại quy tụ được nhiều nhân tài trong lãnh vực Văn nghệ nên bộ mặt Quy Nhơn lúc đó như có một luồng gió mới trong sinh hoạt văn hóa xã hội gây sự chú ý của mọi người, như cây guitare Thanh Hải, tay trống Ngọc Thùy là cặp bài trùng của ban kích động nhạc thường khuấy động trong các snack-bar và night-club hằng đêm, Hồ Ngọc Dạn với lớp hạ-uy-cầm Aloha, cây violon Trương Văn Thanh - Tấu hài Ngọc Vinh và các giọng ca tương đối nổi tiếng như Phan Thị Thăng, Hồng Vân, Lê Thị Ngọc Trinh, La Quang Thanh ...

Có lẽ nhờ vào không khí của các bạn bè chung quanh cộng với những bức xúc riêng của cuộc sống, nỗi buồn cố hữu của mình, phần nào đó đã kích thích anh sáng tác ngày một nhiều. Anh viết ca khúc dễ dàng như anh viết nhật ký. Một ca khúc là một trang nhật ký viết về đời mình bao gồm những tình cảm, ưu tư, nỗi vui buồn cùng hòa quyện với màu sắc, hình ảnh của cuộc sống đời thường hằng ngày, những cảm nhận trên từng bước chân, từng câu pha trò hóm hỉnh bên tách cà phê, sau những nụ cười hồn nhiên hắt lên từng chặp, với những ngón tay vàng vì khói thuốc Ruby queen, những ngày đạp xe hai buổi đến trường theo con

đường đất dọc bờ biển đầy gió bụi và tiếng động cơ ì ầm lên xuống của các loại máy bay quân sự gây vang động cả một vùng "khu 6".

Còn nhớ những đêm thức giấc lắng nghe anh khẽ hát đoạn điệp khúc: "Gió heo may đã về...", những lúc ngồi đợi anh chép bài hát vừa mới thảo xong bằng cây thước kẻ học trò và ngòi viết lá tre chấm mực Tàu. Những buổi chiều đạp xe ngang qua loa phòng thông tin nghe Phan Thị Thăng hát bài "Tiếng hát dạ lan". Những lúc một mình ngồi nghe anh hát những bài mới Biển nhớ, Diễm xưa, Nguyệt ca, Nắng thủy tinh ... Nhớ những đêm vắng tập trung ra trước hiên nhà nhờ anh tập nháy những điệu hepop-cha cha cha - Tango. Nhìn anh bước cha cha cha gọn gàng, thoăn thoắt, bước đi nhẹ như chim, điệu bộ thật thuần thục và hơi "đểu" tức cười" khó có người bắt chước được.

Những ngày chuẩn bị chương trình đại nhạc hội. Trường Sư Phạm như rộn ràng hẳn lên, nhóm kịch, nhóm múa, nhóm hát, nhóm đàn. Mỗi góc, mỗi phòng đâu đâu cũng sôi nổi tập tành. Riêng nhóm hợp xướng của anh Trịnh Công Sơn là đông nhất với bài Trường Ca: "Dã Tràng Ca". Sau này khi được mời cộng tác với Viện Đại học cộng đồng duyên hải Nha Trang năm 1973 tôi đã có dịp dựng lại bài Trường Ca này, nhân dịp lễ trao bằng tốt nghiệp, lúc này tôi thay anh Sơn làm nhạc trưởng và dĩ nhiên tác giả bài hát này làm khán giả danh dự của Trường. Đêm lửa trại cũng là đêm không ngủ ở đồi Đại Hàn Đồng Để Nha Trang

là đêm nhiều kỷ niệm không bao giờ quên của tất cả sinh viên. Đêm giao lưu tình cảm giữa thầy và trò, giữa các văn nghệ sĩ lớn với sinh viên Duyên hải Nha Trang với bài hát lửa trại "Em có bằng lòng" của anh Trịnh Công Sơn. Những khuôn mặt thân quen như nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, Họa sĩ Đinh Cường. nhà văn Bửu Ý, điêu khắc Gia Lê Thành Nhơn, thầy trưởng phòng sinh viên cụ Trương Hồng Sơn, thầy viện trưởng Trần Ngọc Lợi ...

Bây giờ tất cả đã đi qua, tất cả đã thành dĩ vãng, cát bụi đã trở về cát bụi, tình đã đi xa, tất cả chỉ còn là kỷ niệm, mọi sự trôi qua như một giấc chiêm bao, nhưng hình ảnh anh, cảm tình của anh, lời nói, chữ viết của anh vẫn còn đọng mãi trong tâm hồn của những người thân quen. Những lời ca, những tâm tình của anh vẫn còn vang vẳng mãi với thời gian, trong trái tim mỗi người, có lẽ điều quan trọng nhất mà anh đã toại nguyện trong cuộc đời này là "Ta đã thấy mặt trời", đã thấy quê hương hòa bình, đã thấy vòng tay lớn nối lại, đã thấy những gì anh muốn thấy.

Giờ đây chúng tôi cầu mong anh "đã thấy bóng Thiên đường cuối trời thênh thang".

Phan Văn Bình
122 Khóm Quốc Tuấn
Phước Tân-Nha Trang.

V
Phác thảo chân dung tôi

Trịnh Công Sơn

SOI GƯƠNG

Mỗi sáng nhìn vào mặt gương soi lại thấy thêm rất nhiều những sợi tóc bạc. Nhẩm tính mới biết mình đã đi qua đời sống này trên bốn mươi năm, trong đó có hơn hai mươi năm dành cho âm nhạc.

Thuở ấy tôi là một đứa bé thích ca hát. Mười tuổi biết solfège, chép lại những bài hát yêu thích đóng thành tập, chơi đàn măngđôlin và sáo trúc. Mười hai tuổi có cây đàn ghita đầu tiên trong đời và từ đó sử dụng ghita như một phương tiện quen thuộc để đệm cho chính mình hát. Có một thời gian chuyển sang chơi cả ghita Hạ-uy-di rồi bỏ dở.

Tôi không đến với âm nhạc như một kẻ chọn nghề. Tôi nhớ mình đã viết những ca khúc đầu tiên từ những đòi hỏi tự nhiên của tình cảm thôi thúc bên trong. Như những họa sĩ tập sự bắt đầu sự nghiệp mình bằng cách sao chép lại tác phẩm của những nhà danh họa, tôi cũng chọn một số mẫu mực âm nhạc mà tôi yêu thích và thay đổi giai điệu bên trong ở thời kỳ đầu. Đó là những năm 56 - 57, thời của những giấc mộng ngổn ngang, của những viễn tượng phù phiếm non dại. Cái thời tuổi trẻ xanh mướt như trái quả đầu

mùa ấy, tôi rất yêu âm nhạc nhưng tuyệt nhiên trong tôi không hề gợi lên cái ham muốn trở thành nhạc sĩ. Đối với cái bề mặt xã hội lúc bấy giờ, tương lai có nhiều tiếng gọi khác hấp dẫn hơn, quyến rũ hơn cho một con người còn trẻ tuổi.

Dạo ấy ba tôi đã mất, mẹ tôi ở xa, tôi một mình giữa Sài Gòn này phải tự quyết định mọi chuyện về đời mình. Cái gánh đời tuổi tác còn quá nhẹ. Có lúc tôi đã bỏ dở cái trò lãng mạn viết lách này với nỗi ám ảnh ngu ngốc "xướng ca vô loại". Tôi trằn trọc đêm này qua đêm khác, ray rứt ngày này qua tháng nọ. Nhưng càng cố lãng quên thì tiếng hát trong tôi càng vang lên rõ rệt, tràn ngập cả lúc đứng ngồi, cả trong giấc ngủ.

Dần dà những năm về sau, mới bắt đầu hình thành trong tôi một quan niệm rõ rệt: Sống là sống với người khác và muốn có cảm thông chúng ta phải luôn luôn tự diễn đạt mình. Trong những cách diễn đạt bằng tiếng nói, bằng chữ viết và nhiều phương tiện khác, tôi thấy tâm hồn mình có khuynh hướng nghiêng về phía ca khúc. Trên mảnh đất nghệ thuật nhỏ nhắn này tôi tìm thấy tự do và tôi nghĩ rằng ở đây tôi có thể bày tỏ được với người khác về những niềm vui nỗi buồn của cuộc sống.

Hai mươi mấy năm nhìn lại quãng đường mình đã đi, tôi cảm thấy không có gì phải ân hận. Tôi vẫn là đứa trẻ thơ trong nghệ thuật, lòng còn tràn đầy cảm hứng. Tôi vẫn còn ham mê học hỏi quanh mình và còn đủ hào hứng mở ra những cuộc đối thoại, độc thoại với cây cỏ thiên nhiên, với

con người qua ca khúc dưới ánh sáng hiền hòa nhân hậu của những ngày tôi đang sống.

Phải chờ đến lúc soi gương nhìn thấy tóc không còn mang màu xanh cũ nữa, mới nhận ra được hết nỗi khát khao được yêu thương mãi mãi con người và cuộc sống. Yêu thương con người cũng là yêu thương tiếng hát bởi vì tiếng hát mang trong nó tâm hồn của con người. Tiếng hát sẽ mọc lên xanh tươi trên cuộc đời này như những cây tử đinh hương mọc tràn thơm tho trên những cánh đồng vô tận.

Với ca khúc, tôi là người tình của thiên nhiên, là người bạn của những em bé. Qua ca khúc, tôi đã đến gần và đã đi xa những chuyện tình; đã tham dự những nỗi hân hoan của đời người và cũng đã gánh nhẹ giùm những phiền muộn.

Ca khúc là đời sống thứ hai sau cái thân thể mà cha mẹ đã sinh thành.

TRÁI ĐẦU MÙA

Bài hát đầu tiên do Nhà xuất bản An Phú phát hành năm 1959 tại Sài Gòn. Đó là những cảm xúc được ghi lại từ những giọt nước mắt của một ca sĩ nữ sinh vừa rời ghế nhà trường. Hát để kiếm tiền nuôi mẹ đang hấp hối trên giường bệnh.

Dạo ấy, trong đầu hoàn toàn chưa có một khái niệm nào về tiền tác quyền. Ở tuổi hai mươi trong tâm trí đang còn phơi phới những ý đồ hiệp sĩ. Số tiền năm ngàn hồi ấy quá lớn đã được dùng một phần tặng người ca sĩ và phần còn lại chia đều cho các bạn cùng ở trọ. Mỗi tháng tiền ăn ở cho một học sinh, sinh viên chỉ có năm, sáu trăm đồng.

Nguồn cảm hứng đầu tiên ấy đã làm cơ sở cho một loạt những cảm xúc khác thành hình. Như một khu rừng mùa thu yên tĩnh được một cơn gió thổi bùng lên đánh thức lớp lá vàng dậy, tâm hồn tôi đã bắt đầu biết xôn xao theo những tín hiệu, dù nhỏ nhất của cuộc sống. Tôi không còn nhìn ngắm cuộc sống một cách lơ đãng như trước nữa mà càng lúc càng thấy mình bị cuốn hút về phía những tình cảm phức tạp của con người.

Những trái cây đầu mùa ấy còn vụng về, chưa có vóc dáng riêng, nhưng nó mang đến niềm thích thú để từ đó sẵn lòng làm một cuộc hành trình dài lâu đi vào cái bề sâu của âm thanh và ngôn ngữ.

GẶP GỠ

Năm 1964 - 65 tôi được các bạn tổ chức buổi ra mắt đầu tiên trước quần chúng tại khu đất trống sau lưng trường Văn khoa Sài Gòn cũ (nay là Thư viện quốc gia).

Với tôi, đây cũng là buổi thể nghiệm xem mình có thể tồn tại trong lòng quần chúng được không. Trước mặt đám đông đến mấy nghìn người gồm đủ thành phần văn nghệ sĩ, trí thức, học sinh, sinh viên tôi cảm thấy mình quá trơ trọi và đầy lo âu trên bục gỗ với cây đàn ghita dưới ánh sáng đèn. Với một hành trang nhẹ nhàng bằng hai mươi ca khúc nói về quê hương, ước mơ hòa bình và những bài sau này được gọi là "phản chiến" tôi đã cố gắng hết sức để một mình đảm nhận vai trò đưa nỗi lòng của mình đến với quần chúng. Buổi hát đã để lại một ấn tượng khá tốt đẹp cho cả người trình bày, lẫn người nghe. Chỉ có một hạt sạn nhỏ

nằm giữ hai phần của chương trình lúc nghỉ giải lao - Đó là sự có mặt của Phạm Duy trên bục gỗ tự đề nghị hát một bài góp vui. Trong không khí đang trầm lắng sau những bài hát nói về bom đạn và những vết thương trên thân thể quê hương, Phạm Duy đã cùng khoảng vài chục đệ tử trong nhóm Du ca của ông đồng ca bài: "Sức mấy mà buồn". Đây là một trong những bài ca đầy tính chất khôi hài và giễu cợt một cách thiếu đứng đắn. Về sau trên báo "Văn" đã có tường thuật về buổi trình diễn và cũng đã lên án nghiêm khắc về trò đùa và phá phách không đúng chỗ ấy của một người đã quá nổi tiếng lúc bấy giờ.

Trong buổi diễn có một bài hát được yêu cầu hát đến lần thứ tám và cuối cùng mọi người tự động hát theo. Sau buổi diễn tôi đã được "bồi dưỡng" bằng một tiếng đồng hồ ngồi ký tên trên những trang giấy của tập bài hát quay rônêô dành cho quần chúng.

Đó là buổi gặp gỡ đầu tiên giữa người sáng tác và người nghe. Những buổi trình diễn nối tiếp ở các giảng đường đại học khác cũng được lập lại trong một bầu không khí nồng nhiệt như thế. Trong tôi bắt đầu sáng lên một khái niệm: đó là ý thức về trách nhiệm của người sáng tác đối với quần chúng.

THỜI KỲ TRỐN LÍNH

Trước khi sống qua một thời kỳ bất ổn định, tôi đã từng có được hai năm sống thong dong hợp pháp như tất cả mọi người đàng hoàng đứng đắn trên mặt đất. Muốn được thế,

tôi đã phải đánh đổi bằng gần sáu mươi ngày nhịn đói tuyệt đối trong hai năm (mỗi năm 30 ngày liên tiếp trước khi trình diện) để đạt được cái mức độ không đủ tiêu chuẩn của một người lính. Nhưng muốn xuống kí lô nhanh còn phải không ngủ và uống thêm diamox là một thứ thuốc rút bớt nước trong các tế bào ra. Qua năm thứ ba thì không ra trình diện nữa vì cảm thấy không đủ sức khỏe để lặp lại cái chế độ ăn uống không có thực phẩm ấy nữa. Trốn lính gần như là một cái "nghề" đầy tính chất phiêu lưu của hàng triệu thanh niên miền Nam lúc bấy giờ. Thái độ phản kháng ấy, dù được nhìn dưới một góc độ nào đó còn mang tính thụ động, vẫn phải được nhắc nhở đến như một nốt nhạc trong trẻo đã ngân lên trong một giai đoạn u ám, nhiễm độc, giữa những đô thị miền Nam.

Tôi đã sống lang thang như một kẻ vô gia cư, vô định trú thứ thiệt. Thời gian không xê dịch nhiều, chỉ kéo dài khoảng ba năm, đó là lúc tôi nhập cư cùng một số sinh viên trốn lính khác đã có mặt trong những căn nhà tiền chế tồi tàn bỏ trống ở khu đất rộng sau lưng trường đại học Văn khoa. Ở đây có một lợi thế là rất hiếm bị khám xét. Vào thời điểm ấy, trên khoảng đất trống lại mọc thêm một cái trụ sở Hội Họa sĩ trẻ bằng gỗ, hiện đa số họa sĩ vẫn còn có mặt trong thành phố. Giấc ngủ của tôi cứ tùy nghi hoán chuyển từ trên cái ghế bố trong túp lều này qua cái mặt nền ximăng của trụ sở hội nọ. Việc ăn uống đã có hàng quán dọc đường gần đó. Rửa mặt đánh răng thì mỗi sáng vào phòng vệ sinh của những quán cà phê quen thuộc, chỉ có việc mang

theo khăn, kem và bàn chải đánh răng.

Thế đấy, nhưng chính những năm này là những năm sôi động nhất của đời tôi.

Sống trong tình trạng bấp bênh như thế tôi vẫn phải làm việc không ngừng để sống. Tôi vẫn viết đều tay và vẫn tiếp tục đi hát. Những ca khúc của tôi được in ra từng tờ rời và từng tuyển tập. Phụ trách công việc in ấn và phát hành đã có người em ruột của tôi, cũng cùng trốn lính, chăm lo. Việc in ấn càng lúc càng khó khăn, nhất là sau khi có lệnh tịch thu của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu toàn bộ các tập ca khúc và băng nhạc của tôi. Cảnh sát lúc bấy giờ được lệnh vào tận các nhà in để truy lùng. Thế là phải đổi kế hoạch. Thay vì in trong một nhà in, nay phải rải ra trong ba bốn nhà in khác nhau. Tịch thu nơi này còn nơi khác. Mang đi đóng thành tập lại một nơi khác nữa. Và dĩ nhiên, chuyện đi đứng không phải dễ dàng. Đi từ một nhà in ở Sài Gòn đến một nhà in ở vùng Chợ Lớn phải qua biết bao nhiêu là trạm xét hỏi.

Sau lệnh tịch thu, tất cả các báo trong nước và ngoài nước đều đưa tin. Các hãng thông tấn và truyền hình, truyền thanh nước ngoài ào ạt đổ xô về nơi ăn chốn ở rất là "híp-pi" đó của tôi càng lúc càng đông. Mỗi ngày trung bình ít lắm cũng phải ba lần phỏng vấn, thu hình thu mặt. Tôi bỗng trở nên một người nổi tiếng bất đắc dĩ. Ban đầu cái sự kiện này cũng mang đến cho tôi chút niềm vui nhưng càng về sau càng trở thành một tai nạn. Họ săn đuổi tôi đến tận mọi chỗ lánh mặt xa xôi nhất. Từ Sài Gòn ra Huế, chỉ

vài hôm sau đã thấy có mấy mạng người đủ các màu da, xứ sở khác nhau xuất hiện ở cửa. Đời sống bỗng chốc mất đi cái tự do được quyền không nói năng, được quyền ngồi yên tĩnh một mình mà suy gẫm cho đến nơi đến chốn bao nhiêu điều mình chưa biết trong cõi đời rộng lớn này. Tôi phải sống những khoảnh khắc phù phiếm trên báo chí và trước ống kính ấy cho đến mười ngày trước ngày thành phố hoàn toàn được giải phóng. Giờ đây, sau mười hai năm thành phố đã mang tên Bác, thỉnh thoảng vẫn còn những cuộc phỏng vấn của người nước ngoài, nhưng nó không còn là một nỗi ám ảnh kinh hoàng nữa.

Nghĩ lại chuyện cũ, tôi biết rằng những cái đó có được là do tấm lòng ưu ái của quần chúng đối với mình. Sức mạnh tình cảm của đám đông quần chúng là một trong những tấm khiên che chở mình trước những mối đe dọa và là những kèo cột chống đỡ tinh thần và tình cảm mình được vững vàng trước bao nhiêu khó khăn phức tạp của cuộc sống.

Nhẩm tính lại, tôi đã hùn hạp tất cả vốn liếng của mình vào cái đại gia đình trốn lính vừa tròn chẵn mười ba năm.

Đã qua hẳn rồi cái thời của "bèo dạt mây trôi", của những giấc ngủ bị săn đuổi.

NỖI ÁM ẢNH THỜI THƠ ẤU

Có những điều vừa mới xảy ra đã vội quên. Có nhiều điều từ những ngày xa xưa vẫn còn nhớ lại. Thời thơ ấu tôi luôn luôn bị ám ảnh về cái chết. Trong giấc ngủ hằng đêm

tôi thường thấy cái chết của ba tôi.

Nỗi ám ảnh ấy chắc hẳn không bắt nguồn từ lớp dày tro bụi của vô thức làm nên từ những cái chết của tổ tiên mà có lẽ từ những năm tù tội tra tấn chết đi sống lại của ba tôi trong những năm kháng chiến chống Pháp. Những năm cuối thập niên 40, chỗ ở chính của ba tôi gần như là nhà tù. Và cái trò chơi "đo lường thể xác" của những tên cai ngục thường buộc ba tôi phải nằm dài trên giường bệnh nhiều hơn là đi hai chân trên mặt đất. Thời gian này, tại Huế, mẹ tôi và tôi thay nhau đi thăm nuôi và năm 1949 tôi được vào nhà lao Thừa Phủ ở cùng ba tôi một năm trước khi cả gia đình cùng kéo nhau vào Sài Gòn.

Rõ ràng là cái chết ấy được báo động qua một tâm hồn quá nhạy cảm của tuổi thơ. Ba tôi mất đi khi tôi vừa mười lăm tuổi.

Rất nhiều bài hát đầu đời của tôi đã phảng phất cái không khí vắng lặng của sự mất mát. Càng về sau, lúc tiến dần về tuổi trưởng thành, giữa những bức xúc của cuộc sống, giữa những năm tháng buồn vui, nỗi ám ảnh ấy đã trở thành lúc nào không hay ngọn nguồn của một nỗi âu lo thường trực về sự vắng bóng con người.

Tôi không phải là kẻ nuôi dưỡng một thứ đam mê buồn tẻ muốn khóc than cho số phận con người, nhưng qua ca khúc, tôi muốn đánh lên những tiếng chuông mai, chuông chiều, mượn ánh nắng của trời đất để soi tỏ cái số phận đó cho mỗi người có thể nhìn mình và nhìn người rõ hơn, chăm chú hơn cho đến một lúc nào đó thì mọi sự tốt

lành, thì tình yêu sẽ khiến chúng ta thấy rằng con đường duy nhất đi đến với người khác trên mặt đất này không phải là sự ác độc mà chính là một lòng nhân ái vô biên.

Tôi muốn hát lên lòng nhân ái đó mãi mãi, đã hát lên trong một thời niên thiếu và giờ đây đang nỗ lực tìm những mạch nguồn đi sâu vào cội rễ của nó để có thể hoàn thiện một tiếng hát mới mẻ, đầy nhân hậu cho những ca khúc ngày mai của riêng mình.

THỜI YÊN TĨNH

Để đến được với một thời kỳ yên tĩnh như hôm nay, tâm hồn tôi đã phải chịu thổi qua bao nhiêu cơn gió lãng mạn trữ tình của một thời niên thiếu, rồi kế đó là những cơn lốc dằn vặt trên thân phận con người trong thời kỳ chiến tranh.

Trong quá khứ, mỗi con người Việt Nam đều phải sống cùng một lúc hai thân phận. Thân phận chiến tranh và cái thân phận bình thường của nhân loại. Nó như một loài lạc đà hai bướu gánh nặng một hành trang quá tải đi qua cuộc sống này. Nếu có một định mệnh nào đã buộc chúng ta phải sống như thế trong xứ sở nhỏ bé của chúng ta thì chúng ta cũng có quyền nghĩ rằng nơi đây chúng ta đã sống một cuộc đời hơn nhiều cuộc đời không màu sắc khác.

Con lạc đà ấy đã hú lên phẫn nộ trong những đêm lênh láng màu lửa đỏ rổn rảng sắt thép để bây giờ trở về làm trẻ thơ hồn nhiên mắt lơ đãng nhìn mây bay.

Tôi đã cùng tiếng hát bay đi từ cõi miền đau khổ ngày ấy để đến với chốn an nhiên tự tại hôm nay.

Tôi đã vẽ ra những bầu trời có cánh bướm, cánh chuồn, có màu môi hồng ngọc. Tôi cũng đã vẽ ra những bóng tối ở đó tẩm liệm những hồn người. Nhưng giờ đây tôi đang mơ ước vẽ ra cái thứ ánh sáng mang màu cỏ non dịu dàng. Tôi khao khát vẽ hạnh phúc, vẽ những giấc mơ của con người chưa thành sự thật. Nỗi bất hạnh có thể sẽ không bao giờ hoàn toàn bị hủy diệt trên mặt đất, nhưng với một chút hạnh phúc có thật, chúng ta cũng dễ lãng quên những cay đắng trong đời.

Tôi đang mỗi ngày nhìn ngắm lại thiên nhiên và đến gần với nó. Nhìn ngắm thật kỹ càng từng khuôn mặt, từng hình dáng con người để khỏi tiếc thương. Tôi đang nhìn kỹ lại nơi mình ở, phố mình đi. Những buổi chiều, buổi sáng, cả đêm khuya, những mùa mưa mùa nắng với bao nhiêu bạn bè tình yêu còn vây chặt lấy mình.

Tôi mơ một tiếng hát hân hoan như ngọc chảy trên tay một người con gái, nhưng trong mỗi viên ngọc là tâm hồn của đá núi nghìn năm.

Cần phải chuẩn bị hành trang để tiếp tục lên đường bởi vì cuộc đời đang kêu gọi phía trước. Đi để tìm cái chưa bao giờ viết được. Tìm chân dung của nỗi khát khao về một lời bày tỏ cho đến nay vẫn còn dang dở, chưa tận ý cạn lời. Tôi tập cho tôi biết sững sờ trước những điều dung tục, đồng thời tôi cũng tập cho tôi biết giữ được lòng bình an trước những hiểu nhầm. Quê hương riêng của tôi là ca khúc. Ở đó

tôi hít thở dưới một bầu trời không ô nhiễm, chỉ có sự chân thật và tình yêu. Còn phải nói nhiều hơn nữa về tình yêu cũng như phải nói nhiều về bánh, sữa và trái cây cho các em bé.

Nỗi sầu muộn lớn nhất là không bao giờ nói hết được lòng mình. Cái tận cùng chưa thể nào chạm đến được. Làm thế nào để có được một ngày nào đó như mùa mưa đã vắt hết nước và mùa hè đã đổ hết cả nắng cho nhân gian.

Tôi biết rõ tôi không chờ đợi phép mầu. Tôi chỉ chờ đợi cái điều mà từ đó phép mầu trở thành sự thật. Những ngọn lửa reo vui phải tự thắp lên trên từng dòng chữ, trên từng nốt nhạc. Tiếng hát từ đó sẽ tự giải phóng mình thoát khỏi mọi ràng buộc, mọi trì kéo. Đó là một tiếng hát tự do, tự bản thân nó cứ bay lên bay lên như một cánh diều không kiềm chế trong bầu trời lồng lộng của tâm hồn con người.

THUỞ ẤY NHỊ XUÂN, EM Ở NÔNG TRƯỜNG, EM RA BIÊN GIỚI

Đêm Nhị Xuân không còn thấy rõ màu đất đỏ và những bãi mía, bãi dứa cùng lán trại cũng khoác một màu áo khác. Mưa xuống. Hội trường dã chiến như một cái rá lọc nước thả xuống những giọt dài. Chúng tôi, (Phạm Trọng Cầu, Trần Long Ẩn và tôi...) cùng anh em Thanh niên Xung phong nam nữ hát với nhau dưới một bầu trời được trang trí lạ mắt như thế. Đêm cứ dài ra và những tiếng hát cứ dài ra. Nước ở con kênh dâng lên. Mặc kệ. Cứ đứng, cứ ngồi, cứ hát. Gần khuya có cô gái Thanh niên Xung

phong nhanh nhẹn vui tươi mang cho chúng tôi những bát cháo gà trước khi chia tay. Những khuôn mặt ấy, tôi đã quen đã nhìn thấy nhiều lần. Một giờ khuya, lên xe giã từ Nhị Xuân, lòng còn âm vang tiếng cười, tiếng hát. Những bàn tay siết chặt, những cái vẫy tay trong đêm không nhìn thấy. Quá giờ giới nghiêm, xe nằm lại giữa đường, không được vào thành phố. Ngủ lại chờ sáng. Về lại thành phố, trở lại công việc thường ngày. Nhưng ở Nhị Xuân, có hai mươi người con gái Thanh niên Xung phong đi về phía khác. Mấy tháng sau, tôi được tin tất cả hai mươi khuôn mặt tôi đã nhìn, đã gặp trong đêm hôm nào ở Nhị Xuân cùng nhau ca hát, đã hy sinh ở biên giới Tây Nam. Những tiếng hát, giọng cười còn đó. Những cây mía, cây dứa các bạn trồng vẫn còn đó, vẫn lớn lên. Tôi bồi hồi nhìn ra quãng trời rộng và thấy lại trong trí nhớ những con người trẻ trung ấy. Trong những trái tim ấy có gì khác chúng ta không. Trong giấc ngủ ban đêm, trên những vầng trán khỏe mạnh ấy, đã có những cơn mơ nào. Chúng ta nói quá nhiều đến sự tròn đầy và chúng ta quên đi sự mất mát. Chúng ta vẽ ra lắm nụ cười mà quên đi những nỗi ngậm ngùi riêng tư. Những người bạn nhỏ đã ra đi thật vĩnh viễn, nhưng nỗi nhớ thương về họ chưa được hát đủ như một nỗi đau. Còn thiếu sót biết bao nhiêu điều chưa nói hết lúc ở nông trường và càng chưa nói được một mảy may lúc ra biên giới. Làm một điều gì chưa đến chốn với một người không còn nữa, có phải cũng đã là phạm tội với cuộc đời rồi hay không. Xin hãy tha thứ những dòng chữ óng mượt, những sắp xếp tinh khôn, những

cân nhắc đong đo xuôi chèo thuận lái.

THÔNG ĐIỆP

Mỗi người đều có một cách riêng và một lý do riêng khi đến với nghệ thuật. Cánh cửa mở ra, chúng ta bước vào. Có những cánh cửa rộng hẹp không đều nhau. Có những cách nhìn và lòng đam mê không giống nhau. Và làm sao có thể giống nhau được khi bản chất của nghệ thuật là một đòi hỏi miên man cái muôn hình vạn trạng. Từ đó hình thành tính cách của mỗi con người muốn lân la kết tình bằng hữu với nghệ thuật.

Có một điều chắc chắn là không có ai làm nghệ thuật một cách không nghiêm túc. Con người còn lắm chỗ, lắm nơi để bày ra những trò phù phiếm. Tuy nhiên, cũng có không ít những người quan niệm rằng làm nghệ thuật không vì một mục đích nào cả nghĩa là muốn hoàn thành một thứ nghệ thuật không có cứu cánh.

Đã từ lâu tôi muốn qua ca khúc nói được thật nhiều điều. Tôi không chọn ca khúc như một chặng đường để rồi sau đó tu dưỡng hòng nhảy vào những thể loại to lớn hơn. Ca khúc đối với tôi là một mô hình gần gũi, thiết thân và hoàn chỉnh. Nó là một cuộc hôn phối kỳ diệu giữa thi ca và âm nhạc.

Ở nơi nào trên mặt đất này có con người, ở đó có tiếng hát. Con người có thể hát một mình ở bất kỳ nơi đâu. Ca khúc là nỗi lòng của mỗi một con người trong cuộc sống.

Cuộc tình giữa âm nhạc và văn học này đã khiến ca khúc tự nó có thể chạm đến mọi bờ cõi tri thức của đời sống

con người. Nó đủ khả năng hát về một cái chồi non vừa nhú cho đến cái chết của một con người. Nó chính là tiếng chim buổi sáng, tiếng gà gáy trưa bên đồi mang âm vang của một nỗi nhớ nhung. Nó là nắng, là mưa, là nụ cười, là tiếng khóc. Nó ở cùng với điều nhỏ nhất và đồng thời cũng sống chung với những cõi bờ bao la.

Tôi chưa bao giờ cảm thấy ca khúc bối rối trước những điều tưởng không nói được. Nó đã đi qua bao nhiêu mùa màng giữa lòng cuộc sống của con người và thường nó có mặt bên cạnh con người như một lời an ủi. Cũng vì thế, tôi đã có lần nuôi tham vọng gán ghép cho ca khúc một cái gì đó lớn hơn, tràn đầy ra ngoài cái hình thể nhỏ nhắn và khiêm tốn của nó. Đó chính là sứ mệnh truyền đạt những âu lo, những chờ đợi của con người khi đối diện với chính mình trước cuộc sống. Nó có bổn phận phải cưu mang trong từng dòng nhạc dòng chữ cái phần tinh khiết nhất của hạnh phúc và bất hạnh. Như vậy, ca khúc ngoài cái vai trò mua vui cũng được một vài trống canh, nó còn phải đảm nhiệm cái sứ mệnh đẹp đẽ mà các anh chị em họ hàng nghệ thuật của nó đã và đang làm.

Tôi nghe một tiếng hát và tôi thấy lại cả một khoảng trời đầy kỷ niệm. Tiếng hát đi từ tôi đến anh bằng con đường ngắn nhất. Cái khả năng to lớn sau cùng của ca khúc là mang đến sự cảm thông giữa mọi người bằng tiếng hát. Tôi ước mơ một ngày nào đó trên hành tinh này tiếng hát sẽ được trả về với vẻ đẹp thuần thiết của nó. Đó là tiếng hát bay qua các lục địa, các đại dương, mang trong lòng nó tình

yêu và tình nhân ái. Cái sứ mệnh huy hoàng nhất của nó là phải mang được cái thông điệp ấy đến với từng con tim. Không những chỉ với những tâm hồn vốn yêu chuộng hòa bình mà cả những con tim đang ngộ độc bởi những ngòi thuốc nổ.

Không có tiếng nói nào trẻ trung hơn tình yêu. Không có điều bí ẩn nào sâu xa hơn số phận. Hằng trăm ca khúc viết xong có thể gom lại thành một cuộc đời thu nhỏ. Trong thế giới bé bỏng đó có đầy đủ nắng mưa, có hoa lá bốn mùa. Có sông suối núi đồi, có tình yêu tình bạn. Có đêm ngày, có mặt trời mặt trăng rọi suốt trăm năm. Viết năm mười ca khúc chưa thấy đủ. Viết cả trăm bài càng thấy thiếu. Bởi vì con đường tình yêu đi mãi không cùng. Con đường số phận đi hoài không tận. Những câu hỏi của đời sống vẫn còn mãi làm đau buốt trí não của chúng ta. Bằng ca khúc, tôi muốn mang đến những quà tặng cho anh em bằng hữu tôi trong cuộc liên hoan trên đất đai xứ sở này, nhưng tiếc thay quà tặng không đủ quý, nó chưa mang đủ dáng vẻ rực rỡ của một lần gặp mặt hiếm hoi trong ngày hội lớn giữa trần gian. Tấm lòng bao giờ cũng có sẵn, ý thức làm điều tốt lành cũng không hề thiếu. Nhưng tài năng và sự sáng tạo không phải luôn luôn tỉnh thức trong cái hữu hạn của mỗi đời người. Tôi không hề muốn giữ lấy cho mình niềm tuyệt vọng của người thợ kim hoàn vì không hoàn thành nổi một quà tặng lộng lẫy từ một viên đá quý, nhưng quả thật có lúc tôi đã phải nghĩ rằng món quà ấy sẽ mãi mãi là một lời

hứa không thành. Có những đêm tôi chợt nghe ra và tưởng đã bắt gặp tiếng hát ấy, nhưng rồi nó lại tan biến mất. Đã bao lần nó chợt hiện rồi lại tự xóa mình đi. Tôi vẫn mải mê tìm kiếm, sẵn lòng chờ đợi và biết đâu sẽ có lúc cái niềm lạc quan về món quà tặng tôi mơ ước mang đến cho mọi người không còn là câu chuyện thần thoại trong cổ tích đương đại của đời tôi nữa.

Tôi đang sống, đang yêu và đang hát giữa lòng quê hương tôi.

Tháng 4.1987

T.C.S.

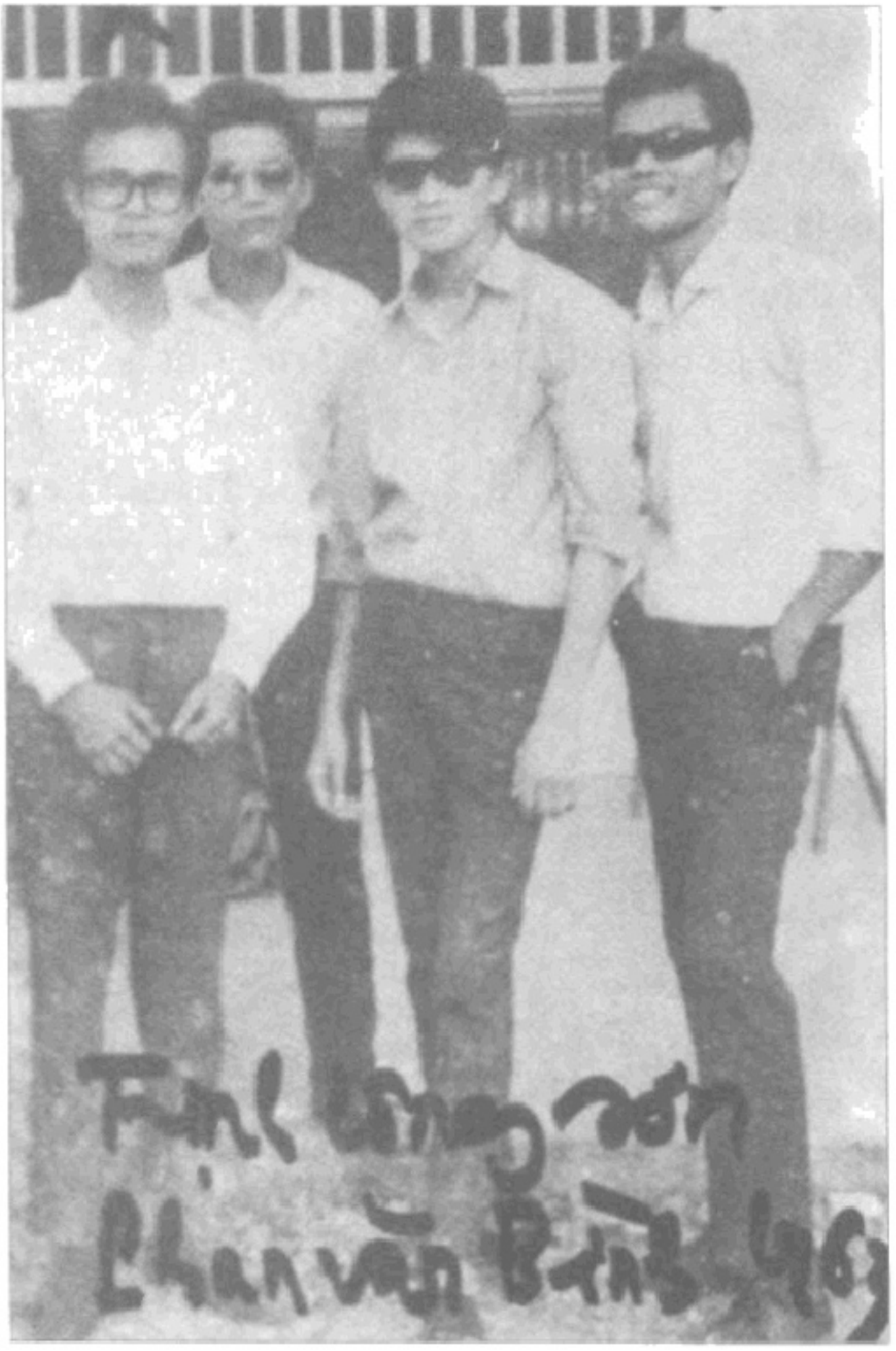

H32. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn (đứng ngoài bên trái) và nhạc sĩ Phan Văn Bình (đứng ngoài bên phải) cùng các bạn giáo sinh Sư phạm tại Quì Nhơn (1963)

Ảnh kỷ niệm của Phan Văn Bình

H33. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn ngồi giữa bà Nguyễn Đình Chi (bên trái) và ông Tống Hoàng Nguyên - cán bộ lão thành (bên phải) là khách danh dự của Đại hội Văn nghệ Thành phố Huế lần thứ nhất, 27.4.1988.

H34. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn và NSNA Dương Minh Long cùng bạn bè ở Huế dự lễ khai mạc phòng ảnh nghệ thuật của Dương Minh Long tổ chức tại Hội VHTT TTH ngày 29.7.1995

Ảnh tư liệu của NĐX

H35. Nhà thơ Thân Thị Ngọc Quế mừng sinh nhật nhạc sĩ Trịnh Công Sơn

Ảnh tư liệu của NĐX

H36. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn cùng họa sĩ Bửu Chỉ, họa sĩ Hoàng Đăng Nhuận gặp gỡ ông Nguyễn Hữu Đông Giám đốc Công ty Du lịch Hương Giang Huế. *Ảnh NĐX, 3.1998*

H37. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn (người thứ hai bên trái), nhà dịch thuật Bửu Ý (người thứ nhất bên phải), gặp bác sĩ Bùi Thị Cẩm Hà (một Việt Kiều hoạt động từ thiện nổi tiếng) và một vài người bạn tại Khách sạn Sài Gòn Morin Huế (1998) *Ảnh tư liệu của Bửu Ý*

H38. Kính cẩn trước bàn thờ nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.
hàng trước: Nhà nghiên cứu Huế Nguyễn Đắc Xuân, ca sĩ Quỳnh Dao,
hàng sau: nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương, cô Hoàng Anh.

Ảnh Dương Minh Long

H39. Trong phòng tranh "Bửu Chỉ Đinh Cường vẽ Trịnh Công Sơn" nhân 100 ngày mất của Trịnh Công Sơn. Nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường (ngồi trên xe lăn), Nguyễn Đắc Xuân, Đinh Cường, Lâm Thị Mỹ Dạ và bà Bửu Ý (hàng sau)

H40. Bốn người bạn Huế Bửu Chỉ, Đinh Cường, Bửu Ý, Nguyễn Đắc Xuân của Trịnh Công Sơn trong phòng tranh "Bửu Chỉ Đinh Cường vẽ Trịnh Công Sơn" tại nhà Triển lãm 4 Hoàng Hoa Thám, 7.2001

H41. Tuổi trẻ Huế tự hào Xứ Huế đã sản sinh ra nhạc sĩ thiên tài Trịnh Công Sơn. Ảnh chụp một nữ sinh bên bức tranh Bửu Chỉ vẽ Trịnh Công Sơn trưng bày tại Hội Quán Hội Ngộ (làng du lịch Bình Quới)

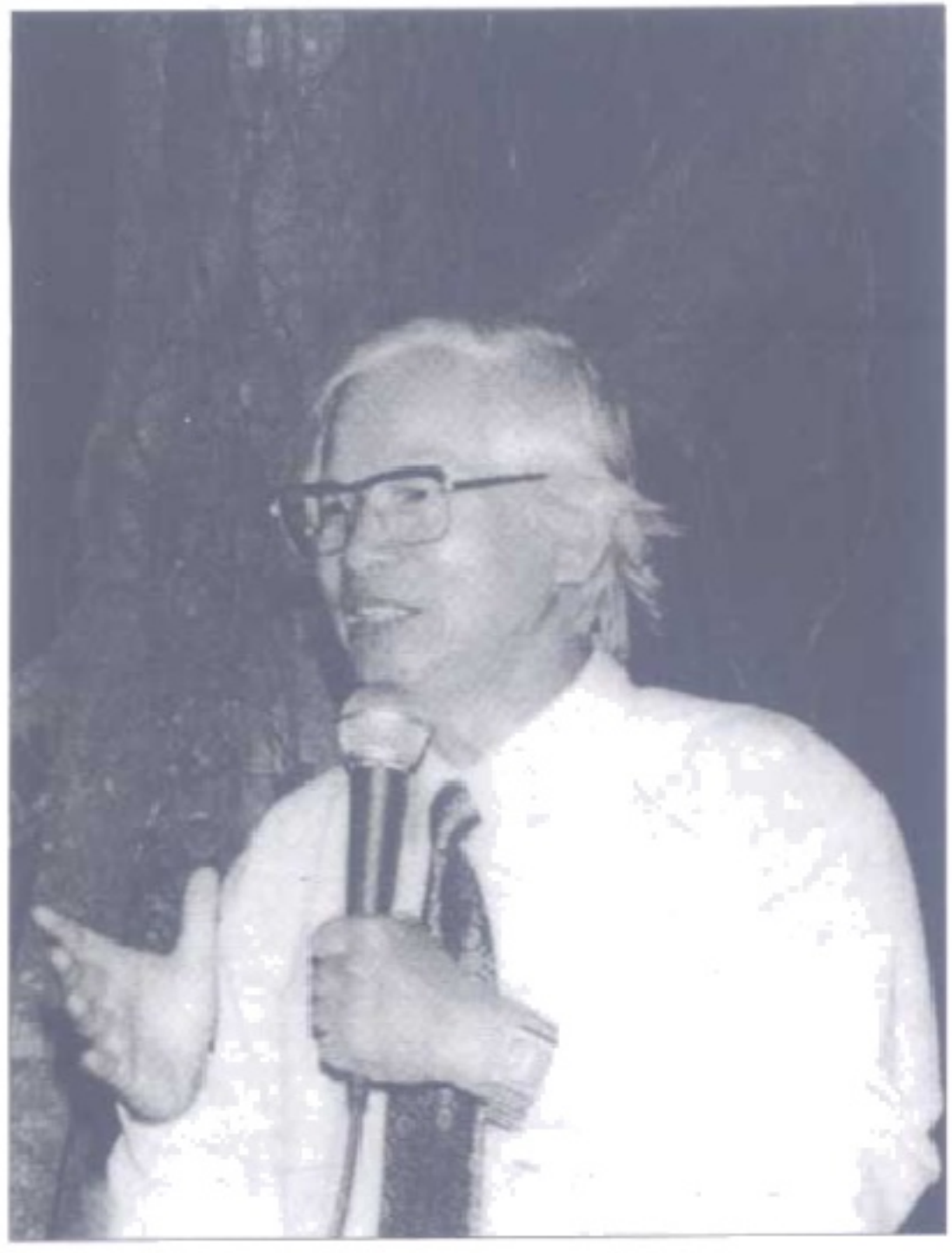

H42. Đêm 31.3.2002, tại Hội Quán Hội Ngộ làng Du lịch Bình Quới TP.HCM, kể chuyện nhạc sĩ Trịnh Công Sơn sống và sáng tác tại Huế những năm sau tháng 5.1975.

Ảnh HVV

Dã tràng ca

TRỊNH CÔNG SƠN

Dã tràng 1: *LỜI BIỂN VỌNG*

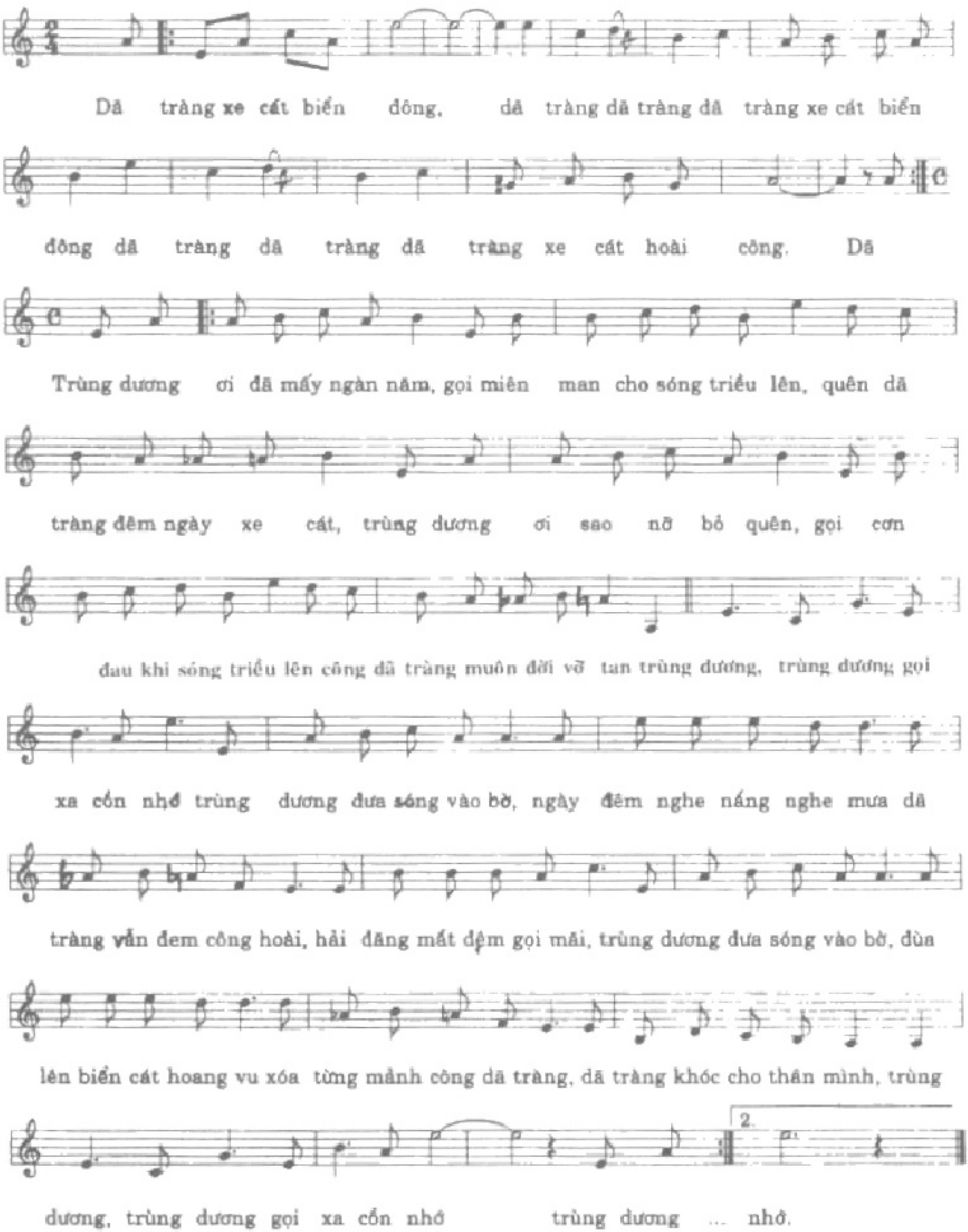

2. Tiếng hát của dã tràng - bể cát và thân phận đó

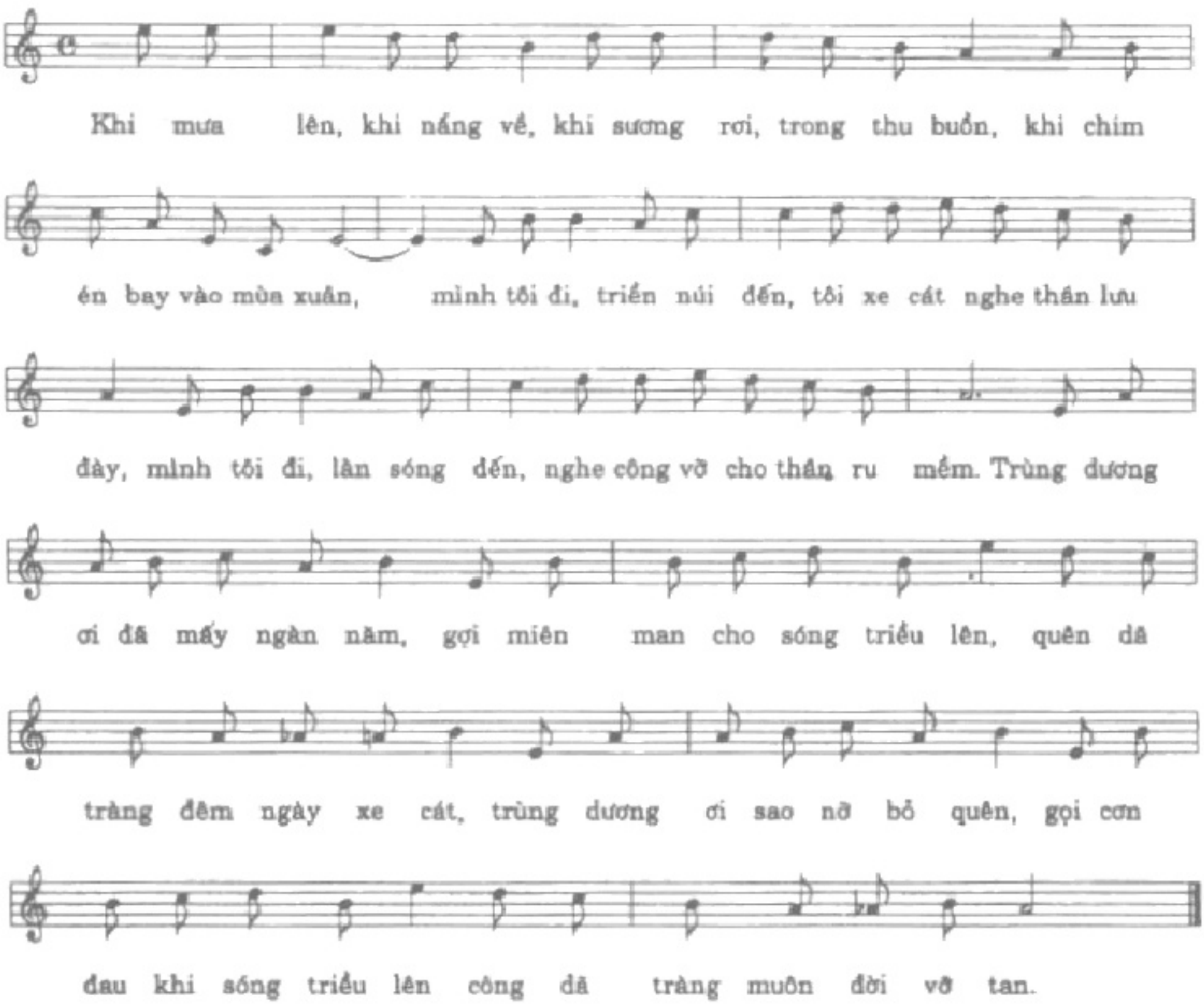

3. Bãi cát chiều và lời vỗ về của người khách lạ

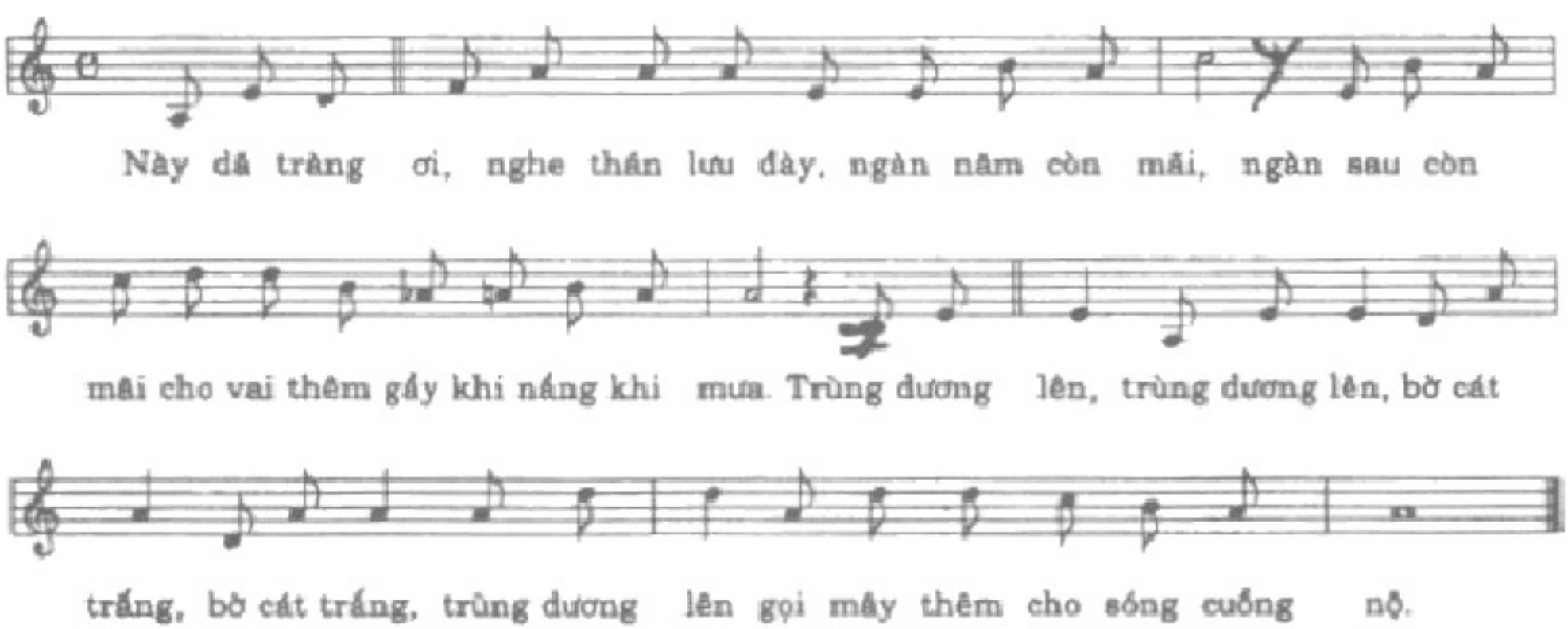

4. Niềm đau vô vàn của thân phận

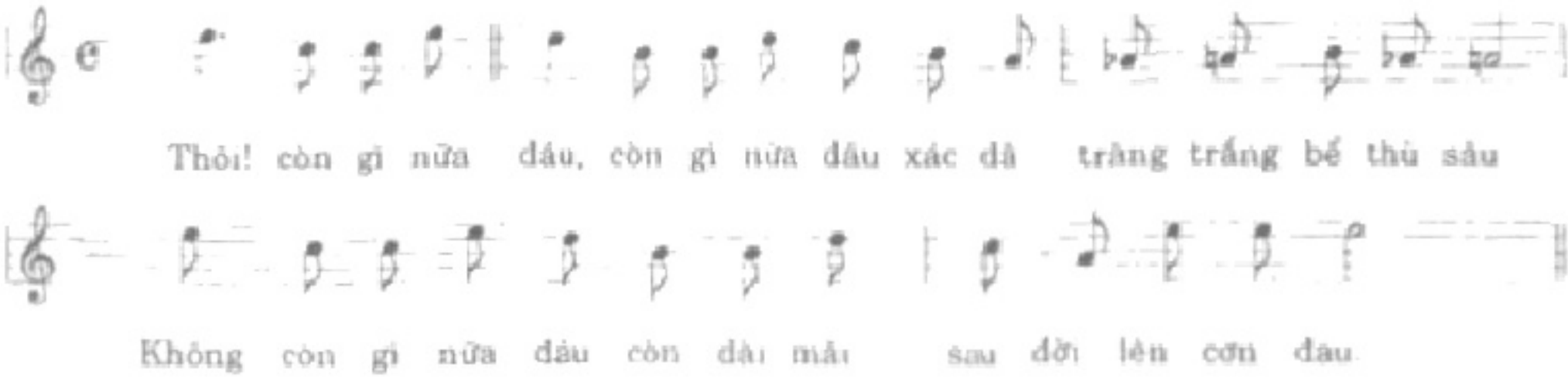

5. Lời nói trên không

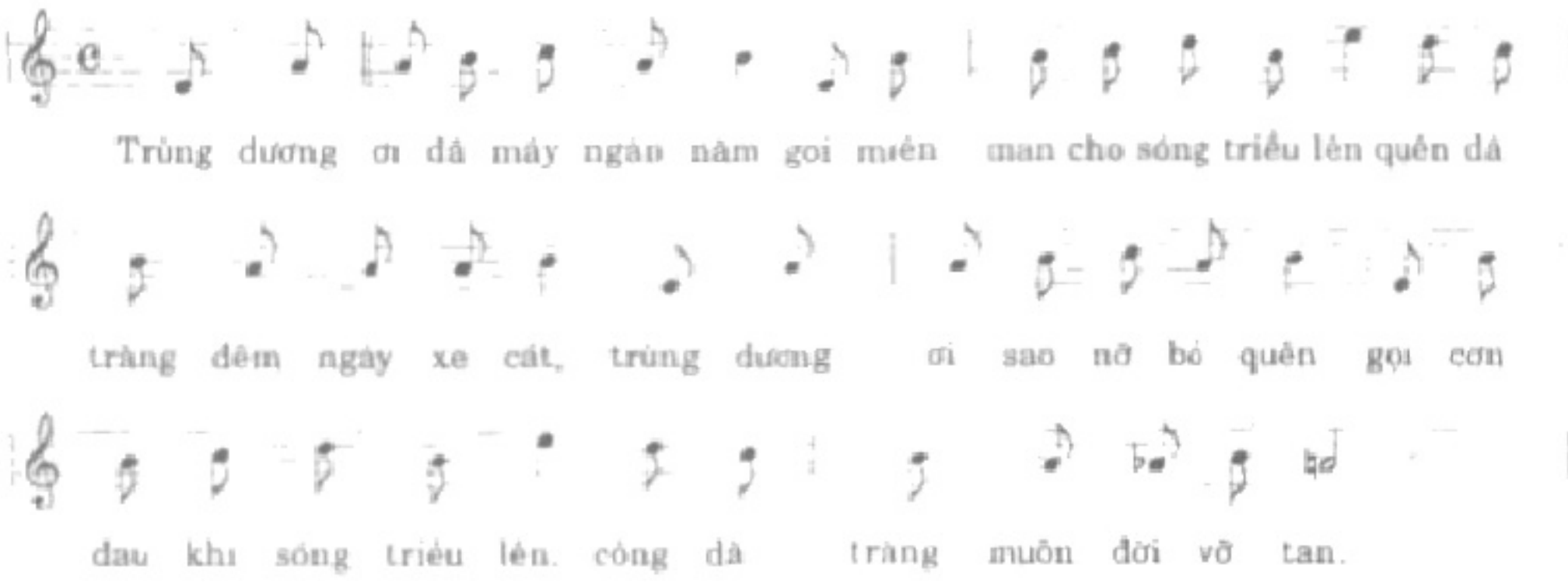

6. *Dã tràng 2*: TUỔI 20 VÀO ĐỜI

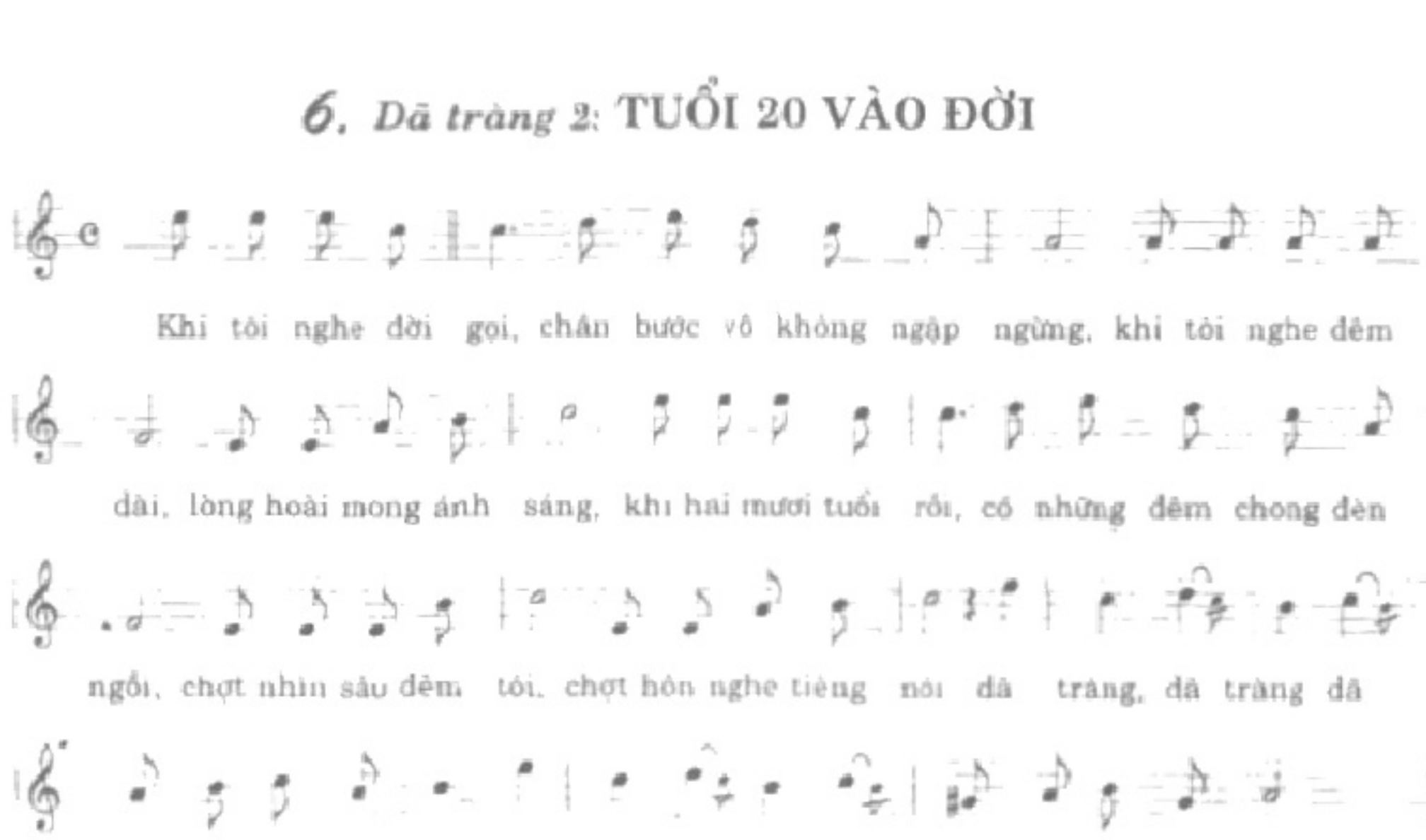

7. Niềm đau khoảng không

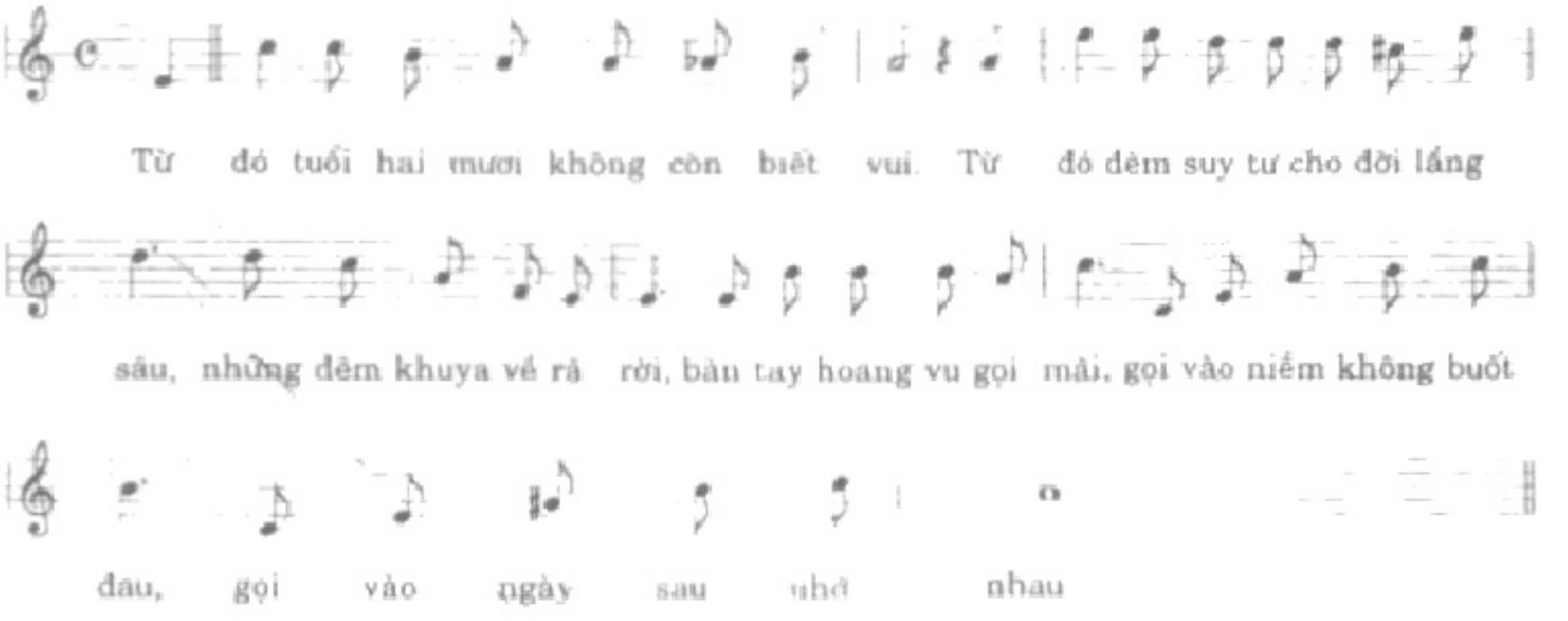

8. Bốn mùa và tuổi đó

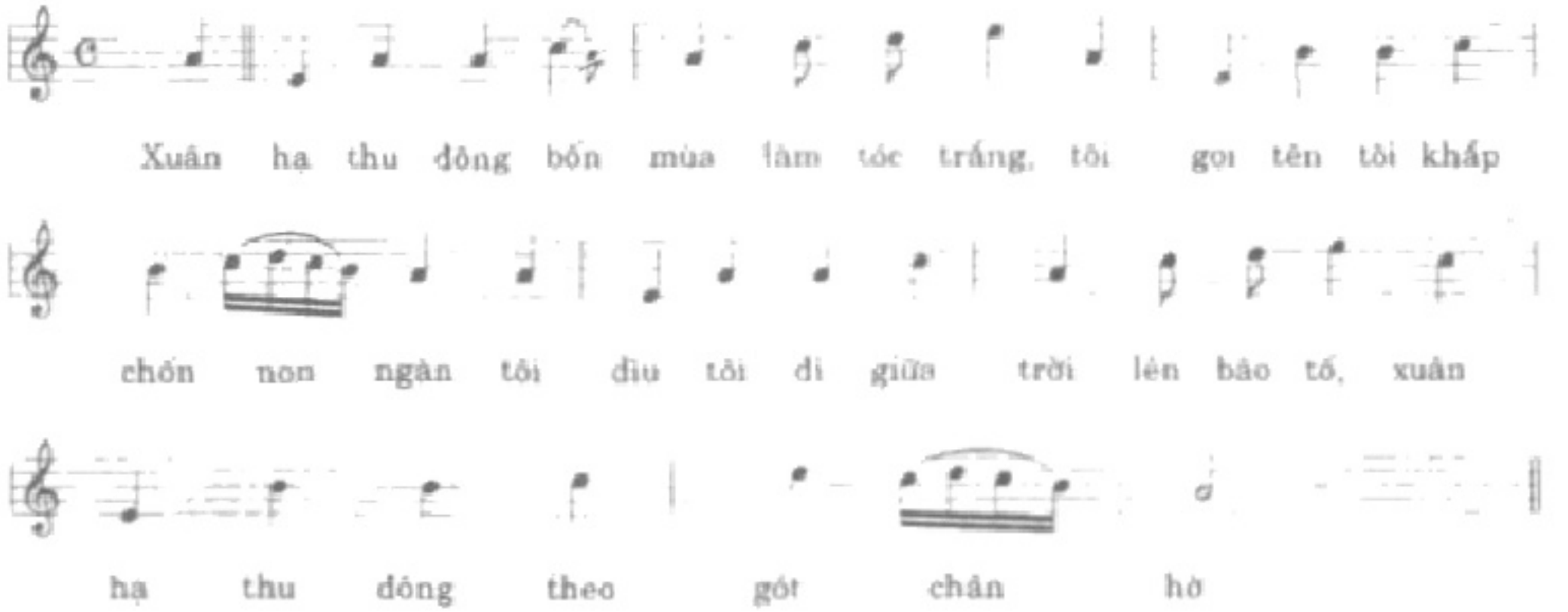

9. Chốn nương náu

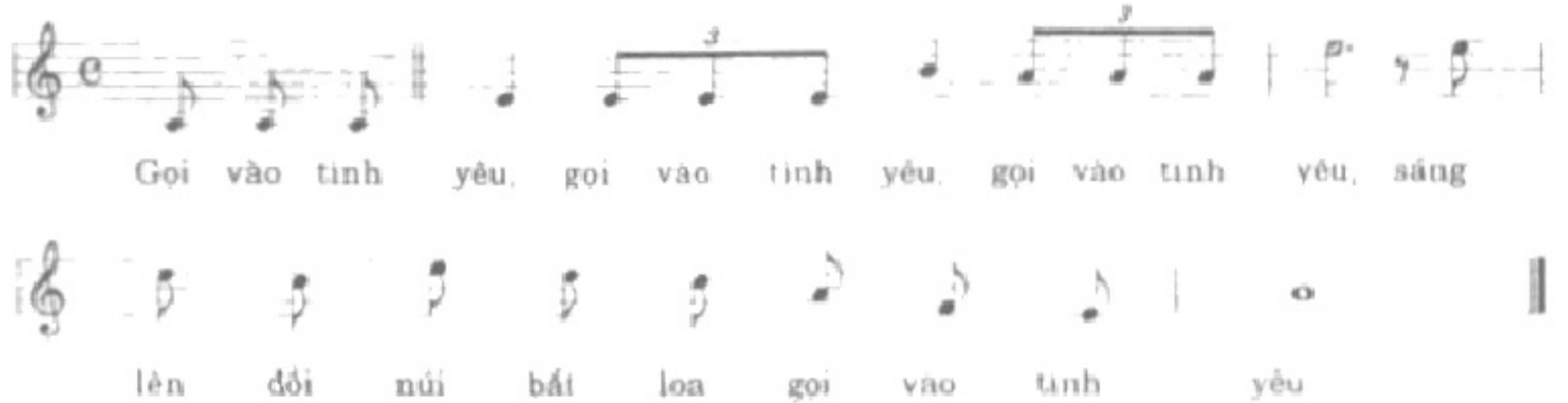

10. Lời buồn thánh

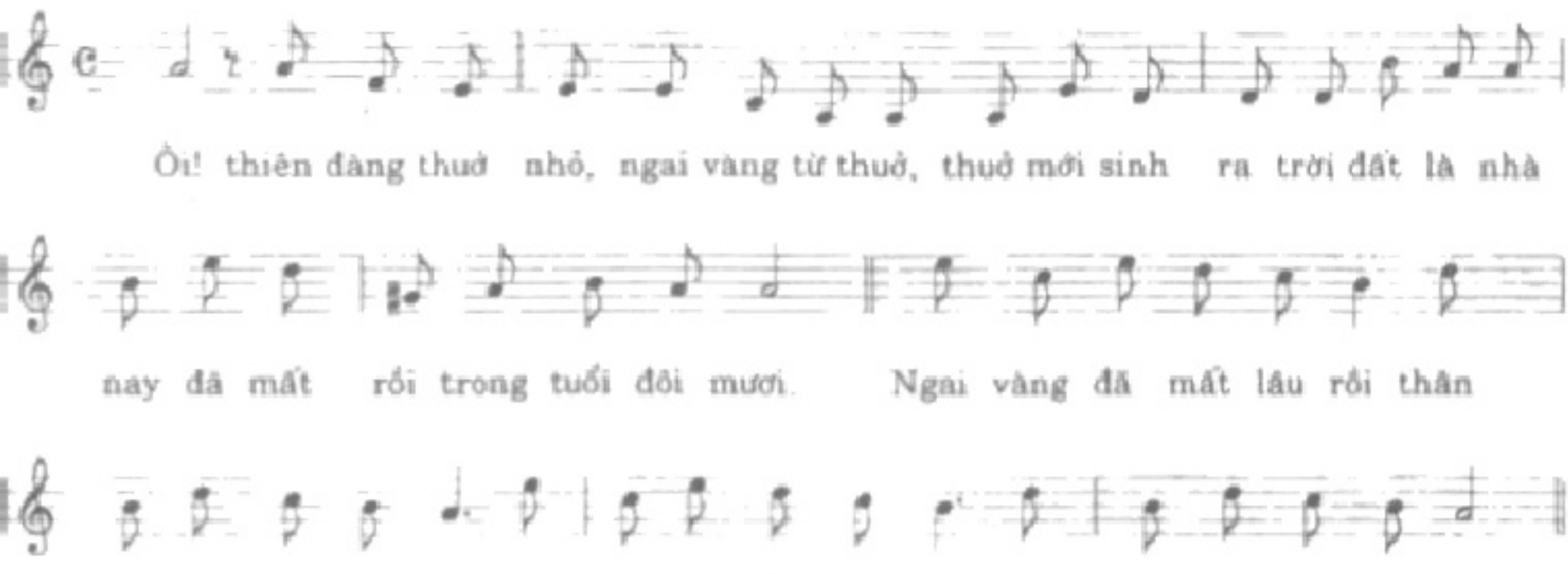

11. Bốn mùa là niềm vô vọng

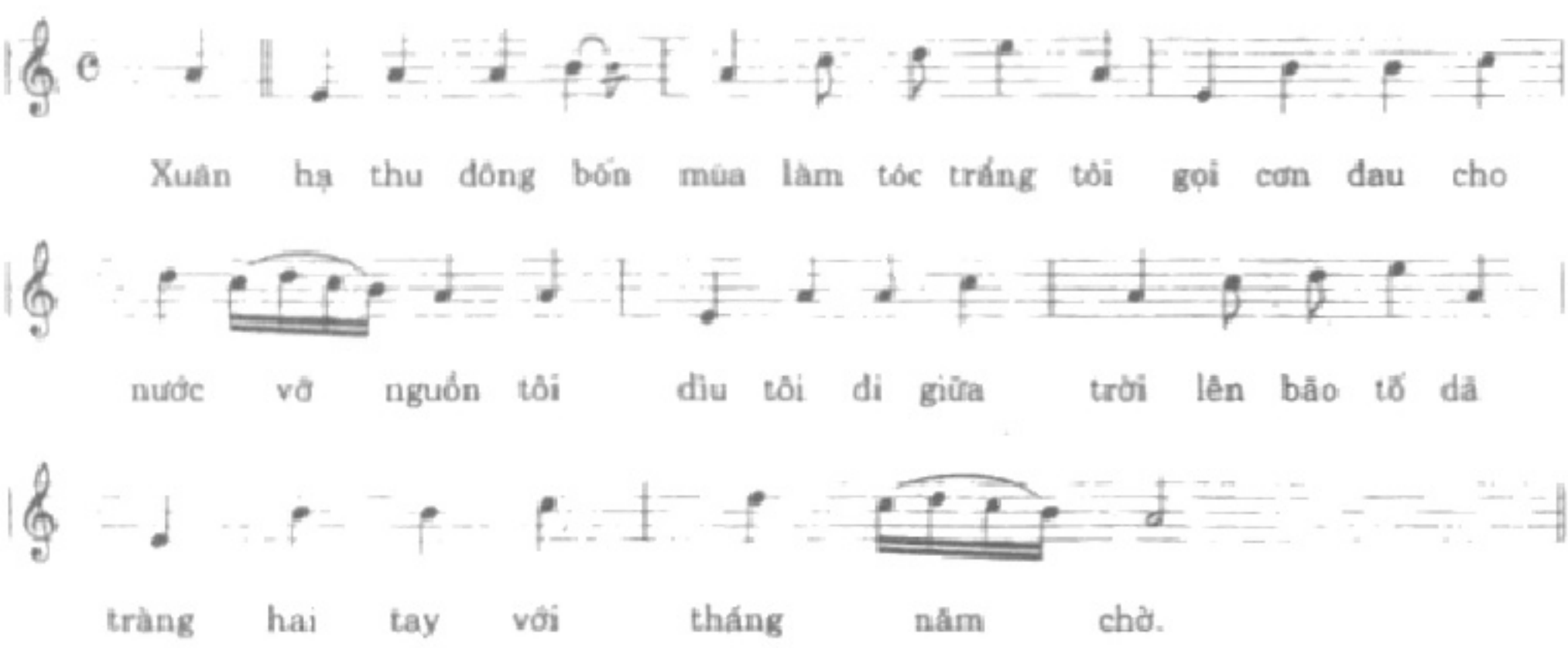

12. Ngỏ ý

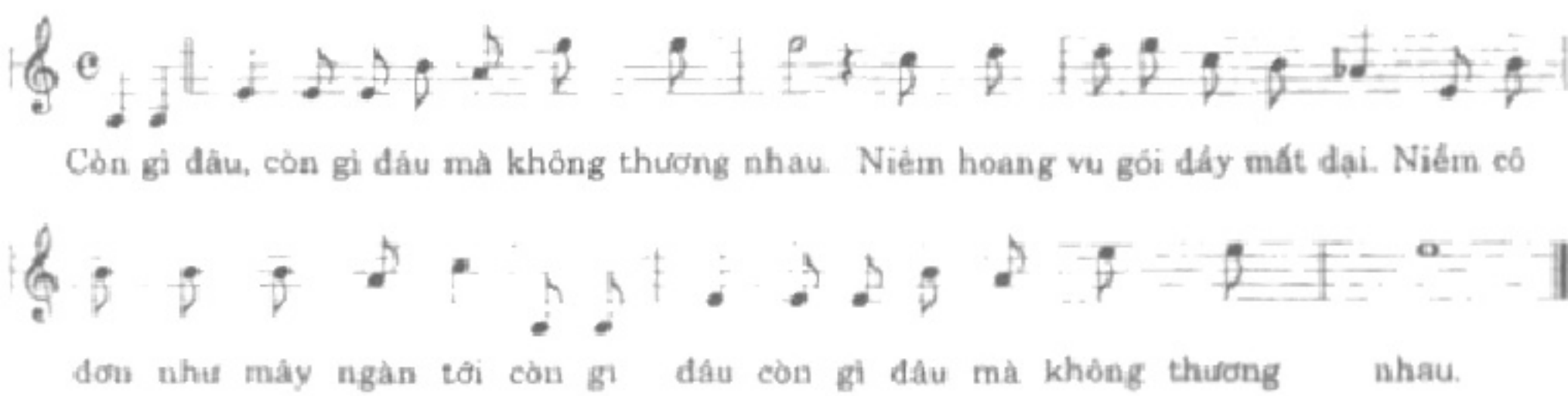

13. Chốn ẩn trú cuối cùng

(Tình yêu mọc cánh thiên thần)

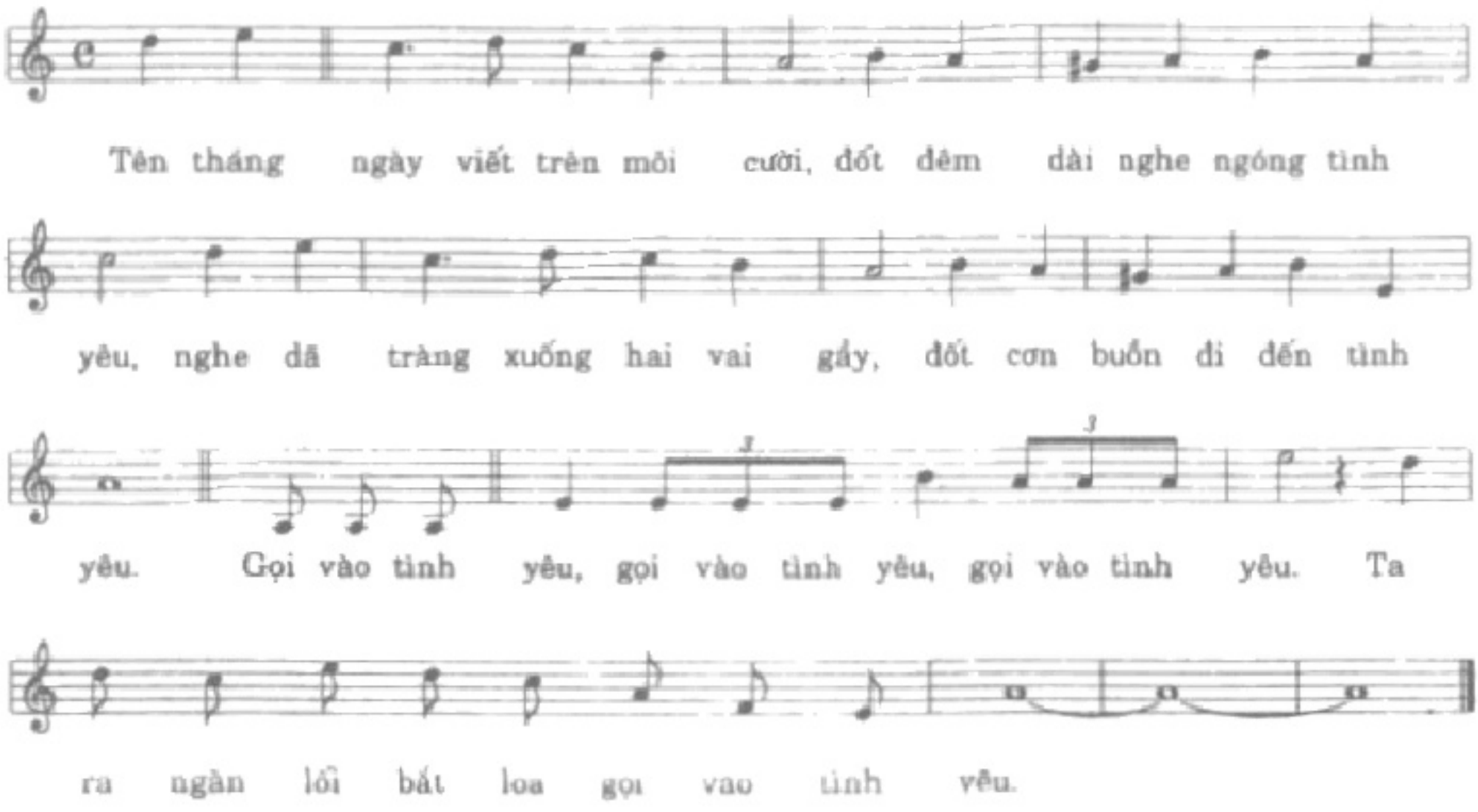

CON ĐƯỜNG MÙA XUÂN

Nhạc và lời: TRỊNH CÔNG SƠN

Rộn rã (Fox lent)

1— Đường đã tới Bắc Nam (hm .... hm) nay lại gặp

nhau Bao (...) nhiêu (...) con người là bao yêu

dấu Đường đã nối chuyến xe ('e ..... e)

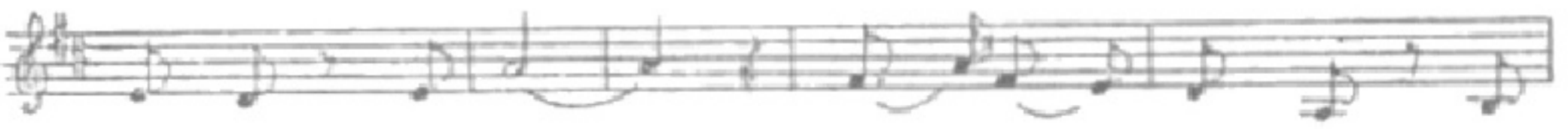

hai miền chạy mau Con (...) sông (...) reo mừng cười

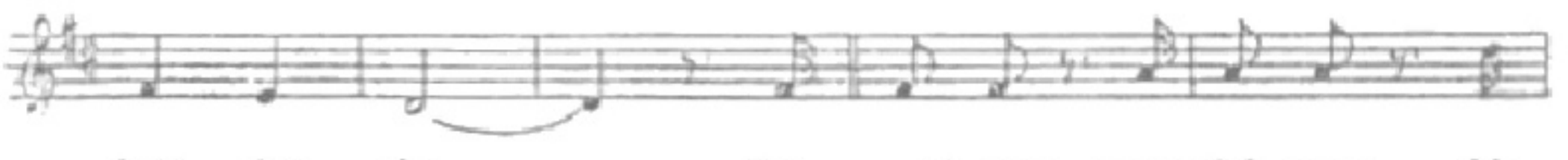

dưới chân cầu Trên quê hương xuân vinh quang đất

nước xanh lại mấy đầu Một rừng cờ tươi

như sao đang vẫy tay chào nắng lên Hà nội tươi

sáng mắt nhìn miền Nam trái tim chồi non

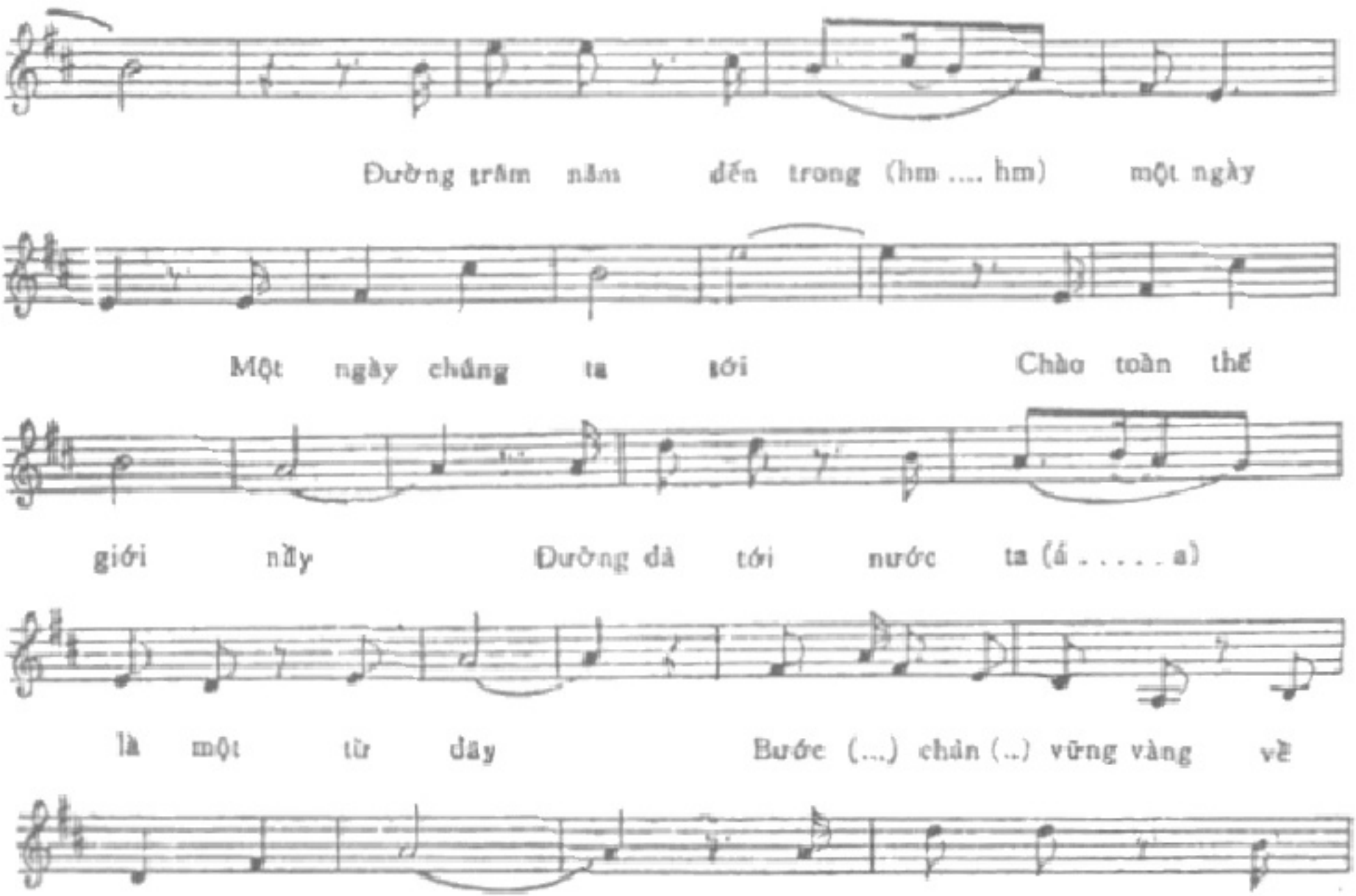

2—

2– Đường đã tới, có trong (hn.. hn) tiếng cười trẻ thơ
Bao nhiêu hy vọng màu xanh như lá
Đường đã tới, có trong (hn...hn) những đời tự do
Bao nhiêu xuân hồng rực rỡ đi về

Nghe trong ta, xuân bao la, vĩnh viễn không còn xuân chờ
Từng cuộc đời, vươn tay xa, gieo xuống những mùa ấm no
Ngày mai tiếng hát lên từ, hạt cơm trắng không buồn lo
Miền đất hứa, chúng ta (á...a) đang về
Vội vàng bước chân nhé, Nhịp nhàng sức thi đua

Đường đã tới, có trong (hn...hn) độc lập tự do
Bao nhiêu con người dựng xây khai phá
Đường sẽ tới, có trên (hn...hn) khắp miền gần xa
Long lanh ánh đèn, lộng lẫy phố nhà.

Ôi, rừng hoa !

(Chi mà vội!)

TÔN THẤT LAN
hát tiễn
TRỊNH CÔNG SƠN

Tha thiết

Anh đi về đâu về đâu, về đâu về đâu rồi
(Như trong vòng) tay đắm ấm lời ru mẹ hiền.

Anh đi về nơi về nơi chốn quê xưa? Anh nay về đâu vé
anh đi về nơi về nơi bống làm người Anh nay về đâu bạn

nơi có trăng sao hay về nơi về nơi giấc mơ màu, bước
cũ ngóng trông chờ hay về nơi về nơi chốn xa mưa gió

chán thôi không về mau Như trong vòng
trăng vây bọc trùng ..trùng Thôi anh với chi anh với chi chi ma

với, rồi cũng trước sau Thôi anh với chi anh với chi chi ma

Sáng hơn

với rồi cũng trước sau Ôi rừng hoa rừng hoa ngập bước về
Bao là hương là hoa để cho đời
(Để hết) Dẫu rồi qua ngày tháng, cuộc sống này

Trong vòng tay vòng tay ái ân xưa Xin hồn say như từng
Bao là say là mê giữa vô thường Xin sói đá đẫn ngàn
Những lời anh còn mãi mãi ru người Thôi thì thôi cuộc

say cõi thế nay Cho lời ru dài thêm bước lãng du.
năm còn lăn trầm Giữa tình vui còn in dấu u hoài
sống nào yên bình Đã buồn vương từ khi nặng kiếp người.

(Huế - Saigon, 4.2001)

Thương nhớ Trịnh Công Sơn - ngược Dạn thời giá Sinh SP/QN

hương trầm

Thương nhớ

Võn Bình

Một đời thênh thang giữa khung trời rộng. Cuộc tình đi

hoang với bao mùa thu gió cuốn. Một đời rong

chơi thú đau thương này Con tim lưu

đày chốn mê cung tình ngọc bao ưu

phiền xuống trên trần gian. Ngày anh đến cơn mưa rào. Ngày anh

đến nhân tình xôn xao. Ngày anh đến mới hôm nào, giờ anh

đã chân trời chia xa Ra đi bầu trời xanh

trong. Áo anh gió lồng lộng Vang vang nhạc kèn ngày

xuôn. Bóng anh xa mờ dần. Cuộc đời cho

anh, anh đã cho đời nụ cười nhân ái. Tình người cho

anh, anh trả cho tình. một bóng con người quanh đây.

Tài liệu tham khảo

Hà Hải Thủy, *Thư mục tác phẩm Trịnh Công Sơn*, t/c Hợp Lưu (Mỹ), số 59, tháng 6, 7 năm 2001

Nhà xuất bản Phụ Nữ, *Trịnh Công Sơn Rơi Lệ Ru Người*, HN. Quý II/2001

Ngô Kha, *Tôi Không Còn Cô Độc*. Tác giả xuất bản, Huế 1961

Ngô Kha, *Thơ Ngô Kha*. Hội VHNT TTH, Huế.1991

Nguyễn Trọng Tảo và.... (chủ biên) *Trịnh Công Sơn, Một Người Thơ Ca, Một Cõi Đi Về* Nxb Âm Nhạc và TT Văn Hóa - Ngôn Ngữ Đông Tây, HN. 5.2001

Trịnh Công Sơn, *Con Đường Mùa* Xuân (nhạc), t/s Văn Nghệ Thừa Thiên Huế, số 1 tháng 3.1976

Trịnh Công Sơn. *Nam Thạch Hãn Những Ngày Đầu Tháng Ba.* T/c Văn Nghệ BTT, số 9/7.1978

Trịnh Công Sơn, *Kinh Việt Nam* (tập nhạc), Nhân Bản. SG 1968

Trịnh Công Sơn, *Ta Phải Thấy Mặt Trời* (tập nhạc), Nhân Bản. SG 1969

Tài liệu diễn dã:

Tại Huế, Qui Nhơn, Đà Lạt, B' lao,

Mục Lục Hình ảnh

H1. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn và nhà nghiên cứu Huế Nguyễn Đắc Xuân uống rượu mừng vừa thực hiện xong phỏng vấn về "Quê quán tôi xưa", mùng Xuân Kỷ Mão (2.1999).
Ảnh tư liệu của NDX 23

H2. Trịnh Công Sơn - học sinh trường Tiểu học Nam Giao.
Ảnh của nhà thờ NTD 24

H3. Trịnh Công Sơn (có dấu X) cùng thầy giáo và bạn thời Trung học ở Huế.
Ảnh tài liệu do Đinh Cường sưu tập 24

H4. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn thắp hương cho tổ tiên tại nhà thờ Nam Trịnh Đường
Ảnh NDX 26

H5. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn bên mộ cụ thân sinh ở Huế
Ảnh NDX 26

H6. Trịnh Công Sơn và La Quang Thanh lại sống gần nhau ở thành phố Hồ Chí Minh từ những năm Tám mươi.
Ảnh kỷ niệm của LQT 36

H7. Trịnh Công Sơn thời học Sư phạm Qui Nhơn. Ảnh chụp trong xưởng vẽ của họa sĩ Đinh Cường
Ảnh tư liệu của Đinh Cường 37

H8. Trịnh Công Sơn cùng các bạn giáo sinh Sư phạm Qui Nhơn.
Ảnh tư liệu của LTNT 37

H9. La Quang Thanh với ban Thanh Sơn Hải trong một tiết mục kịch động nhạc tại Qui Nhơn năm 1962.
Ảnh tư liệu của LTNT 38

H10 Trịnh Công Sơn và Thanh Hải đệm đàn cho Lê Thị Ngọc Trinh hát một bản tình ca của Trịnh Công Sơn.
Ảnh tư liệu của LTNT 38

H11 Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn chỉ huy Ban hợp xướng trình diễn Trường ca "Tiếng Hát Dã Tràng" trong Đại nhạc hội lần thứ nhất do trường Sư phạm Qui Nhơn tổ chức (1962)
Ảnh tư liệu của Phan Văn Bình do NDX sưu tập 42

H12. Sau đúng 40 năm (1962 2002), nhạc sĩ Trương Văn Thanh chơi lại bài "Tiếng Hát Dã Tràng" để tưởng nhớ nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.
Ảnh NDX 44
H13. Nhạc sĩ Nguyễn Đình Niệm xem lại solfège Trường ca "Tiếng Hát Dã Tràng" trước khi công bố.
Ảnh NDX 44
H14. Trịnh Công Sơn đệm đàn cho ca sĩ Khánh Ly hát "Tuổi Đá Buồn" tại quán Văn Đại học Văn khoa Sài Gòn (1965)
Ảnh tư liệu của DC 63
H15. Trịnh Công Sơn hát "Ca Khúc Da Vàng" tại Quán Văn (khoảng 1966 - 1967)
Ảnh tài liệu của Trần Tuyết Hoa 63
H16. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn và ca sĩ Khánh Ly (người thứ nhất và thứ hai bên phải) cùng với Trịnh Xuân Tịnh, bà PhạmVăn Tốn, họa sĩ Tôn Nữ Ngọc Phượng, họa sĩ Đinh Cường và Giáo sư Đỗ Long Vân dự khai mạc Triển lãm tranh Đinh Cường tại Alliance Française DaLat (1965).
Ảnh tư liệu của DC 64
H17. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đệm đàn cho ca sĩ Hà Thanh hát một sáng tác mới của anh
Ảnh tài liệu do Đinh Cường sưu tập 74
H18. Ph. Th. nguồn cảm hứng cho "Nắng Thủy Tinh", "Gọi Tên Bốn Mùa" .. bốn mươi năm trước
Ảnh kỷ niệm của chị NTS do NDX sưu tập 74
H19. Bích Diễm của "Diễm Xưa" ngày ấy
Ảnh kỷ niệm của chị NTS do NDX sưu tập 75
H20. Ngô Vũ Dao Ánh "thôi đã bỏ ai"
Ảnh tài liệu do NDX sưu tập 75
H21. Thầy giáo, nhà thơ, chiến sĩ cách mạng Ngô Kha (1935-1973) - người bạn tâm giao của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn
Ảnh tư liệu do NDX sưu tập 89
H22. Nhân lễ húy kỵ cụ Phan Bội Châu (1971), thầy giáo - nhà thơ tranh đấu Ngô Kha đọc diễn văn kêu gọi tuổi trẻ noi gương Cụ Phan vùng lên đấu tranh cho quyền tự quyết của dân tộc.
Ảnh tư liệu của NDX 89

H23 và 24 Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn nhà thơ Ngô Kha, ca sĩ Khánh Ly và các cô nhà họ Trịnh đến tham dự một buổi độc tấu tại Trường Quốc Gia Âm Nhạc Huế (1968).
Ảnh tư liệu của Lê Gia Phàm 90

H25 Trịnh Công Sơn hát "Kinh Việt Nam" (1971)
Ảnh tư liệu của Phan Văn Bình 91

H26 Trịnh Công Sơn tập cho sinh viên Huế hát một ca khúc đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc.
Ảnh của Lê Văn Lợi, công bố lần đầu 91

H27. Ba người bạn Huế: Họa sĩ Bửu Chỉ, nhạc sĩ Trịnh Công sơn và Tiến sĩ Triết học Thái Thị Kim Lan (1977).
Ảnh tư liệu của NDX 110

H28. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn (người thứ ba từ bên trái), nhà thơ Vĩnh Nguyễn, hoạ sĩ Bửu Chỉ, nhà văn Võ Mạnh Lập, nhà thơ Vương Hồng Hoan và nhà thơ Võ Quê (người thứ hai từ bên phải) chuẩn bị nhận đất sản xuất tự túc (1977)
Ảnh tư liệu của NDX 111

H29. Nhà nghiên cứu Huế Nguyễn Đắc Xuân (người thứ hai bên trái) hướng dẫn nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, nhạc sĩ Phạm Trọng Cầu và nhạc sĩ Hoàng Hiệp thăm Huế vào năm 1982.
Ảnh tư liệu của NDX 111

H30 H31. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn hát mừng ngày cưới của đôi bạn Nguyễn Đắc Xuân Võ Thị Cẩm Tú (3.1976)
Ảnh tư liệu của NDX 130

H32. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn (đứng ngoài bên trái) và nhạc sĩ Phan Văn Bình (đứng ngoài bên phải) cùng các bạn giáo sinh Sư phạm tại Qui Nhơn (1963)
Ảnh kỷ niệm của Phan Văn Bình 192

H33 Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn ngồi giữa bà Nguyễn Đình Chi (bên trái) và ông Tống Hoàng Nguyên cán bộ lão thành (bên phải) là khách danh dự của Đại hội Văn nghệ Thành phố Huế lần thứ nhất, 27.4 1988.
..... 193

H34. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn và NSNA Dương Minh Long cùng bạn bè ở Huế dự lễ khai mạc phòng ảnh nghệ thuật của Dương Minh

Long tổ chuctại Hội VHTT TTH ngày 29.7.1995

Ảnh tư liệu của NDX 194

H35. Nhà thơ Thân Thị Ngọc Quế mừng sinh nhật nhạc sĩ Trịnh Công Sơn

Ảnh tư liệu của NDX 194

H36. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn cùng họa sĩ Bửu Chỉ, họa sĩ Hoàng Dăng Nhuận gặp gỡ ông Nguyễn Hữu Dông Giám đốc Công ty Du lịch Hương Giang Huế

Ảnh NDX, 3.1998 195

H37. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn (người thứ hai bên trái), nhà dịch thuật Bửu Ý (người thứ nhất bên phải), gặp bác sĩ Bùi Thị Cẩm Hà (một Việt Kiều hoạt động từ thiện nổi tiếng) và một vài người bạn tại Khách sạn Sài Gòn Morin Huế (1998)

Ảnh tư liệu của Bửu Ý 195

H38 Kính cẩn trước bàn thờ nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, hàng trước: Nhà nghiên cứu Huế Nguyễn Đắc Xuân, ca sĩ Quỳnh Dao, hàng sau: nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương, cô Hoàng Anh.

Ảnh Dương Minh Long 196

H39 Trong phòng tranh "Bửu Chỉ Đinh Cường vẽ Trịnh Công Sơn" nhân 100 ngày mất của Trịnh Công Sơn. Nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường (ngồi trên xe lăn), Nguyễn Đắc Xuân, Đinh Cường, Lâm Thị Mỹ Dạ và bà Bửu Ý (hàng sau)

..... 197

H40 Bốn người bạn Huế Bửu Chỉ, Đinh Cường, Bửu Ý, Nguyễn Đắc Xuân của Trịnh Công Sơn trong phòng tranh "Bửu Chỉ Đinh Cường vẽ Trịnh Công Sơn" tại nhà Triển lãm 4 Hoàng Hoa Thám, 7.2001

..... 197

H41. Tuổi trẻ Huế tự hào Xứ Huế đã sản sinh ra nhạc sĩ thiên tài Trịnh Công Sơn Ảnh chụp một nữ sinh bên bức tranh Bửu Chỉ vẽ Trịnh Công Sơn trưng bày tại Hội Quán Hội Ngộ (làng du lịch Bình Quới)

..... 198

H42. Đêm 31.3.2002, tại Hội Quán Hội Ngộ làng Du lịch Bình Quới TP.HCM, kể chuyện nhạc sĩ Trịnh Công Sơn sống và sáng tác tại Huế những năm sau tháng 5.1975.

Ảnh HVV 198

Mục lục

Lời nói đầu 5

Phần thứ nhất : Hỏi chuyện, Nghiên cứu 11

Với Trịnh Công Sơn một buổi đầu xuân 13

- Trịnh Công Sơn với "*quê quán tôi xưa*" 17

- Trịnh Công Sơn với phố biển Qui Nhơn 29

Làm sao tìm được trường ca *Tiếng Hát Dã Tràng* của Trịnh Công Sơn? 39

Trịnh Công Sơn với Cao nguyên bụi đỏ sương mù 52

Tạ ơn giai nhân, tạ ơn Trịnh Công Sơn và 65

Ngô Kha Trịnh Công Sơn từ tình bạn đến tình nước 73

Phần thứ hai: Hồi ức và bình luận 93

- Tâm tình một người nghiên cứu Huế với thiên tài âm nhạc Trịnh Công Sơn 95

- Về hiện tượng âm nhạc Trịnh Công Sơn 120

- Vô tình Trịnh Công Sơn có mặt trong những bước ngoặt đời tôi 127

Tản mạn về con ngựa trong ca từ Trịnh Công Sơn 133

Quý trọng Trịnh Công Sơn, hãy viết đúng về anh ! 138

Vì sự quý trọng nên cần sửa lại cho đúng 143

Phụ lục 148

- Hồi ức của Trịnh Công Sơn và "Diễm của những ngày xưa" 150

Thư Gởi Ngô Kha của Trịnh Công Sơn 153

- Nam Thạch Hãn những ngày đầu tháng ba (Trịnh Công Sơn) 163

Long tổ chức tại Hội VHTT TTH ngày 29.7.1995

Ảnh tư liệu của NDX 194

H35. Nhà thơ Thân Thị Ngọc Quê mừng sinh nhật nhạc sĩ Trịnh Công Sơn

Ảnh tư liệu của NDX 194

H36. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn cùng họa sĩ Bửu Chỉ, họa sĩ Hoàng Đăng Nhuận gặp gỡ ông Nguyễn Hữu Đông Giám đốc Công ty Du lịch Hương Giang Huế.

Ảnh NDX, 3.1998 195

H37. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn (người thứ hai bên trái), nhà dịch thuật Bửu Ý (người thứ nhất bên phải), gặp bác sĩ Bùi Thị Cẩm Hà (một Việt Kiều hoạt động từ thiện nổi tiếng) và một vài người bạn tại Khách sạn Sài Gòn Morin Huế (1998)

Ảnh tư liệu của Bửu Ý 195

H38. Kính cẩn trước bàn thờ nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, hàng trước: Nhà nghiên cứu Huế Nguyễn Đắc Xuân, ca sĩ Quỳnh Dao, hàng sau: nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương, cô Hoàng Anh.

Ảnh Dương Minh Long 196

H39. Trong phòng tranh "Bửu Chỉ Đinh Cường vẽ Trịnh Công Sơn" nhân 100 ngày mất của Trịnh Công Sơn. Nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường (ngồi trên xe lăn), Nguyễn Đắc Xuân, Đinh Cường, Lâm Thị Mỹ Dạ và bà Bửu Ý (hàng sau)

..... 197

H40. Bốn người bạn Huế Bửu Chỉ, Đinh Cường, Bửu Ý, Nguyễn Đắc Xuân của Trịnh Công Sơn trong phòng tranh "Bửu Chỉ Đinh Cường vẽ Trịnh Công Sơn" tại nhà Triển lãm 4 Hoàng Hoa Thám, 7.2001

..... 197

H41. Tuổi trẻ Huế tự hào Xứ Huế đã sản sinh ra nhạc sĩ thiên tài Trịnh Công Sơn Ảnh chụp một nữ sinh bên bức tranh Bửu Chỉ vẽ Trịnh Công Sơn trưng bày tại Hội Quán Hội Ngộ (làng du lịch Bình Quới)

..... 198

H42. Đêm 31.3.2002, tại Hội Quán Hội Ngộ làng Du lịch Bình Quới TP.HCM, kể chuyện nhạc sĩ Trịnh Công Sơn sống và sáng tác tại Huế những năm sau tháng 5.1975.

Ảnh HVV 198

Vài kỷ niệm với Trịnh Công Sơn (Phan Văn Bình) 171
- Phác thảo chân dung tôi 175
Trường ca Tiếng Hát Dã Tràng (nhạc Trịnh Công Sơn) 199
Con Đường Mùa Xuân (Nhạc Trịnh Công Sơn, Văn Nghệ TTH) 205
Ôi Rừng Hoa (Chi Mà Vội) (nhạc Tôn Thất Lan) 207
- Hương Trầm (nhạc Văn Bình) 208
Tài liệu tham khảo 209
Mục lục hình ảnh 210
- Mục lục 214

TRỊNH CÔNG SƠN
CÓ MỘT THỜI NHƯ THẾ

NGUYỄN ĐẮC XUÂN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU QUỐC HỌC

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN VĂN LƯU
Biên tập: THÁI BÌNH
Bìa: TRỌNG YÊN
Sửa bản in: THÁI BÌNH

In lần thứ nhất 1.000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm tại Xí nghiệp In 4, 61
Phạm Ngọc Thạch Q.3, TP. HCM. Giấy phép số 883/39 CXB do
Nhà xuất bản Văn học cấp ngày 7/10/2002 In xong và nộp lưu chiểu
tháng 1 năm 2003.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU QUỐC HỌC
Center For National Culture Studies

Hà Nội: 9 Nguyễn Đình Chiểu
Tel: (84-4) 9438072
Fax: (84-4) 8263777

TP. Hồ Chí Minh: 81 Trần Quốc Thảo
Tel: (84-8) 9327061
Tel/Fax: (84-8) 8290498-83 Phan Kế Bính

E-mail: maiquoclien@hcm.vnn.vn

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC

1. Huy Cận (Chủ tịch) 2. Tố Hữu 3. Trần Bạch Đằng 4. Giản Chi 5. Vũ Khiêu 6. Đinh Gia Khánh 7. Nguyễn Tài Cẩn 8. Hà Văn Tấn 9. Hà Minh Đức 10. Lý Việt Dũng 11. Trần Thanh Đạm 12. Cao Xuân Hạo 13. Nguyễn Quảng Tuân 14. Hữu Thỉnh 15. Anh Đức 16. Trần Đình Sử 17. Nguyễn Đắc Xuân 18. Kiều Thu Hoạch 19. Mạc Đường 20. Viễn Phương 21. Vĩnh Sính 22. Trần Văn Dĩnh (Washington D.C) 23. Ngô Vĩnh Long (ĐH Maine, Hoa Kỳ) 24. Trần Văn Khê (Paris) 25. Thu Trang (Paris) 26. Mai Quốc Liên (Phó Chủ tịch)

Giám đốc Trung tâm: Mai Quốc Liên
Phó Giám đốc: Võ Xuân Đàn - Bùi Bình Thi

ĐÃ XUẤT BẢN

- Nguyễn Du toàn tập (Mai Quốc Liên - Nguyễn Quảng Tuân biên khảo)
- Luận về Quốc học (nhiều tác giả)
- Sông Côn mùa lũ (tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác)
- Đại từ điển chữ Nôm (Vũ Văn Kính)
- Chế Lan Viên giữa chúng ta (nhiều tác giả)
- Văn xuôi Nam bộ nửa đầu thế kỷ XX (2 tập)
- Phan Châu Trinh ở Pháp (Thu Trang)
- Hồ Chí Minh - Thơ - Toàn tập (Trần Đắc Thọ)
- Nguyễn Trãi toàn tập (Mai Quốc Liên - Kiều Thu Hoạch - Nguyễn Khuê...)
- Bản sắc dân tộc trong văn hoá văn nghệ (nhiều tác giả)
- Việt Nam-Nhật Bản - giao lưu văn hóa (Vĩnh Sính)
- Ngô Thì Nhậm - tác phẩm (Mai Quốc Liên chủ biên)
- Chủ nghĩa cấu trúc và văn học (Trịnh Bá Đĩnh)
- Truyện Kiều bản Nôm cổ nhất (Nguyễn Quảng Tuân) ...

SẼ XUẤT BẢN

- Cao Bá Quát toàn tập
- Từ điển Taberd
- Đỗ Phủ toàn tập
- Châu bản triều Tự Đức
- Giới thiệu Nhạc khí và Dàn nhạc dân tộc Việt Nam (Minh Hiến) ...

TRỊNH CÔNG SƠN CÓ MỘT THỜI...
10131613
35.000 đ/C